CHUYỆN NGẠ QUỶ

(*Petavatthu*)

Dịch giả
NGUYÊN TÂM - TRẦN PHƯƠNG LAN

DẪN LUẬN CHUYỆN NGẠ QUỶ (*PETAVATTHU*)

1. Về từ ngữ, niên đại và vị trí

Ngạ quỷ sự hay *Chuyện Ngạ quỷ*, *Chuyện Ma quỷ* (*Petavatthu*) là bản văn thứ bảy của *Kinh Tiểu bộ* (*Khuddaka Nikāya*, 小部經) thuộc Kinh tạng Pāli, được phiên âm tắt trong Hán việt là "Tỳ-đa" (H. 卑多, P. *peta,* S. *preta*), có 4 phẩm (*vagga,* 品) gồm 51 câu chuyện (*vatthu,* 事) với 814 bài thi kệ (*gāthā*, 頌詩) và 3 kệ cuối liệt kê danh mục trong bản Pāli của Chaṭṭha Saṅgāyana Tipiṭaka (CST) và 823 bài thi kệ trong bản Pāli-Sinhala.

Trong tiếng Pāli, từ "*vatthu*" có nghĩa đen là "câu chuyện" (事). Từ "*peta*" trong tiếng Pāli và từ tương đương "*preta*" trong tiếng Sanskrit có nghĩa là đã chết (死人, *dead*), đã quá vãng (過往, *departed*), đã trở thành "hương linh" (香靈, *the departed spirit*), hay "ma quỷ" (魔鬼, *ghost*). Cụm từ "*Petavatthu*" có nghĩa đen là "*Chuyện Ma quỷ*" (餓鬼事, *Ghost stories*). Các dịch giả chữ Hán thường ghi thêm tính từ "ngạ" (餓, *hungry*) trước chữ "quỷ" nên "ngạ quỷ" (餓鬼) mới có nghĩa là "quỷ đói" hay "ma đói", đang khi trong tiếng Pāli và Sanskrit không hề có tính từ "đói khát" này.

Chuyện Ngạ quỷ đề cập đến hai loại quỷ với hai quy chiếu nhân quả khác nhau. Loại thứ nhất là "ma quỷ" (*peta*), tức những người chết mà nghiệp nhân của họ phần lớn là hành vi ác độc, tội lỗi, gây tạo khổ đau cho người khác mà không chịu sám hối chuyển nghiệp, làm mới cuộc đời. Cảnh giới tồn tại của họ là địa ngục, trên đất liền, dưới nước... Loại thứ hai là "quỷ thần" (*vimānapeta*), có khi là địa thần, là một loại hiện hữu phức tạp, vì đa phần phải chịu quả khổ do nghiệp ác đã gieo trong kiếp trước, một phần hưởng phước tương đối từ thiện nghiệp khác. Tập *Chuyện Ngạ quỷ* đề cập đến loại "quỷ thần" này tái sanh ở cõi trời nhưng không có quần áo mặc, không ăn uống được như các thiên nam, thiên nữ (*devatā,* 天子,天女, *gods or goddesses*) khác.

Theo Kinh tạng nói chung và *Chuyện Ngạ quỷ* nói riêng thì ma quỷ là cảnh giới hiện hữu khổ đau, là hậu quả (*kammavipāka, kammaphala*) của nghiệp xấu ác trong quá khứ. Tuy nhiên, không nhất thiết câu chuyện nào trong *Chuyện Ngạ quỷ* cũng đều nói về nghiệp quả của ma quỷ mà bao gồm một số câu chuyện nói về quả phước của chư thiên. Cũng có một số câu chuyện trùng với nội dung trong *Chuyện Thiên cung.* Nếu bỏ các câu chuyện trùng lặp ra thì

Chuyện Ngạ quỷ chỉ có khoảng 45 câu chuyện dạy về nhân quả xấu trong tiến trình tái sanh tự nhiên của con người và các loại động vật.

Về niên đại ra đời, dựa vào câu chuyện ngạ quỷ thứ 3 trong phẩm thứ 4 (*Nandakapetavatthu*), có thể suy luận rằng *Chuyện Ngạ quỷ* được ra đời vào khoảng 300 năm sau khi đức Phật nhập Niết-bàn. Có một vài bài kinh trong *Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh* nói về ngạ quỷ tương đương trong *Chuyện Ngạ quỷ* này.[1] Hiện có một, hai bản dịch bằng Bạch thoại[2] và tiếng Anh[3] về *Chuyện Ngạ quỷ,* có lẽ là do bản văn này không được xem là bản văn đại diện triết học Phật giáo như trường hợp của 4 bộ kinh điển Pāli.

2. Về cấu trúc và nội dung

Khác với phần lớn 4 bộ kinh điển Pāli và các bản văn *Kinh Tiểu bộ* còn lại, *Chuyện Ngạ quỷ* được kể dưới hình thức vấn đáp. Dựa vào kinh văn và bản *Chú giải* (*Aṭṭhakathā*) của Đại sư chú giải Dhammapāla, người hỏi trong các câu chuyện này là đức Phật, Tôn giả Sāriputta, Tôn giả Moggallāna, Tôn giả Nārada và thỉnh thoảng là Vua Ajātasattu (A-xà-thế), và đối tượng được hỏi không ai khác hơn là các ngạ quỷ trong các câu chuyện thương tâm về nghiệp quả phải đền trả.

Bên cạnh thể loại vấn đáp, *Chuyện Ngạ quỷ* là các câu chuyện trình bày bằng thi kệ, mỗi bài kệ bản Pāli có 4 hoặc 6 câu (*pāda*) và được dịch ra tiếng Việt 4, 6 hoặc 8 câu tùy ngữ điệu. Chuyện ngắn nhất chỉ có 1 bài kệ như *Chuyện ngạ quỷ trục xe và cây gỗ* (*Akkharukkhapetavatthu, Pv.* IV. §48) và *Chuyện ngạ quỷ thu góp tài sản* (*Bhogasaṃharapetavatthu, Pv.* IV. §49). Chuyện dài nhất có 87 bài kệ là *Chuyện ngạ quỷ Vua Ambasakkara* (*Ambasakkarapetavatthu*, *Pv.* IV. §36) và *Chuyện ngạ quỷ Aṅkura* (*Aṅkurapetavatthu*, *Pv.* II. §21) có 74 kệ.

Về thành phần xã hội, phần lớn các câu chuyện mô tả những người nữ bị đọa làm ngạ quỷ, trong đó có chuyện phụ nữ đánh ghen bằng thuốc độc để làm trụy thai. Bên cạnh đó cũng có những người nam, người cha, người mẹ, người con bất hiếu, kẻ gian tham, kẻ lừa dối, kẻ giết người, kẻ không chung thủy, kẻ ganh tị, kẻ chấp sở hữu, kẻ keo kiệt, bủn xỉn, kẻ luyến tiếc tình yêu và nói chung là những người tạo nghiệp ác.

Phẩm thứ nhất có tựa đề là "*Con rắn*" (*Uragavagga*, 蛇品) có 12 chuyện theo thứ tự 1-12 (*Pv.* I. §1-12) với 94 bài kệ, được viết bằng mã số *Pv.* I: 1-94, trong đó, số I là phẩm thứ nhất và 1-94 là số thứ tự của các thi kệ.

---

[1] *Uttaramātupetivatthu* (*Pv.* II. §22) tương đương với *Ưu-đa-la mẫu đọa ngạ quỷ duyên* (優多羅母墮餓鬼緣), chuyện số 46 trong *Soạn tập bách duyên kinh* (撰集百緣經), thuộc bộ *Bản duyên*, do Chi-khiêm (支謙) dịch (*T*.04. 0200.46. 0224c17).

[2] Tham chiếu bản dịch chữ Hán: http://www.ahanjing.top/wap/view/9/7/ hoặc https://dhammarain.github.io/canon/sutta/khuddaka/cy-3-Petavatthu.pdf/ (truy cập ngày 19/2/2021).

[3] Tham chiếu bản dịch tiếng Anh của Kiribathgoda Gnanananda Thera, *Petavatthu - Stories of the Hungry Ghosts*, tại https://www.accesstoinsight.org/tipitaka/kn/pv/index.html/ (truy cập ngày 18/2/2021).

Chuyện ngạ quỷ thí dụ phước điền (*Khettūpamapetavatthu*, *Pv.* I. §1, 福田鬼事) gồm các kệ 1-3, kể về thanh niên con trai đại phú ông ở Vương Xá, lấy vợ kiều diễm ở tuổi 16, chỉ thích ăn chơi. Khi cha mẹ mất, cậu phá sản, thành kẻ ăn xin, bị dụ dỗ trở thành kẻ trộm cướp. Trước lúc bị tử hình, cậu quy ngưỡng Tôn giả Moggallāna nên tái sanh làm quỷ thần ở cõi trời. Tăng đoàn trở thành ruộng phước của con người.

Chuyện ngạ quỷ mõm lợn (*Sūkaramukhapetavatthu*, *Pv.* I. §2, 豚鬼事) gồm các kệ 4-6, nói đến người đàn ông nghèo đói ở Vương Xá có miệng như mõm lợn rừng, do kiếp trước làm Tỳ-kheo thời đức Phật Kassapa (Ca-diếp) lại mắng chửi Tăng đoàn nên bị đọa vào địa ngục suốt thời gian một Phật kỳ.

Chuyện ngạ quỷ có mồm hôi thối (*Pūtimukhapetavatthu*, *Pv.* I. §3, 臭口鬼事) gồm các kệ 7-9, đề cập ngạ quỷ có mồm hôi thối ở Vương Xá, do kiếp trước làm Tỳ-kheo ganh tị và tham lam, đã đuổi hai vị Tỳ-kheo thanh tịnh đi rồi vu khống họ tranh cãi nhau, nên bị đọa địa ngục.

Chuyện ngạ quỷ hình nhân bằng bột (*Piṭṭhadhītalikapetavatthu*, *Pv.* I. §4, 人形鬼事) gồm các kệ 10-13, đức Phật khuyên rằng việc thương tiếc khóc than người quá cố không có lợi ích gì, thay vào đó, cúng dường Tăng đoàn và làm việc phước thiện hồi hướng cho người chết sẽ có nhiều lợi ích hơn.

Chuyện ngạ quỷ ngoài bức tường (*Tirokuṭṭapetavatthu, Pv.* I. §5, 戶外鬼事) gồm các kệ 14-25, đức Phật dạy Vua Bimbisāra về công đức xây dựng chùa, cúng dường các nhu yếu cho Tăng đoàn, làm việc phước thiện hồi hướng công đức cho quyến thuộc đã quá vãng.

Chuyện ngạ quỷ ăn thịt năm đứa bé (*Pañcaputtakhādapetivatthu*, *Pv.* I. §6, 食兒鬼事一) gồm các kệ 26-34, nói về nữ ngạ quỷ xấu xí kể lại nguyên nhân kiếp trước do ganh tị đã bảo thầy thuốc làm cho đứa con của vợ hai chết trong bào thai.

Chuyện ngạ quỷ ăn thịt bảy đứa bé (*Sattaputtakhādapetivatthu*, *Pv.* I. §7, 食兒鬼事二) gồm các kệ 35-45, kể về nữ ngạ quỷ kiếp trước do lòng ganh tị đã làm trụy thai của vợ hai nên bị đọa lạc.

Chuyện ngạ quỷ bò (*Goṇapetavatthu*, *Pv.* I. §8, 牛鬼事) gồm các kệ 46-53, đức Phật kể chuyện kiếp trước, thanh niên Sujāta giúp cha giác ngộ, không bị khổ đau vì ông nội mất, nên cố tình lấy cỏ và nước yêu cầu con bò đã chết ăn uống, làm cho người cha thấy việc khóc và thương tiếc người chết không làm người chết sống lại. Người cha tỉnh ngộ trở lại ăn uống, sống và làm việc. Khi từ trần, thanh niên Sujāta tái sanh về cõi trời làm người bảo hộ thế giới.

Chuyện ngạ quỷ và ông chủ thợ dệt (*Mahāpesakārapetivatthu*, *Pv.* I. §9, 織女鬼事) gồm các kệ 54-57, nói về nữ ngạ quỷ bị nôn mửa, không ăn được, buồn khổ vì kiếp trước nguyền rủa Tăng đoàn khi chồng của bà mời về nhà cúng dường, còn chồng của bà được tái sanh làm vị thần cây nhờ hạnh cúng dường.

Chuyện ngạ quỷ sói đầu (*Khallāṭiyapetivatthu*, *Pv.* I. §10, 禿頭鬼事) gồm các kệ 58-72, kể về nữ ngạ quỷ sống không có y phục che thân trong lâu đài bằng vàng. Kiếp trước, cô là một phụ nữ kiêu diễm, bị nhóm nữ nhân ganh ghét, phục thuốc làm hủy hoại mái tóc như chim bồ câu bị vặt hết lông, nên cô xấu hổ và ra ngoại thành cư trú, sinh nhai. Một lần, vì lòng tham, cô ăn cắp y phục của 3 người đàn ông và một lần khác, do kính trọng Tăng bảo, cô làm bánh hạt dẻ cúng dường lên Thánh Tăng. Vì vậy, khi quả xấu và tốt cùng lúc trổ sanh nên cô sống trong lâu đài vàng nhưng không có y phục che thân.

Chuyện ngạ quỷ voi (*Nāgapetavatthu*, *Pv.* I. §11, 象鬼事) gồm các kệ 73-84, nói về một gia đình Bà-la-môn, trong đó, cha mẹ bất kính Tam bảo đang khi 2 con trai và 1 con gái cúng dường Tăng đoàn. Do cùng lúc chết vì bão lớn, cha mẹ đọa làm ngạ quỷ, 3 người con sanh làm địa thần.

Chuyện ngạ quỷ rắn (*Uragapetavatthu*, *Pv.* I. §12, 蛇鬼事) gồm các kệ 85-94, đức Phật kể chuyện tiền thân Uragajātaka (*Chuyện Tiền thân con rắn,* số 354) về cậu con trai gia đình Dhammapāla bị chết do rắn hổ mun cắn được tái sanh làm Thiên chủ Sakka nhờ kính tín Tam bảo. Qua đó, đức Phật khuyên vị gia chủ ở Sāvatthi đừng sầu khổ vì con trai vừa qua đời.

Phẩm thứ hai có tựa đề là "*Ubbarī*" (*Ubbarivagga*, 鬱婆利品) có 13 câu chuyện theo thứ tự 13-25 (*Pv.* II. §13-25) gồm 292 bài kệ, viết bằng mã số *Pv.* II: 95-386, trong đó, số II là phẩm thứ hai, và số 95-386 là số thứ tự của các thi kệ.

Chuyện ngạ quỷ tìm giải thoát khỏi vòng luân hồi (*Saṃsāramocakapetivatthu*, *Pv.* II. §13, 離輪迴鬼事) gồm các kệ 95-115, kể về cô gái có tà kiến ở Magadha, lần thứ nhất đọa làm ngạ quỷ do giết nhiều côn trùng và châu chấu, lần thứ hai sống ở Vương Xá khi chết làm ngạ quỷ do bất kính với Trưởng lão Sāriputta.

Chuyện ngạ quỷ mẹ của Trưởng lão Sāriputta (*Sāriputtattheramātupetivatthu*, *Pv.* II. §14, 舍利弗母鬼事) gồm các kệ 116-33, đề cập nữ Bà-la-môn giàu có, trong kiếp thứ 5 trước đó, bà là mẹ của Trưởng lão Sāriputta, bị đọa làm ngạ quỷ do không làm đúng lời dặn của chồng cung kính cúng dường chư Tăng; chẳng những bà không cúng dường mà còn nguyền rủa các tu sĩ hãy ăn phân, uống nước tiểu, uống máu, ăn óc của mẹ mình.

Chuyện ngạ quỷ Mattā (*Mattāpetivatthu*, *Pv.* II. §15, 魔陀鬼事) gồm các kệ 134-67, kể về nữ ngạ quỷ ở Sāvatthi, kiếp trước bà là Mattā, do ganh tị với vợ hai của chồng tên là Tissā đã đổ rác lên đầu bà này.

Chuyện ngạ quỷ Nandā (*Nandāpetivatthu*, *Pv.* II. §16, 難陀鬼事) gồm các kệ 168-85, nói về nữ ngạ quỷ đen đủi, xấu xí ở Sāvatthi, kiếp trước bà tên Nandā không tin Tam bảo, bỏn xẻn, dễ nổi nóng, không kính trọng chồng, hay nói lời giận dữ, thích mạ lỵ, phỉ báng chồng và mẹ chồng.

Chuyện ngạ quỷ đeo vòng tai sáng chói (*Maṭṭhakuṇḍalīpetavatthu*, *Pv.* II. §17, 耳環女鬼事) gồm các kệ 186-206, giống với chuyện thứ 83 của *Chuyện Thiên cung* (*Chuyện lâu đài của vị thiên tử đeo vòng tai sáng chói*), kể về chàng trai Maṭṭhakuṇḍalī nhờ được nhìn thấy đức Phật trong giờ phút cuối cùng trên giường bệnh, sanh tâm hoan hỷ nên được sanh về cõi trời Ba Mươi Ba. Nhưng người cha vì quá thương xót con, khóc than sầu khổ nên chàng trai hiện hình trong bộ dạng của ngạ quỷ để làm thức tỉnh người cha của mình.

Chuyện ngạ quỷ Đại vương Kaṇha (*Kaṇhapetavatthu*, *Pv.* II. §18, 餓鬼事) gồm các kệ 207-26, nói về gia chủ ở Sāvatthi do mất con nên không tắm, không ăn uống, bỏ bê công việc, không phụng sự Tam bảo. Đề độ ông hết sầu khổ, đức Phật kể chuyện kiếp trước, Đại vương Kaṇha có 9 hoàng đệ; khi con trai của vua qua đời, vua bỏ bê việc triều chính. Nhờ em trai phân tích về vô thường, vua mới hết khổ.

Chuyện ngạ quỷ chủ ngân khố Dhanapāla (*Dhanapālaseṭṭhipetavatthu*, *Pv.* II. §19, 財護鬼事) gồm các kệ 227-45, kể về một thương gia giàu có ở Sāvatthi bị đọa làm ngạ quỷ trong sa mạc nóng, khát, do kiếp trước khi làm chủ ngân khố tên là Tài Hộ, không mộ đạo lại tham lam, keo kiệt, không giúp đỡ bất cứ ai và tạo nhiều ác nghiệp.

Chuyện ngạ quỷ tiểu chủ ngân khố (*Cūḷaseṭṭhipetavatthu*, *Pv.* II. §20, 權商鬼事) gồm các kệ 246-56, kể về gia chủ Cūḷaseṭṭhi (Tiểu chủ Ngân Khố) là người không có lòng tin, không mộ đạo, keo kiệt, không bố thí và khinh thường các thiện sự công đức. Lúc từ trần, vị ấy tái sanh trong loài ngạ quỷ.

Chuyện ngạ quỷ Aṅkura (*Aṅkurapetavatthu*, *Pv.* II. §21, 央堀羅鬼事) gồm các kệ 257-330, kể về Vương tử Aṅkura đã nhường toàn bộ vùng lãnh thổ của mình cho chị là Công chúa Añjanadevi. Ông mải mê lo buôn bán và thường xuyên tổ chức những cuộc bố thí lớn, ông thoát chết ở sa mạc nhờ vào vị thổ thần có ân tình với ông cứu giúp. Vị này trong kiếp trước do hoan hỷ với sự bố thí của triệu phú Asayha nên tái sanh làm thổ thần sống trong một cây đa cổ thụ, còn triệu phú Asayha thích bố thí được sanh về cõi trời Ba Mươi Ba.

Chuyện ngạ quỷ mẹ của Uttara (*Uttaramātupetivatthu*, *Pv.* II. §22, 鬱多羅母鬼事) gồm các kệ 331-40, nói về nữ ngạ quỷ có tóc dài đen, thướt tha và đẹp. Do sau khi đức Phật nhập diệt, con trai bà là Uttara bố thí, xây dựng thảo am và mời Trưởng lão Mahākaccāna thuyết pháp; khi đó bà căm ghét, nguyền rủa vật cúng trở thành máu. Tuy nhiên, về sau bà đồng ý cúng bó lông đuôi công vào ngày cúng dường thảo am nên bà có được mái tóc đẹp.

Chuyện ngạ quỷ cuộn chỉ (*Suttapetavatthu*, *Pv.* II. §23, 線餓鬼事) gồm các kệ 341-47, nói về thiện nam phụng sự đức Phật Độc Giác, chết do rắn cắn vào ngày cưới, tái sanh làm ngạ quỷ sống trong lâu đài quyền lực. Do luyến ái với tân nương của mình nên đã tìm mọi cách đưa nàng vào sống chung trong lâu

đài đó. 700 năm sau, đức Phật Thích-ca ra đời, thuyết pháp đã làm chấn động tâm tư cô gái và cô tái sanh lại kiếp người làm rất nhiều thiện sự và khuyên mọi người làm thiện sự.

Chuyện ngạ quỷ ở hồ Kaṇṇamuṇḍa (*Kaṇṇamuṇḍapetivatthu*, *Pv.* II. §24, 無耳犬鬼事) gồm các kệ 348-67, kể về nữ ngạ quỷ xinh đẹp ở hồ Kaṇṇamuṇḍa (Tai Cụt) thường bị chó ngao cắn xé suốt 700 năm, do kiếp trước không chung thủy, lại phủ nhận và thề độc với chồng rằng nếu em ngoại tình thì em sẽ bị chó xé thân ở kiếp sau.

Chuyện ngạ quỷ Hoàng hậu Ubbarī (*Ubbaripetavatthu*, *Pv.* II. §25, 鬱婆利鬼事) gồm các kệ 368-86. Đức Phật kể cho một tín nữ ở Sāvatthi đang bị khổ đau vì mất chồng nghe chuyện đời trước về Vua Brahmadatta ở Kapila giả làm thường dân vi hành xem xét đời sống của đất nước, tình cờ gặp và lấy nàng Ubbarī làm hoàng hậu. Khi Vua mất, Hoàng hậu thương khóc ngày đêm. Nhờ Bồ-tát (tiền thân của đức Phật) hóa độ, Hoàng hậu tỉnh ngộ, xuất gia, tu tập tâm từ, sau khi chết sanh về cõi trời Phạm Thiên. Nghe chuyện này, tín nữ phát sanh tâm tịnh tín với Tam bảo và buông bỏ được sầu khổ.

Phẩm thứ ba có tựa đề là "*Nhỏ*" (*Cūḷavagga*, 小品) có 10 câu chuyện theo thứ tự 26-35 (*Pv.* III. §26-35), gồm 130 bài kệ, viết tắt bằng mã số *Pv.* III: 387-516, trong đó, số III là phẩm thứ ba và số 387-516 là số thứ tự của các thi kệ.

Chuyện ngạ quỷ không chìm trong nước (*Abhijjamānapetavatthu*, *Pv.* III. §26, 不斷鬼事) gồm các kệ 387-407, nói về nam ngạ quỷ ở sông Hằng, đầu đội vòng hoa không bị chìm trong nước do kiếp trước sống làm nghề thợ săn chuyên giết hươu nai, nướng thịt bán nhưng thường cho bọn trẻ thịt và có lần tặng chúng những chùm hoa.

Chuyện ngạ quỷ ở núi Sāṇavāsī (*Sāṇavāsītherapetavatthu*, *Pv.* III. §27, 薩努瓦西鬼事) gồm các kệ 408-38, đề cập nam ngạ quỷ ở Ba-la-nại khi còn là vương tử của Vua Kitava đã phỉ báng đức Phật Độc Giác Sunetta và khi mạng chung tái sanh làm ngạ quỷ. Vào kiếp sau, vị này được sanh làm người trong làng chài đánh cá và có khả năng nhớ lại đời sống quá khứ nên sợ hãi tội lỗi, thay vì đánh cá, vị ấy lại thả cá. Quyến thuộc đánh đuổi vị ấy ra khỏi nhà, nhờ Tôn giả Ānanda giáo hóa nên vị ấy đi xuất gia và chứng đắc quả A-la-hán. Những người quyến thuộc sau đó bị tái sanh làm ngạ quỷ vì tạo nhiều ác nghiệp, vị ấy xây thảo am cúng dường tứ phương Tăng hồi hướng công đức cho thân quyến được siêu thoát.

Chuyện ngạ quỷ ở hồ Rathakāra (*Rathakārapetivatthu*, *Pv.* III. §28, 造車鬼事) gồm các kệ 439-46, kể về nữ quỷ thần sống cô đơn trong lâu đài bằng châu báu xinh đẹp do kiếp trước cúng dường tinh xá và vật thực cho Tăng đoàn nhưng đồng thời cũng làm nhiều nghiệp ác khác.

Chuyện ngạ quỷ rơm trấu (*Bhusapetavatthu*, *Pv.* III. §29, 籾殼鬼事) gồm các kệ 447-52, kể về nhóm 4 ngạ quỷ ở rừng Viñjha do khi còn sống ở trong một gia đình gian thương, đo lường dối trá, pha tạp chất vào gạo và tạo nhiều ác nghiệp.

Chuyện ngạ quỷ chàng trai (*Kumārapetavatthu*, *Pv.* III. §30, 小兒鬼事) gồm các kệ 453-63, kể về hài nhi nam bị mẹ là kỹ nữ sang trọng quăng bỏ ở nghĩa địa nhưng được ông triệu phú nhận làm con nuôi trước sự chứng kiến của đức Phật, do kiếp trước cậu bé này là một thiện nam đã hầu hạ và cúng dường cơm dẻo đến đức Phật và Tăng đoàn trong suốt bảy ngày liên tục với lòng tịnh tín.

Chuyện ngạ quỷ Seriṇī (*Seriṇīpetavatthu*, *Pv.* III. §31, 塞利尼鬼事) gồm các kệ 464-77, kể về nữ ngạ quỷ ở hào rãnh nơi biên địa xứ Kuru, do vì khi còn sống đã không bố thí mà còn khinh bỉ và mắng nhiếc chư Tăng là những tên Sa-môn đầu trọc vô dụng.

Chuyện ngạ quỷ người săn nai (*Migaluddakapetavatthu*, *Pv.* III. §32, 獵鹿鬼事) gồm các kệ 478-87, kể về nam quỷ thần ở Vương Xá do vì khi còn sống thường săn bắn, giết hươu nai nhưng nhờ kết giao với một người bạn tốt nên được nghe những lời khuyên tốt đẹp.

Chuyện thứ hai về ngạ quỷ người săn nai (*Dutiyamigaluddakapetavatthu*, *Pv.* III. §33, 獵鹿鬼事) gồm các kệ 488-98, giống nội dung của chuyện 32, kể về nam quỷ thần ở Vương Xá do vì khi còn sống thường săn bắn, giết hươu nai, kết giao với một người bạn tốt nhưng không nghe lời khuyên của bạn, người bạn này đã thỉnh cầu một vị Trưởng lão thuyết pháp cho bạn mình.

Chuyện ngạ quỷ do phán quyết gian dối (*Kūṭavinicchayikapetavatthu*, *Pv.* III. §34, 詐欺鬼事) gồm các kệ 499-506, kể về nam quỷ thần ở Vương Xá do vì lúc còn sống đã nói láo với Vua Bimbisāra (Tần-bà-sa-la) rằng y là người hành trì trai giới. Khi được nhắc nhở, y mới giữ trai giới nửa ngày thì đã qua đời.

Chuyện ngạ quỷ do khinh khi Xá-lợi (*Dhātuvivaṇṇapetavatthu*, *Pv.* III. §35, 不敬塔鬼事) gồm các kệ 507-16, kể về người giàu có phỉ báng việc chiêm bái đảnh lễ Xá-lợi Phật nơi Vua Ajātasattu xây tháp thờ là lạy đống xương nên bị đọa làm ngạ quỷ. Trong khi đó, vợ, con gái và con dâu của ông vẫn giữ niềm tịnh tín, cúng dường và đảnh lễ Xá-lợi của đức Phật nên sau khi chết được tái sanh vào cõi trời.

Phẩm thứ tư có tựa đề là "*Lớn*" (*Mahāvagga*, 大品) có 16 chuyện theo thứ tự 36-51 (*Pv.* IV. §36-51) gồm 298 bài kệ, được viết bằng mã số *Pv.* IV: 517-814, trong đó, số IV là phẩm thứ tư và số 517-814 là số thứ tự của các thi kệ.

Chuyện ngạ quỷ Vua Ambasakkara (*Ambasakkarapetavatthu, Pv.* IV. §36, 安拔薩卡拉鬼事) gồm các kệ 517-603, nói về một địa thần cưỡi ngựa bạch

thăm người cháu bị đâm cọc và đem phơi nắng tại cổng thành ở Vesāli. Do khi còn sống, địa thần là một thương nhân chánh trực xây cầu qua đầm lầy lại bị chặt đầu oan vì đã đùa giỡn giấu quần áo của người bạn, còn người cháu trai lại lấy cắp tài sản của người khác mang về cất giấu trong cửa hàng của ông nên cả hai đều bị vua xử tội.

Chuyện ngạ quỷ Serissaka (*Serissakapetavatthu, Pv.* IV. §37, 塞里薩伽鬼事) gồm các kệ 604-57, giống chuyện thứ 84 của *Chuyện Thiên cung* (*Chuyện lâu đài của Serissaka*) kể về nguyên do thiên tử Serissaka sanh về cõi trời Ba Mươi Ba và khuyên mọi người cùng làm tương tự.

Chuyện ngạ quỷ Nandaka (*Nandakapetavatthu, Pv.* IV. §38, 難提迦鬼事) gồm các kệ 658-713, nói về một quỷ thần vốn là một vị tướng quân của nước Suraṭṭha sống tại một cây đa cổ thụ trong rừng, do kiếp trước chấp chặt tà kiến, cho là không có phước thí và ngăn người khác làm phước.

Chuyện ngạ quỷ Revatī (*Revatīpetavatthu, Pv.* IV. §39, 雷瓦提鬼事) gồm các kệ 714-36, giống chuyện thứ 52 của *Chuyện Thiên cung* (*Chuyện lâu đài của Revatī*) đề cập Revatī ở Bārāṇasī (Ba-la-nại) bị đọa vào địa ngục do tánh tình độc ác, dối trá, không biết bố thí. Còn người chồng là Nandiya không xan tham, biết bố thí cúng dường nên được sanh về cõi trời Ba Mươi Ba.

Chuyện ngạ quỷ cây mía (*Ucchupetavatthu, Pv.* IV. §40, 甘蔗鬼事) gồm các kệ 737-45, nói về ngạ quỷ thèm mía mà không ăn được vì tính keo kiệt ở kiếp trước, được Tôn giả Moggallāna hướng dẫn phát tâm cúng mía lên đức Phật và chư Tăng nên đã vượt qua nghiệp đói khát.

Chuyện ngạ quỷ các vương tử (*Kumārapetavatthu, Pv.* IV. §41, 兒童鬼事) gồm các kệ 746-52, kể về 2 ngạ quỷ trong ống cống tại Kosala, do khi còn sống phạm tội tà dâm.

Chuyện ngạ quỷ vị vương tử (*Rājaputtapetavatthu, Pv.* IV. §42, 王兒鬼事) gồm các kệ 753-65, nói về ngạ quỷ nam bị đọa vào địa ngục hàng ngàn năm, do kiếp trước y là Vương tử Kitava đã xúc phạm và làm thương tổn vị Độc Giác Phật.

Chuyện ngạ quỷ ăn phân (*Gūthakhādakapetavatthu, Pv.* IV. §43, 糞食鬼事) gồm các kệ 766-73, kể về ngạ quỷ nam do kiếp trước là người rất giàu có, đã xây một thiền viện dâng cúng cho một Tỷ-kheo và những Tỷ-kheo khác có thể đến ở. Vị Tỷ-kheo này với tâm ganh tị, nói xấu với vị giàu có về lỗi lầm của các Tỷ-kheo khác. Do đó, vị này tỏ ra khinh thường và lăng mạ tất cả những Tỷ-kheo sống nhờ vào gia đình ông nên cả hai đều bị tái sanh làm ngạ quỷ.

Chuyện ngạ quỷ ăn phân (*Gūthakhādakapetavatthu, Pv.* IV. §44, 糞食鬼事) gồm các kệ 774-81, nội dung giống chuyện 43 nhưng chỉ khác ở đây là một tín nữ xây thiền viện.

Chuyện bầy ngạ quỷ (*Gaṇapetavatthu, Pv.* IV. §45, 群集鬼事) gồm các kệ 782-92, kể về những ngạ quỷ ở Sāvatthi, do khi còn sống họ là người bủn xỉn, keo kiệt, không có lòng tịnh tín, không bố thí giúp đỡ ai.

Chuyện ngạ quỷ thành Pāṭaliputta (*Pāṭaliputtapetavatthu, Pv.* IV. §46, 華子鬼事) gồm các kệ 793-95, kể về một quỷ thần ở xứ Kim Địa (Suvaṇṇabhūmi, 金地國), do lúc chết tâm còn luyến ái tình nhân, tìm cách được sống bên nàng nên tái sanh làm quỷ thần trong lâu đài giữa đại dương.

Chuyện ngạ quỷ ở vườn xoài (*Ambavanapetavatthu, Pv.* IV. §47, 菴羅鬼事) gồm các kệ 796-99, kể về ngạ quỷ nam đáng thương ở Sāvatthi do vì luyến tiếc tài sản khi bị bọn cướp giết chết. Người con gái của ông ta đã dâng cúng vật thực lên đức Phật và chư Tăng để hồi hướng công đức cho cha nên ngạ quỷ được sống trong lâu đài mỹ lệ.

Chuyện ngạ quỷ trục xe và cây gỗ (*Akkharukkhapetavatthu, Pv.* IV. §48, 木軸鬼事) chỉ có một kệ 800, kể về một địa thần ở Sāvatthi, do lúc còn sống đã tận tình giúp người buôn bán làm trục xe mới miễn phí.

Chuyện ngạ quỷ thu góp tài sản (*Bhogasaṃharapetavatthu, Pv.* IV. §49, 蓄財鬼事) chỉ có một kệ 801, kể về 4 nữ ngạ quỷ ở Vương Xá, do lúc còn sống họ làm ăn gian dối, lừa gạt và ngu si.

Chuyện ngạ quỷ các nam tử của nhà triệu phú (*Seṭṭhiputtapetavatthu, Pv.* IV. §50, 商子鬼事) chỉ có kệ 802-05, kể về 4 ngạ quỷ do khi còn sống họ là 4 con trai của một triệu phú ở thành Sāvatthi, đắm nhiễm dục lạc, ngoại tình và sống thất đức.

Chuyện ngạ quỷ với sáu vạn cái búa (*Saṭṭhikūṭapetavatthu, Pv.* IV. §51, 六萬槌鬼事) chỉ có kệ 806-14, kể về ngạ quỷ nam đau đớn do vì kiếp trước y là người què giỏi nghề ném đá, đã ném vỡ đầu của Độc Giác Phật Sunetta.

Tóm lại, 51 câu chuyện về ngạ quỷ, trong đó vài chuyện dạy mọi người về mối quan hệ của nhân xấu ở kiếp trước và quả khổ, làm ngạ quỷ ở kiếp này. Qua đó, kêu gọi mọi người tin sâu nhân quả, sống vô ngã vị tha, chuyển nghiệp để làm mình tốt hơn và nỗ lực khép lại các hình thức khổ đau của kiếp nhân sinh.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08/2/2021

TT.TS. Thích Nhật Từ

(Đồng Tổng Biên tập Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam)

I. PHẨM CON RẮN
(*URAGAVAGGA*)

§1. CHUYỆN NGẠ QUỶ THÍ DỤ PHƯỚC ĐIỀN
(*Khettūpamapetavatthu*)[1] (*Pv.* 3; *PvA.* 3)

Đức Thế Tôn kể chuyện này trong lúc đang trú tại chỗ nuôi sóc ở Veḷuvana (Trúc Lâm), gần Rājagaha (Vương Xá).

Thời ấy, ở Vương Xá, có một người chủ ngân khố giàu sang vô cùng và chỉ được biết qua danh hiệu Đại Phú Ông (*Mahādhanaseṭṭhi*). Ông có một con trai độc nhất rất khả ái và xinh đẹp. Khi cậu đến tuổi trưởng thành, cha mẹ cậu suy nghĩ như vầy: "Nếu con ta chi tiêu một ngàn đồng mỗi ngày thì dù cả trăm năm nữa, số lượng tài sản này cũng sẽ không hết."

Họ chẳng dạy cậu một nghề gì cả vì suy nghĩ: "Việc học nghề sẽ tốn nhiều công sức mệt nhọc, cứ để nó an nhàn thân tâm, hưởng thọ giàu sang thỏa thích." Thay vì dạy nghề, khi cậu đến tuổi mười sáu, họ cưới cho cậu một cô vợ kiều diễm, nhưng hoàn toàn thiếu đạo hạnh. Cùng với cô vợ, cậu đổ hết thời giờ vào việc hưởng thụ, thích thú tầm cầu dục lạc.

Khi cha mẹ mất, cậu phung phí tiền của vào đám vũ nữ, ca nhân và các đám vui chơi khác. Sau khi tiêu hết tài sản, cậu trở nên nghèo khó, phải cố xoay sở để sống bằng cách vay nợ. Nhưng khi cậu không còn có thể vay được nữa và bị các chủ nợ thúc bách, cậu đưa hết ruộng vườn, trang trại, nhà cửa cùng các gia sản khác rồi trở thành kẻ hành khất, sống trong nhà tế bần của thành phố ấy.

Bấy giờ một hôm, bọn cướp gặp cậu và bảo:

– Này chú, xem đây, chú làm sao ra khỏi cuộc sống khốn khổ này? Chú còn trẻ và có năng lực, hãy đi theo bọn ta và sống đầy đủ thoải mái bằng cách trộm cướp, bọn ta sẽ tập luyện cho chú!

Cậu đồng ý và đi theo chúng. Bọn trộm cướp cho cậu một cây gậy lớn; và trong khi chúng đột nhập vào một cái nhà mà bọn chúng đã đục thủng một lỗ lớn, chúng đặt cậu ở chỗ ra vào và nói:

– Nếu có ai đến, hãy đánh chết nó đi.

Cậu vốn tâm trí đần độn, không phân biệt bạn thù, liền đứng đó và chỉ chờ đợi người khác đi đến. Bấy giờ, người trong nhà trở dậy, chạy đi thật nhanh

---

[1] Xem *Kh.* 6, *Tirokuṭṭasutta* (*Kinh Ngoài bức tường*).

nhìn đây đó, chợt thấy cậu đứng ở lỗ thủng ấy. Họ vừa nói: "Chúng đây rồi, quân khốn kiếp, lũ trộm cướp ", họ chụp lấy cậu đưa đến nhà vua, trình:

– Tâu Đại vương, tên trộm này bị bắt lúc đang phá nhà.

Vua ra lệnh cho đám quân giữ thành:

– Chặt đầu nó đi!

Bọn này giam cậu vào ngục và đưa đến nơi hành hình, chúng đánh cậu bằng roi trong lúc cậu đi theo tiếng trống xử tội. Cùng lúc quần chúng la lớn:

– Tên cướp phá hoại này đã bị bắt ở thành này.

Bấy giờ ở trong thành ấy, có nàng hoa khôi tên là Sulasā đang đứng bên cửa sổ. Nàng thấy cậu bị dẫn đi ngang, và vì nàng đã quen biết cậu từ trước nên nàng có cảm tình với cậu, vốn là người từng đạt đại phú quý trong thành này; nàng liền cho gửi mứt, bánh và nước uống, lại nhờ người nhắn với bọn giữ thành:

– Cầu mong các tôn ông đợi cho đến lúc người này ăn xong mứt, bánh và uống nước.

Cùng lúc ấy trong thành này, Tôn giả Mahāmoggallāna đang quán sát bằng thiên nhãn và thấy tình cảnh nguy khốn của kẻ này, Tôn giả động lòng bi mẫn và suy nghĩ: "Vì kẻ này chưa hề làm công đức gì mà chỉ tạo ác nghiệp, y sẽ bị tái sanh vào địa ngục. Nay nếu ta đi ra và y cho ta mứt, bánh và nước uống, y sẽ được tái sanh vào hội chúng các địa thần. Ta phải giúp đỡ kẻ này."

Vì vậy, Tôn giả liền xuất hiện trước tội nhân ngay khi mứt, bánh và nước được mang đến. Khi cậu thấy vị Trưởng lão, tâm cậu được an lạc và cậu suy nghĩ: "Ta có lợi ích gì nhờ ăn mứt, bánh này nếu ta phải chết? Giờ đây, chúng sẽ làm hành trang cho ta lên đường đi đến thế giới bên kia."

Thế là cậu nhờ đưa mứt, bánh và nước uống đi cúng vị Trưởng lão. Khi Tôn giả Moggallāna thấy nỗi thống khổ của cậu đã trở thành hoan hỷ, Tôn giả ngồi xuống và ăn uống, xong rồi đứng dậy đi lên đường.

Còn người ấy bị các đao phủ đưa đến nơi xử tội và chém đầu. Nhờ hành động tín thành đối với Trưởng lão Moggallāna, phước điền vô thượng ở đời, kẻ ấy xứng đáng được tái sanh vào thiên giới cao cả. Nhưng vì niệm luyến ái phát ra đối với Sulasā khi cậu suy nghĩ: "Ta tạo được lễ cúng dường này là nhờ nàng", nên ngay lúc lâm chung, tâm cậu trở thành bất tịnh và cậu tái sanh vào cảnh giới thấp hơn, làm vị thần ở trong cây chuối lớn có tàn lá rậm rạp trong rừng hoang.

Bấy giờ, tình cờ vị thần thấy Sulasā trong vườn của nàng, liền mang nàng đến nơi cư trú của vị ấy. Mẹ nàng than khóc, bảo vị ấy sau một tuần phải đem nàng trở lại. Bà mẹ kể chuyện cho mọi người nghe khi họ hỏi bà sự việc đã xảy ra, và họ tràn đầy kinh ngạc bảo nhau:

– Các bậc A-la-hán quả thật là phước điền vô thượng ở đời, ngay một hành động từ bi nhỏ bé đối với chư vị cũng làm cho con người tái sanh vào cõi chư thiên.

Chư Tăng thuật chuyện này lên đức Thế Tôn, Ngài bèn ngâm các vần kệ này để giải thích sự việc:

1. Bậc Thánh ví như các ruộng đồng,
Người cho là chính các nhà nông,
Hạt gieo là vật đem dâng cúng,
Kết quả từ đây được hưởng phần.

2. Hạt giống đây và đám ruộng đồng,
Dành cho ngạ quỷ lẫn người trồng,
Nơi này ngạ quỷ thường an hưởng,
Thí chủ tín thành, phước đức tăng.

3. Vì hành thiện nghiệp ở trên đời,
Cúng lễ các ma quỷ đói mồi,
Sẽ đến cõi thiên làm trú xứ,
Nhờ người đã tạo nghiệp an vui.

Khi pháp thoại chấm dứt, tám vạn bốn ngàn người được đắc pháp nhãn.

§2. CHUYỆN NGẠ QUỶ MÕM LỢN
(*Sūkaramukhapetavatthu*) (*Pv.* 3; *PvA.* 9)

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc đang trú tại chỗ nuôi sóc ở Veḷuvana (Trúc Lâm), gần Rājagaha (Vương Xá).

Tương truyền ngày xưa, khi đức Thế Tôn Kassapa (Ca-diếp) thuyết pháp, một Tỷ-kheo đã điều phục tự thân, nhưng thiếu phòng hộ ngôn ngữ, nên đã mạ lỵ các Tỷ-kheo khác. Lúc từ trần, vị ấy tái sanh vào địa ngục. Sau khi đã bị thiêu đốt tại đó cả một kiếp, vị ấy rời cõi ấy và trong kiếp này tái sanh gần thành Rājagaha, dưới chân Gijjhakūṭa (núi Linh Thứu), vị ấy luôn bị đói khát giày vò. Thân thể vị ấy có màu vàng ròng nhưng miệng lại giống mõm lợn rừng.

Vào thời ấy, Tôn giả Nārada đang trú tại núi Linh Thứu. Vừa cầm y bát, vị ấy khởi hành từ sáng sớm để khất thực. Trong lộ trình đến Rājagaha, vị ấy thấy ngạ quỷ kia trên đường. Khi hỏi về hạnh nghiệp mà ngạ quỷ kia đã tạo, vị ấy đã ngâm các vần kệ sau:

4. Nhà ngươi vàng rực khắp toàn thân,
Chiếu ánh sáng ra khắp mọi vùng,
Song miệng ngươi như mõm lợn đực,
Nghiệp gì ngươi tạo kiếp xưa chăng?

Ngạ quỷ đáp lời:

5. Xưa con điều phục khéo về thân,
Nhưng khẩu con không được hộ phòng,
Vì thế hình hài con vậy đó,
Nārada thấy rõ con cùng.

Ngạ quỷ ấy còn nói lời khuyên này với Trưởng lão:

6. Nārada, vậy hãy xem đây,
Con muốn trình Tôn giả việc này:
"Đừng phạm ác tà về khẩu nghiệp,
E ngài sẽ hóa mõm heo vầy!"

Thế rồi, Tôn giả Nārada, sau khi đã đi khất thực trong thành Vương Xá và sau buổi ngọ trai, trở về trình sự việc này với bậc Đạo sư, Ngài dùng đó làm đề tài thuyết pháp.

§3. CHUYỆN NGẠ QUỶ CÓ MỒM HÔI THỐI

(Pūtimukhapetavatthu) (*Pv.* 3; *PvA.* 12)

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc đang trú tại chỗ nuôi sóc ở Veḷuvana (Trúc Lâm).

Ngày xưa, vào thời đức Thế Tôn Kassapa (Ca-diếp), có hai thiện gia nam tử theo lời giáo huấn của Ngài, đã xuất gia bỏ đời thế tục. Thực hành đầy đủ giới luật và sống khổ hạnh khắc nghiệt, hai vị an trú hòa hợp với nhau ở một nơi kia trong làng.

Sau đó, một Tỷ-kheo có ác tính, thích mạ lỵ, đã đến trú xứ của hai vị. Hai Trưởng lão này ân cần nhận vị ấy và qua ngày thứ hai lại cùng vị ấy đi khất thực. Dân chúng tích cực tuân lời dạy của chư vị và cúng dường chư vị đủ cháo gạo, cơm và nhiều thực phẩm khác. Vị kia suy nghĩ: "Làng này thật là nơi ở tốt để khất thực và dân chúng đầy đủ tín tâm cúng dường thực phẩm ngon lành. Ở đây lại có bóng mát và nước, ta có thể sống sung sướng ở đây, nhưng chẳng thể được bao lâu nếu hai Tỷ-kheo này cũng trú cùng nơi này. Được rồi, vậy thì ta sẽ làm sao cho họ không đến đây ở nữa." Thế là vị ấy phỉ báng người nọ với người kia. Hai vị dần dần sanh ra hoài nghi và suy nghĩ: "Dẫu sao cũng có thể như vậy", và mất lòng tin, hai vị tránh mặt nhau, rồi không ai bảo ai, mỗi người ra đi tìm một nơi dễ chịu hơn.

Dân chúng hỏi vị Tỷ-kheo phỉ báng:

– Bạch Tôn giả, hai vị Trưởng lão đi đâu rồi?

Vị ấy đáp:

– Suốt đêm hai vị tranh cãi nhau; hai vị ra đi chẳng để ý đến lời ta bảo: "Xin đừng tranh cãi, hãy hòa hợp!", và còn nhiều chuyện khác nữa, ta nói thêm: "Những người nào có tính như vậy thường thích đánh nhau to."

Sau đó, quần chúng van nài:

– Cứ để chư vị Trưởng lão đi. Tuy nhiên, vì chúng đệ tử, xin Tôn giả ở lại đây và đừng hối tiếc gì cả.

Vị ấy đồng ý đáp:

– Được lắm!

Trong khi ở đó vài ngày, vị ấy suy xét: "Do tham muốn trú xứ, ta đã ly gián hai Tỷ-kheo này. Ôi! Ta đã quyết tâm tạo nhiều ác nghiệp." Bị lòng hối hận sâu xa giày vò và ngã bệnh vì tinh thần dao động, chẳng bao lâu, vị ấy từ trần và tái sanh vào địa ngục Avīci (Vô Gián hay A-tỳ).

Về sau, vị ấy tái sanh vào kiếp này, làm một ngạ quỷ có mồm hôi thối ở không xa thành Rājagaha. Thân thể vị ấy có màu vàng ánh, nhưng sâu bọ lúc nhúc bò ra từ mồm vị ấy cấu xé mãi, khiến mồm vị ấy bốc mùi hôi thối. Thời ấy, Tôn giả Nārada từ đỉnh núi Linh Thứu đi xuống, thấy ngạ quỷ kia, bèn ngâm vần kệ hỏi về hạnh nghiệp của vị ấy:

7. Ngươi có màu da sáng đẹp sao,
Như chư thiên ở cõi trời cao,
Ngươi đang lơ lửng trong không khí,
Song miệng ngươi hôi thối biết bao,
Vì đám bọ sâu đang cắn xé,
Kiếp xưa ngươi tạo ác hạnh nào?

Ngạ quỷ đáp:

8. Là một Tỷ-kheo có ác ngôn,
Dù con giữ khổ hạnh vuông tròn,
Con không chế ngự về ngôn ngữ,
Con được màu da sáng tựa vàng,
Nhờ khổ hạnh xưa song miệng thối,
Vì lời phỉ báng của mồm con.

9. Chính Ngài đã thấy việc này rồi,
Ai giới đức và thương xót đời,
Sẽ bảo: "Ngươi đừng nên phỉ báng,
Cũng không dối trá nói sai lời,
Về sau hóa dạ-xoa thần lực,
Hưởng thọ thú vui như ý ngươi."

§4. CHUYỆN NGẠ QUỶ HÌNH NHÂN BẰNG BỘT

(Piṭṭhadhītalikapetavatthu) (*Pv.* 4; *PvA.* 16)

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Sāvatthi (Xá-vệ), trong Jetavana (Kỳ Viên).

Thời ấy, người nhũ mẫu đem cho cháu gái của ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc) một hình tượng bằng bột để làm đồ chơi. Một hôm, cô bé làm rơi hình tượng ấy vỡ tan. Nó kêu lên: "Con gái ta đã chết rồi!", và khóc mãi, đám gia nhân không ai dỗ dành được.

Bấy giờ, bậc Đạo sư đang ở trong nhà ông Cấp Cô Độc, vị này đang ngồi gần Ngài. Bà nhũ mẫu đem cô bé đến bên ông chủ. Ông hỏi:

– Tại sao con bé khóc?

Rồi vừa ôm cháu vào lòng, ông vừa dỗ dành nó và bảo:

– Ông sẽ cho cháu một đứa con gái khác để làm tặng vật.

Rồi ông thưa trình bậc Đạo sư:

– Bạch Thế Tôn, vì cháu nội của con khóc về chuyện hình tượng bằng bột, con ước mong dâng lễ vật cúng dường. Xin Thế Tôn chấp thuận đến nhà con ngày mai cùng với năm trăm Tỷ-kheo.

Đức Thế Tôn nhận lời. Như vậy, đức Thế Tôn đã đến và sau buổi ngọ trai, Ngài nói lời tùy hỷ công đức và ngâm các vần kệ này:

10. Với mọi quan tâm, kẻ có lòng,
Phải dâng lễ cúng các gia tông,
Các vong linh những người thân thuộc,
Cùng với chư thiên lẫn thổ thần.

11. Trì Quốc, Đa Văn, Quảng Mục vương,
Thiên vương Tăng Trưởng giữ trần gian,
Tứ Thiên vương được người tôn kính,
Thí chủ không mất quả phước phần.

12. Bởi vì kêu khóc hoặc sầu bi,
Thương tiếc, than van chẳng ích gì,
Không lợi gì cho người quá cố,
Khi thân nhân giữ thói lề kia.

13. Song lễ vật này được cúng dâng,
Khéo đem an trú ở chư Tăng,
Quả này hiện tại và sau nữa,
Lợi lạc lâu dài với cố nhân.

Đức Thế Tôn đã thuyết pháp như vậy rồi ra đi. Bà vợ và gia quyến vị Đại phú ông theo gương vị ấy. Do vậy, họ làm lễ đại cúng dường suốt một tháng. Rồi Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) nghe tin này cũng dâng lễ vật dồi dào lên Tăng chúng. Khi dân chúng thấy vậy, họ lần lượt làm theo nhà vua và làm lễ đại cúng dường suốt cả tháng, một lễ đại cúng dường có nguồn gốc từ hình tượng bằng bột ấy.

§5. CHUYỆN NGẠ QUỶ NGOÀI BỨC TƯỜNG

(*Tirokuṭṭapetavatthu*) (*Pv.* 4; *PvA.* 19)

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong khi đang trú tại Rājagaha (Vương Xá).

Chín mươi hai kiếp về trước, có một kinh thành tên là Kāsipuri. Vua Jayasena ngự trị, nơi ấy có Chánh hậu là Sirimā, Vương tử Phussa chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng giác, tức là đức cổ Phật thứ mười tám, sau đức Phật Dīpaṅkara (Nhiên Đăng).

Bấy giờ, Đại vương Jayasena sinh tâm ngã mạn, suy nghĩ: "Vì Vương tử của ta sanh ra đời làm đức Phật, đã thành tựu đại sự xuất thế, chỉ riêng ta có Phật, chỉ riêng ta có Pháp, chỉ riêng ta có Tăng chúng." Do đó, nhà vua luôn luôn hầu cận bên đức Phật và không dành cơ hội cho kẻ khác.

Ba hoàng đệ của đức Thế Tôn ấy do bà mẹ khác sanh ra, bèn suy nghĩ: "Quả thật chư Phật ra đời vì lợi ích của quần sinh khắp thế gian này, chứ không phải vì riêng một ai. Nay phụ vương ta không dành cơ hội cho người khác. Làm thế nào ta có thể phụng sự đức Thế Tôn và Tăng chúng? Nào chúng ta hãy thi hành một chiến thuật."

Thế là chư vị gây rối tại vùng biên địa. Sau đó, khi nhà vua nghe tin về vụ rối loạn này, liền phái ba vương tử đi bình định biên thùy. Ba vị tuân lệnh và khi trở về, nhà vua hài lòng ban cho chư vị một điều ước, phán bảo:

– Hãy chọn thứ gì các vương nhi muốn!

Ba vị tâu:

– Chúng thần nhi ước mong hầu cận đức Thế Tôn.

Nhà vua từ chối, phán:

– Hãy chọn thứ khác!

Ba vị tâu:

– Chúng thần nhi không màng thứ gì khác cả.

Nhà vua lại phán:

– Thôi được, các vương nhi có quyền chọn theo ý muốn.

Ba vị đến gần đức Thế Tôn và thưa:

– Bạch Thế Tôn, chúng đệ tử ước mong phụng sự đức Thế Tôn ba tháng. Xin đức Thế Tôn hoan hỷ an cư ba tháng mùa mưa với chúng đệ tử.

Đức Thế Tôn chấp thuận. Ba vị hoàng tử tự thân hành gửi một thông điệp đến cho người được chỉ định trông coi tỉnh nọ, bảo: "Trong suốt ba tháng này, chúng ta cần phục vụ đức Thế Tôn, bắt đầu bằng cách xây một tinh xá và cung cấp đủ mọi thứ cần thiết."

Sau đó, chư vị hết lòng cung kính phục vụ đức Thế Tôn cùng Tăng chúng. Khi các viên quan cai trị tỉnh này đã cúng dường tinh xá xong, các vị chấp hành

việc an cư mùa mưa ấy. Một vị thủ kho hoàng gia, con trai một gia chủ, là người mộ đạo, cùng với vợ đã tìm được niềm tin, vị ấy trân trọng cúng dường Tăng chúng với đức Phật làm thượng thủ.

Người được chỉ định cai quản tỉnh này theo gương vị kia, cùng với mười một ngàn dân, đem các vật đến cúng dường với tất cả lòng thành kính.

Vào dịp ấy, có một số người bất mãn trong lòng, sau khi ngăn cản những vật đóng góp, chính họ lại ăn các phẩm vật và nổi lửa đốt trai đường.

Sau khi ba vương tử cùng đoàn tùy tùng đã cúng dường đức Thế Tôn và từ giã Ngài xong, ba vị đi thẳng đến phụ vương.

Khi trở về, đức Thế Tôn đắc Niết-bàn Vô dư y; ba vương tử và người cai quản tỉnh ấy, vị thủ kho hoàng gia, dần dần theo thời gian đều từ trần và cùng với quần chúng ở đó được tái sanh thiên giới; còn số người bất mãn trong tâm bị tái sanh địa ngục. Chín mươi hai kiếp trôi qua như vậy, hai hạng người trên cứ lần lượt tái sanh từ thiên giới này đến thiên giới khác và từ địa ngục này đến địa ngục khác. Rồi đến Hiền kiếp này, vào thời đức Thế Tôn Kassapa, đám người bất mãn trong tâm tái sanh vào loài ngạ quỷ.

Vào thời ấy, loài người thường cúng dường vì lợi ích của những quyến thuộc quá cố của họ và nêu rõ: "Lễ vật này xin dành cho quyến thuộc của chúng tôi"; do đó, các vong linh này được an lạc. Thế rồi, các vong linh kia cũng nhận biết điều này, nên sau khi đến gần đức Phật Kassapa, các vị ấy hỏi:

– Bạch Thế Tôn, giờ đây, làm thế nào chúng con có thể đạt được an lạc như vầy?

Đức Thế Tôn đáp:

– Hiện nay, chư vị chưa có thể đạt được an lạc ấy; nhưng thời gian về sau, sẽ có một đức Phật Toàn Giác ở thế gian tên gọi là Gotama. Vào thời của đức Thế Tôn ấy, sẽ có một vị vua tên là Bimbisāra, trong chín mươi hai kiếp nữa kể từ đây, sẽ là quyến thuộc của chư vị. Vua ấy sẽ dâng lễ cúng dường đức Phật và sẽ hồi hướng công đức ấy đến chư vị, sau đó chư vị sẽ được an lạc.

Dù đã nghe rõ ràng như vậy mà [vì đang trông mong] các vong linh ấy như nghe rằng: "Ngày mai chư vị sẽ được an lạc."

Về sau, khi thời kỳ đức Phật này đã qua, đức Thế Tôn Gotama giáng sanh vào cõi đời, ba vương tử cùng với một ngàn người từ thiên giới tái sanh vào quốc độ Magadha (Ma-kiệt-đà), trong các gia đình Bà-la-môn.

Theo thời gian, sau khi từ giã đời thế tục, ba vị trở thành các nhà khổ hạnh bện tóc, trú tại đỉnh núi Gayā; người trước kia cai quản tỉnh thành ấy trở thành Vua Bimbisāra; người thủ kho hoàng gia, con của vị gia chủ, trở thành đại phú trưởng nghiệp đoàn có tên Visākhā; vợ vị ấy trở thành con gái của một vị đại phú trưởng nghiệp đoàn và được đặt tên Dhammadinnā; còn đám quần chúng được tái sanh làm các vị cận thần của vua.

Bấy giờ, đức Thế Tôn Gotama giáng sanh cõi trần, sau bảy tuần giác ngộ, Ngài đến Benares (Ba-la-nại) chuyển pháp luân. Ngài giáo hóa ba vị đạo sĩ bện tóc, sau khi Ngài đã khởi đầu giáo hóa năm vị khổ hạnh, và thâu nhận cả ngàn đệ tử. Sau đó, Ngài đi đến Rājagaha, an trú Vua Bimbisāra vào Sơ quả Dự lưu cùng với hơn một vạn Bà-la-môn, cư sĩ ở tại xứ Aṅga (Ương-già) và Magadha.

Khi ấy, các ngạ quỷ ở quanh cung vua suy nghĩ: "Giờ đây nhà vua sẽ làm lễ cúng tế cho chúng ta được hưởng phước." Trong lúc làm tế lễ, nhà vua suy nghĩ: "Ta không biết bây giờ đức Thế Tôn đang trú ở đâu"; do vậy, nhà vua không hồi hướng công đức đến ai cả. Vì các ngạ quỷ không nhận được thí vật nào cả, chúng rất thất vọng, thốt tiếng kêu thảm thiết mỗi đêm ở hoàng cung. Rạng ngày, nhà vua hoảng sợ trình đức Thế Tôn về chuyện đã xảy ra và hỏi:

– Bạch Thế Tôn, Ngài đã nghe tiếng nào như vậy chưa? Con băn khoăn không biết việc gì xảy ra với con.

Đức Thế Tôn đáp:

– Thưa Đại vương, xin đừng sợ, không có gì bất thường xảy ra với Đại vương đâu, mà thịnh vượng sẽ đến với Đại vương thôi. Giờ đây, quả thật là quyến thuộc của Đại vương đã tái sanh vào loài ngạ quỷ. Trong suốt một kiếp, chúng đã lang thang khắp nơi và chỉ mong ước điều này: "Nhà vua sẽ làm lễ cúng dường đức Phật và hồi hướng công đức ấy cho chúng ta." Hôm qua, khi Đại vương dâng lễ, Đại vương đã không hồi hướng công đức. Do đó, chúng mất hết hy vọng và thốt tiếng kêu la.

Nhà vua hỏi:

– Bạch Thế Tôn, bây giờ làm sao chúng có thể nhận được thí vật?

Đức Phật đáp:

– Thưa Đại vương, quả thật chúng có thể nhận.

Nhà vua nói:

– Bạch Thế Tôn, vậy Thế Tôn hãy nhận lời thỉnh cầu của con vào ngày mai, con sẽ hồi hướng công đức lễ vật ấy cho chúng!

Đức Thế Tôn nhận lời. Sau đó, nhà vua ra lệnh chuẩn bị lễ cúng dường hào phóng, và thông báo thời giờ lên đức Thế Tôn, Ngài liền đến hoàng cung. Bầy ngạ quỷ cũng đến và suy nghĩ: "Hôm nay chúng ta sẽ hưởng được món gì đó" rồi đứng bên ngoài các bức tường và hàng rào.

Sau đó, đức Thế Tôn làm cho mỗi ngạ quỷ đều hiện hình trước nhà vua. Trong khi vua dâng nước, vua hồi hướng công đức ấy cho chúng với những lời này: "Mong công đức này dành cho quyến thuộc ta!" Lập tức xuất hiện các ao sen đầy sen, súng cho bọn ngạ quỷ. Chúng tắm rửa và uống nước ở đó, được giảm nhẹ nỗi thống khổ của chúng vì bất hạnh, lao nhọc và khát nước, nên da chúng trở nên vàng ánh.

Nhà vua dâng lễ cúng dường cháo gạo và các thức ăn đủ loại cứng mềm rồi hồi hướng công đức lễ vật ấy cho chúng. Trong chốc lát liền xuất hiện cho chúng các thực phẩm khác, thậm chí cả thực phẩm thiên giới, khiến chúng hân hoan hưởng thọ.

Nhà vua lại cúng dường y phục và sàng tọa, tinh xá rồi hồi hướng công đức lễ vật ấy. Sau đó liền xuất hiện cho chúng các thiên y, thiên cung, sàng tọa, khăn phủ và đồ trang sức. Đức Thế Tôn quyết định làm cho tất cả hạnh phúc tuyệt vời này của họ được hiển lộ trước vua; khi nhìn thấy vậy, vua vô cùng hoan hỷ.

Rồi đức Thế Tôn, sau khi thọ thực xong và được thỉnh cầu, Ngài kể chuyện ngạ quỷ ngoài bức tường thay lời tùy hỷ công đức:

14. Bọn chúng đứng kia, ngoài bức tường,
Những nơi trống trải ngã tư đường,
Chúng đang đứng ở ngoài song cửa,
Khi đã về nhà tại cố hương.

15. Dù tràn trề ẩm thực liên miên,
Đủ loại cứng mềm được dọn lên,
Cũng chẳng có ai cần bọn chúng,
Bởi vì nghiệp chúng đã gây nên.

16. Những người lân mẫn lắm tình thương,
Đúng lúc đem cho đám họ hàng,
Các thức cao lương, đồ ẩm thực,
Với lời cầu nguyện: "Để dành phần,
Lễ này cho đám người thân thuộc,
Mong các họ hàng được phước ân."

17. Và các vị này đã đến đây,
Các vong linh của họ hàng này,
Thảy đều tụ tập đồng vui hưởng,
Các thực phẩm đều phong phú thay.

18. Chúng cầu: "Trường thọ các người thân,
Nhờ các vị, ta được hưởng ân,
Lòng quý trọng ta đà biểu lộ,
Người cho chẳng thiếu quả dành phần."

19. Chốn kia không có cấy cày đâu,
Cũng chẳng hề nuôi súc vật nào,
Buôn bán như đây đều chẳng có,
Cũng không đổi vật lấy vàng trao.

20. Bên kia thế giới các vong linh,
Nhờ vật cúng dường để dưỡng sinh,

Như nước đổ từ trên núi xuống,
Cúng dường nuôi ngạ quỷ thân tình.

21. Giống như tất cả các dòng sông,
Chảy xuống đổ đầy cả đại dương,
Cũng vậy những gì người bố thí,
Từ đây nuôi sống các vong nhân.

22. Những thân bằng quyến thuộc trong nhà,
Trước đã cho ta, giúp đỡ ta,
Mong mọi người ban phần ngạ quỷ,
Nhớ công họ tạo thuở xưa xa.

23. Bởi vì kêu khóc hoặc sầu bi,
Thương tiếc, than van chẳng ích gì,
Không lợi gì cho người quá cố,
Khi thân nhân giữ thói lề kia.

24. Song lễ vật này được cúng dâng,
Khéo đem an trú ở chư Tăng,
Quả này hiện tại và sau nữa,
Lợi lạc lâu dài với cố nhân.

25. Đây là nghĩa vụ của thân nhân,
Tôn trọng vong linh, đã cúng dâng,
Tăng chúng được thêm nhiều dõng lực,
Người làm công đức lớn vô ngần.

Khi pháp thoại chấm dứt, tám vạn bốn ngàn người đã đắc Pháp nhãn do tri kiến sanh khởi từ sự kiện tái sanh vào cảnh giới ngạ quỷ. Tâm họ đầy xúc động vì được tán thán và họ càng nỗ lực tinh cần. Ngày hôm sau, đức Thế Tôn cũng dạy chư thiên và loài người bài kinh *Ngoài bức tường* ấy. Do vậy, suốt bảy ngày đều diễn ra sự đắc pháp nhãn như trên.

§6. CHUYỆN NGẠ QUỶ ĂN THỊT NĂM ĐỨA BÉ
(*Pañcaputtakhādapetivatthu*) (*Pv.* 5; *PvA.* 31)

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Sāvatthi (Xá-vệ).

Trong làng nọ không xa Sāvatthi, có một người vợ địa chủ không sanh con. Quyến thuộc của ông nói: "Để ta kiếm một cô gái khác cho ông." Nhưng ông không muốn, do lòng yêu thương vợ. Về sau, khi nghe chuyện này, bà vợ giục chồng đi cưới vợ khác để khỏi tuyệt dòng giống.

Nhưng khi cô vợ mới có thai, người vợ vô sinh lòng đầy ganh tị, đem thức ăn uống đãi một vị du sĩ và nhờ ông ấy thực hiện việc phá thai. Cô vợ kể chuyện với mẹ, bà liền triệu tập gia quyến đến bảo người vợ vô sinh:

– Chị đã làm chết con nó còn ở trong bụng.

Người ấy đáp:

– Tôi vô tội.

Họ bảo:

– Nếu chị vô tội, vậy hãy thề đi!

Người ấy bèn thề độc, thách thức tai họa xảy đến nếu bà có tội. Không lâu sau đó, người ấy từ trần và tái sanh làm một nữ ngạ quỷ xấu xí ở không xa thành phố này. Cùng thời ấy, có tám vị Tỷ-kheo đang an cư mùa mưa trong tỉnh, đi đến Sāvatthi để yết kiến bậc Đạo sư, vừa vào một nơi trong rừng có bóng mát và nước chảy không xa làng ấy. Sau đó, nữ ngạ quỷ hiện hình trước các vị Trưởng lão, một vị trong số ấy liền hỏi:

26. Trần truồng và xấu xí hình dung,
Ngươi thở mùi hôi thối nặc nồng,
Bao phủ toàn thân đầy bọ nhặng,
Ngươi là ai đứng ở đây chăng?

Nữ ngạ quỷ đáp:

27. Tôn giả, con là ngạ quỷ nương,
Thần dân khốn khổ của Diêm vương,
Vì con đã phạm hành vi ác,
Con đến cõi ma đói ẩn thân.

28. Sáng ngày năm đứa bé con sinh,
Chiều tối năm trai lại hiện hình,
Tất cả con đều xâu xé hết,
Nhưng không vừa đủ để nuôi mình.

29. Lòng con đang nóng cháy như rang,
Bốc khói vì cơn đói bạo tàn,
Con chẳng tìm đâu ra nước uống,
Hãy nhìn tai họa giáng đầu con.

Khi nghe xong chuyện này, vị Trưởng lão hỏi:

30. Ngày xưa đã phạm ác hạnh gì,
Do khẩu, ý, thân đã thực thi,
Nay phải đền bù vào tội lỗi,
Ngươi xâu xé thịt lũ hài nhi?

Sau đó, nữ ngạ quỷ kể cho vị Trưởng lão về những việc đã làm:

31. Vợ bé chồng con đang có thai,
Con mưu việc ác chống nàng hoài,
Chính con với trí tâm điên đảo,
Đã khiến nàng kia sẩy bé trai.

32. Thai chừng hai tháng máu tuôn tràn,
Bà mẹ giận đưa các họ hàng,
Bà ấy bảo con thề độc hại,
Và con bị phỉ báng muôn vàn.

33. Chính con đã nhận lấy lời thề,
Khủng khiếp, tràn đầy giả dối kia:
"Nếu việc ấy do tôi tự tạo,
Thì tôi ăn thịt đám hài nhi."

34. Do kết quả hành nghiệp của mình,
Cùng lời thề độc ác, gian manh,
Con xâu xé thịt bầy con trẻ,
Vì quá khứ con vấy máu tanh.

Chư vị Trưởng lão xúc động, xót thương nữ ngạ quỷ, bèn đến nhà vị địa chủ kia, bảo ông hồi hướng đến ngạ quỷ công đức buổi thọ trai mà ông cúng dường chư vị. Lập tức, nữ ngạ quỷ thoát khỏi cảnh khốn khổ kia, nhận được nhiều ân phước và hiện hình ban đêm cho người chồng thấy. Sau đó, chư Trưởng lão đến Sāvatthi đúng thời và trình lên đức Thế Tôn vấn đề ấy.

§7. CHUYỆN NGẠ QUỶ ĂN THỊT BẢY ĐỨA BÉ
(*Sattaputtakhādapetivatthu*) (*Pv.* 6; *PvA.* 36)

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc đang trú tại Sāvatthi (Xá-vệ).

Trong một làng nọ không xa Sāvatthi, một đệ tử tại gia có hai con trai xinh đẹp, đủ tài năng đức độ. Vì thế, mẹ chúng khinh thường chồng bà. Chán cảnh bị vợ khinh thường, ông đem về một cô vợ khác còn trẻ lại chóng có thai. Bà vợ cả sinh lòng ganh tị, thuyết phục một y sĩ bằng cách trả một số tiền để làm cho tình địch phải trụy thai.

Thời ấy, nhiều vị Trưởng lão đã an cư mùa mưa ở một nơi trong làng, đang đi đến Sāvatthi để yết kiến đức Thế Tôn. Nhân dịp này, chư vị ở lại đêm gần làng ấy. Sau đó, nữ ngạ quỷ này xuất hiện trước chư Trưởng lão. Vị trưởng đoàn hỏi ngạ quỷ qua vần kệ:

35. Trần truồng và xấu xí hình dung,
Ngươi thở mùi hôi thối nặc nồng,
Bao phủ toàn thân đầy bọ nhặng,
Ngươi là ai đứng ở đây chăng?

Nữ ngạ quỷ đáp:

36. Tôn giả, con là ngạ quỷ nương,
Thần dân khốn khổ của Diêm vương,
Vì con đã phạm hành vi ác,
Con đến cõi ma đói ẩn thân.

37. Sáng ngày bảy đứa trẻ con sinh,
Chiều tối bảy trai lại hiện hình,
Tất cả con đều xâu xé hết,
Song không vừa đủ để nuôi mình.

38. Lòng con đang cháy nóng như rang,
Bốc khói vì cơn đói bạo tàn,
Con chẳng được tâm hồn lắng dịu,
Khác nào lửa đốt, khổ muôn vàn.

Vị trưởng đoàn lại hỏi:

39. Ngày xưa đã phạm ác hạnh gì,
Do khẩu, ý, thân đã thực thi,
Vì phạm lỗi lầm nào quá khứ,
Mà ngươi ăn thịt đám hài nhi?

Nữ ngạ quỷ đáp:

40. Ngày xưa con có được hai trai,
Bọn chúng trưởng thành đủ cả hai,
Khi đã thấy con mình lớn mạnh,
Con thường khinh bỉ lão chồng tôi.

41. Sau đó chồng con nổi hận sân,
Cưới về thêm một ả hồng quần,
Khi nàng kia đã mang thai nghén,
Con nảy sinh tâm ác hại nhân.

42. Con có tâm gian xảo, ác tà,
Khiến cho nàng phải bị thai sa,
Máu tuôn khủng khiếp và ghê rợn,
Việc ấy xảy vào tháng thứ ba.

43. Khi ấy mẹ nàng nổi hận sân,
Liền đưa con đến đám thân nhân,
Bà truyền con nói lời thề độc,
Và bảo mọi người phỉ báng con.

44. Chính con đã nhận lấy lời thề,
Khủng khiếp, tràn đầy giả dối kia:
"Nếu việc ấy do tôi tự tạo,
Thì tôi ăn thịt đám hài nhi."

45. Do kết quả hành nghiệp của mình,
Cùng lời thề độc ác gian manh,
Con xâu xé thịt bầy con trẻ,
Vì quá khứ con vấy máu tanh.

§8. CHUYỆN NGẠ QUỶ BÒ (*Goṇapetavatthu*)[2] (*Pv.* 7; *PvA.* 38)

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong khi đang trú tại Jetavana (Kỳ Viên).

Thuở đó, ở Sāvatthi (Xá-vệ), người cha của một gia chủ nọ qua đời. Người con bị nỗi ưu phiền hành hạ và cứ khóc than mãi. Trong khi ông ấy đi lang thang như một người điên, ông thường hỏi bất cứ kẻ nào ông gặp: "Thế người có thấy cha tôi chăng?" Không ai có thể xua tan nỗi ưu phiền của ông cả. Nhưng trong lòng ông, như một ngọn đèn ở trong cái chai, đang bừng lên một khả năng đột xuất hướng về Nhập lưu đạo.

Trong lúc bậc Đạo sư đang quán sát thế gian vào buổi sáng, Ngài thấy điều kiện chắc chắn này và suy nghĩ: "Đưa đến cho người này quả Dự lưu thật là thích hợp, sau khi kẻ ấy đã kể lại sự việc quá khứ và dẹp bỏ sầu bi."

Vì thế ngày hôm sau, Ngài đi khất thực về, liền cùng một Tỷ-kheo trẻ đến cửa nhà vị kia. Khi nghe bậc Đạo sư đã đến, người ấy bước ra đón Ngài. Khi bậc Đạo sư đã an tọa, vị gia chủ nói:

– Bạch Thế Tôn, Ngài biết cha con đã đi về đâu rồi?

Bậc Đạo sư hỏi vị ấy:

– Này cư sĩ, ông hỏi về cha ông ở đời này hay đời trước?

Khi nghe những lời này, nỗi buồn của vị ấy dịu bớt: "Ta có rất nhiều cha trong quá khứ" và vị ấy đã lấy lại được đôi chút thanh thản. Rồi bậc Đạo sư thuyết một bài pháp ngắn và ra đi, về nơi cư trú của Ngài. Sau đó, chư Tỷ-kheo bắt đầu pháp thoại về chuyện này.

Khi vừa đến nơi, bậc Đạo sư hỏi:

– Này chư Tỷ-kheo, chư vị đang bàn luận gì khi ngồi tụ tập ở đây?

Chư vị kể lại vấn đề. Ngài đáp:

– Không phải chỉ giờ đây Ta mới xua tan nỗi ưu phiền của người kia, trong đời quá khứ, nỗi ưu phiền của kẻ ấy cũng đã được tiêu trừ.

Và theo lời thỉnh cầu của chư vị, Ngài kể câu chuyện đã xảy ra thời trước. Thuở xưa, tại thành Benares (Ba-la-nại), người cha của một gia chủ từ trần. Bị sầu bi trấn áp, vị ấy đập ngực than khóc và cung kính đi quanh giàn hỏa thiêu. Con trai vị ấy là Sujāta, một nam tử thông minh lanh lợi, đầy đủ trí tuệ tối thượng, đang suy xét một phương cách xua tan nỗi ưu phiền của cha, chợt thấy ngoài kinh thành một con bò chết, chàng liền đặt phía trước nó một ít nước và cỏ chàng vừa đem tới nơi. Chàng đưa con bò một nắm cỏ, vừa ra lệnh như thể con bò đang sống, vừa đứng cạnh đó chàng vừa nói: "Ăn đi, ăn đi; uống đi, uống đi!"

Khi người qua đường thấy chàng, họ nói:

– Này Sujāta, chú có điên không mà đưa cỏ với nước cho con bò chết?

---

[2] Xem *J.* III. 156, *Sujātajātaka* (*Chuyện chàng Sujāta*), số §352.

Nhưng chàng không hề đáp lại lời nào. Vì thế, dân chúng tìm đến cha chàng và bảo ông:

– Con trai ông đã nổi điên nên đưa cỏ và nước cho một con bò chết.

Khi vị gia chủ nghe việc này, nỗi ưu phiền về thân phụ liền mất đi. Lòng lo âu, vị ấy vội vàng đến trách cậu con trai:

– Con chẳng còn là Sujāta thông minh, lanh lợi và có trí tuệ nữa ư? Tại sao con lại đưa cỏ và nước cho một con bò chết?

Vị ấy ngâm hai vần kệ về việc này:

46. Sao con có vẻ giống người khùng,
Con cắt cỏ non lại nói thầm,
Cùng với bò già vừa mới chết,
Luôn mồm bảo nó: "Hãy ăn, ăn!"

47. Chẳng phải nhờ ăn uống, dỗ dành,
Mà con bò chết sẽ hồi sinh.
Con tôi khờ dại ngây ngô quá,
Quả giống người đâu đó thật tình.

Sujāta ngâm các vần kệ sau đáp lời:

48. Bốn chân này với chiếc đầu này,
Với cái đuôi và thân thể đây,
Đôi mắt là đây còn đủ cả,
Con bò phải đứng dậy lên ngay!

49. Song đôi tay với cả đôi chân,
Thân thể và đầu tóc của ông,
Nay chúng ở đâu nào chẳng thấy,
Khóc than đống đất phải cha khùng?

Người cha đáp:

50. Lòng ta quả thực nóng bừng,
Giống như sữa lạc đổ trong lửa đào,
Nay vừa được tưới nước vào,
Và làm tiêu tán biết bao khổ sầu.

51. Quả con nhổ mũi tên đau,
Nỗi sầu kia đã cắm sâu vào lòng,
Con xua mọi nỗi đau buồn,
Vì cha thương tiếc phụ thân của mình.

52. Tâm ta đã được an bình,
Nỗi buồn dứt bỏ trong mình từ nay,
Ta không khóc nữa giờ đây,
Sau khi nghe những lời này con thân.

53. Vậy là các bậc trí nhân,
Đầy lòng lân mẫn ân cần thiết tha,
Xua tan sầu não cho ta,
Như Sujāta với cha già giờ đây.

Rồi người cha đi gội đầu, ăn uống và tham gia công việc của mình. Khi từ trần, vị ấy tái sanh thiên giới. Như vậy, Sujāta đã trở thành vị bảo hộ thế giới.

§9. CHUYỆN NGẠ QUỶ VÀ ÔNG CHỦ THỢ DỆT

(*Mahāpesakārapetivatthu*) (*Pv.* 7; *PvA.* 42)

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong khi đang trú tại Sāvatthi (Xá-vệ).

Lúc ấy, chừng mười Tỷ-kheo, sau khi nhận được đề tài thực hành thiền quán từ bậc Đạo sư, đang tìm một nơi cư trú vì thời kỳ an cư mùa mưa gần kề. Chư vị thấy một chỗ tốt đẹp vừa ý ở trong rừng với bóng mát và nước chảy, và chỉ xa làng một khoảng thuận tiện để đi khất thực. Chư vị ngủ qua đêm tại đó và hôm sau vào làng khất thực.

Dân chúng đón mừng chư Tỷ-kheo và cầu xin chư vị vào đây cư trú mùa mưa. Sau đó, vị trưởng nghiệp đoàn thợ dệt cung kính cúng dường hai Tỷ-kheo đủ tứ sự cần thiết, trong khi số đoàn viên thợ dệt khác phục vụ từng vị Tỷ-kheo.

Bấy giờ, vợ người chủ thợ dệt không mộ đạo, không có lòng tin, theo tà kiến và tham lam, không phụng sự Tăng chúng. Sau đó, người chủ này cưới cô em gái bà và cho làm bà chủ nhà. Nàng có lòng tin và nhiệt thành phục vụ chư Tăng. Tất cả những thợ dệt này cũng tặng mỗi người một chiếc y cho mỗi Tỷ-kheo đang thực hành an cư mùa mưa ở đó.

Thế rồi, người vợ ích kỷ của chủ nghiệp đoàn thợ dệt, với ác tâm buông lời mạ lỵ chồng: "Mong mọi thức uống ăn mà ông cúng các Tỷ-kheo đệ tử chân chánh của đức Phật sẽ trở thành phân dơ và y phục sẽ thành những tấm sắt nóng bỏng trong kiếp sau."

Khi từ trần, vị chủ nghiệp đoàn thợ dệt tái sanh ở rừng Viñjha làm một vị thần đầy vẻ huy hoàng. Người vợ xan tham ấy tái sanh làm nữ ngạ quỷ ở không xa nơi ông ở. Nữ ngạ quỷ trần truồng xấu xí, bị đói khát giày vò, và khi đến gần vị địa thần này, nó nói:

– Thưa phu quân, thiếp trần truồng đi lang thang, bị đói khát hành hạ vô cùng khổ cực, xin hãy cho thiếp y phục và thức ăn uống!

Vị thần liền cho nó một số thực phẩm thần tiên của mình, nhưng khi ngạ quỷ vừa cầm lấy, các thứ này lập tức biến thành phân dơ và y phục nó vừa mặc vào liền hóa ra tấm sắt nóng cháy. Ngạ quỷ vừa nôn mửa vừa kêu khóc và đi lang thang trong nỗi thống khổ cùng cực.

Vào thời ấy, một Tỷ-kheo đang đi đến yết kiến bậc Đạo sư, cùng với một đoàn lữ hành đông đảo vào rừng Viñjha. Sau khi đã du hành ban đêm, đến sáng

đoàn lữ hành thấy một nơi đầy bóng mát và nước chảy, họ liền thả đàn bò ra và ngừng lại để nghỉ chân.

Sau đó, vị Tỷ-kheo muốn ở riêng một mình nên đã đi xa một đoạn ngắn, trải chiếc y lên thảm cỏ dày dưới gốc cây và nằm xuống. Thân thể mệt nhọc vì cuộc hành trình ban đêm, vị ấy liền ngủ thiếp đi.

Sau khi đoàn lữ hành đã nghỉ ngơi xong, họ lên đường, nhưng vị Tỷ-kheo ấy chưa dậy. Mãi đến chiều tối vị ấy thức giấc và vì mất bạn đồng hành, vị ấy theo đường nhỏ đi mãi, cuối cùng đến tận nơi cư ngụ của vị thần nói trên.

Khi vị thần thấy vị Tỷ-kheo, liền hóa ra hình người và chào đón vị ấy, đưa vị ấy vào lâu đài của mình, và sau khi đã cúng dường dầu xoa chân cùng các lễ vật khác, vị thần đảnh lễ và ngồi xuống. Vừa lúc ấy, nữ ngạ quỷ cũng đến và nói:

– Thưa phu quân, xin hãy cho thiếp thức ăn uống và y phục!

Vị thần cho nó đủ các thứ này, nhưng ngay lúc nó cầm chúng, thì chúng vẫn biến thành phân dơ và tấm sắt nóng cháy như cũ. Khi vị Tỷ-kheo thấy thế, lòng hết sức xúc động và hỏi vị thần qua hai vần kệ:

54. Phân dơ máu mủ hiện lên đầy,
Cho nó, vì sao có quả này?
Hạnh nghiệp gì người này đã tạo,
Mà nay ăn máu mủ như vầy?

55. Y phục sáng tươi, trắng mịn màng,
Mới cho ngạ quỷ dệt bằng lông,
Tức thì chúng hóa thành sắt nóng,
Đã tạo nghiệp gì ngạ quỷ nương?

Vị thần đáp:

56. Tôn giả, đây là vợ của con,
Bà không bố thí, tính xan tham,
Khi con cúng các Sa-môn ấy,
Bà phỉ báng con với ác ngôn:

57. "Mong ông ăn uống đám phân dơ,
Nước tiểu, máu tanh, mủ thối tha,
Đây số phận ông về kiếp khác,
Áo quần sẽ hóa sắt nung lò."
Bởi vì ác nghiệp này bà tạo,
Bà phải ăn phân mãi đến giờ.

– Giờ đây có phương tiện gì giải thoát bà khỏi cảnh giới ngạ quỷ?

Tỷ-kheo đáp:

– Nếu ta dâng cúng đức Phật và Thánh chúng hay chỉ một Tỷ-kheo và hồi hướng công đức đến nữ ngạ quỷ, nó sẽ hưởng được phước phần và theo cách ấy, nó sẽ thoát khỏi khổ đau.

Khi nghe vậy, vị thần liền cúng vị Tỷ-kheo thực phẩm và hồi hướng công đức cúng dường cho nữ ngạ quỷ. Tức thì nó được đầy đủ, tâm hân hoan, hưởng thọ các thực phẩm thần tiên. Sau đó, vị thần trao tận tay vị Tỷ-kheo ấy một đôi thiên y dâng cúng đức Thế Tôn và hồi hướng công đức ấy đến nữ ngạ quỷ. Ngay sau đó, ngạ quỷ được mặc y phục thần tiên, được cung cấp đủ mọi thứ nó ước mong, tương tự như một thiên nữ cõi trời.

Ngoài ra, vị Tỷ-kheo nhờ thần lực của vị thần kia, ngay hôm ấy đã đến Sāvatthi.

§10. CHUYỆN NGẠ QUỶ SÓI ĐẦU (*Khallāṭiyapetivatthu*)[3] (*Pv.* 8; *PvA.* 46)

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Sāvatthi (Xá-vệ).

Thời xưa, tại Benares (Ba-la-nại), có một nữ nhân sống nhờ sắc đẹp của mình. Bấy giờ, tóc nàng thật dài, đen nhánh, mịn màng, mềm mại và óng ả, cuộn lại rất đẹp. Các bím tóc nàng được kết thành hai nắm tay, mỗi khi buông lơi, chúng xuống tận thắt lưng nàng.

Lúc đó, một số nữ nhân ganh tị bàn luận cùng nhau, và sau khi mua chuộc nữ tỳ của nàng lại gửi cho cô ả một thứ thuốc sẽ hủy hoại mái tóc nàng. Bấy giờ, nữ tỳ pha thuốc ấy vào bột tắm và đưa cho chủ nhân vào lúc nàng đi tắm ở sông Hằng. Nàng dùng thứ thuốc pha ấy tẩm vào tóc thật kỹ đến tận gốc và nhảy vào dòng nước. Ngay khi nàng vừa ngâm mình vào nước, tóc nàng liền rụng ra tận gốc, sạch trơn tru và đầu nàng trông giống trái mướp đắng.

Sau đó, trông xấu xí như chim bồ câu bị vặt hết lông, nàng hổ thẹn không dám vào thành nữa, phải choàng khăn phủ đầu và cư trú ngoài thành. Khi nỗi hổ thẹn đã qua đi và đã biết ép hạt mè, nàng sinh sống bằng nghề bán dầu và rượu mạnh.

Một hôm, khi hai ba người đàn ông say rượu đã ngủ mê man, nàng lấy trộm tất cả y phục của họ đang treo lủng lẳng. Rồi một ngày nọ, nàng thấy một vị Thánh Tăng đi khất thực, sau khi mời vị ấy vào, nàng cúng dường một chiếc bánh làm bằng hạt dẻ trộn dầu mè. Vì thương xót nàng, vị ấy nhận bánh và ăn. Nàng đứng đó với tâm hoan hỷ, che lên trên vị ấy một chiếc lọng. Vị Trưởng lão xúc động, nói lời tùy hỷ công đức và ra đi. Bấy giờ, nàng phát nguyện: "Ước mong ta sẽ được mái tóc đen, mịn màng, óng ả, mềm mại như tơ cuốn lên thật đẹp."

Về sau nàng từ trần, và nhờ kết quả thiện nghiệp của nàng, nàng được tái sanh giữa đại dương một mình trong một lâu đài bằng vàng, tóc nàng được phục hồi như nàng đã ước nguyện; song vì nàng đã lấy trộm y phục của đám đàn ông, nay nàng phải bị trần truồng. Nàng cứ tái sanh mãi trong lâu đài bằng vàng kia và phải chịu sống trần truồng một kiếp tại đó.

---

[3] Xem *Pv.* 27, *Dhanapālasetthipetavatthu* (*Chuyện ngạ quỷ Dhanapāla*); *Pe.* 79, *Nandakapetavatthu* (*Chuyện ngạ quỷ Nandaka*); *A.* I. 138, *Devadūtasutta* (*Kinh Thiên sứ*).

Rồi về sau, đức Thế Tôn Gotama giáng thế, và trong lúc Ngài trú tại Sāvatthi, một trăm thương nhân có nhà ở đó lên thuyền đến xứ Suvaṇṇabhūmi (Kim Địa). Thuyền của họ bị bão tố trôi dạt đến bờ kia. Lúc ấy, nữ quỷ cùng lâu đài hiện ra trước mặt họ. Khi vị trưởng đoàn thương nhân thấy nữ quỷ, liền hỏi:

58. Nàng là ai trú ở lâu đài,
Xin hỏi, sao không đến phía ngoài?
Mau bước ra đây này nữ chủ,
Cho ta chiêm ngưỡng lực hùng oai.

[Nữ quỷ đáp:]

59. Ta đây khốn khổ lại trần truồng,
Không dám bước ra bởi thẹn thuồng,
Che tấm thân mình bằng mái tóc,
Vì ta ít tạo nghiệp hiền lương.

[Thương nhân:]

60. Ta sẽ đem y phục tặng nàng,
Mặc vào che kín, hỡi hồng nhan,
Bước ra nữ chủ, ta mong muốn,
Nhìn ngắm nàng mang đủ lực thần.

[Nữ quỷ:]

61. Những vật gì chư vị tặng ta,
Cũng không giúp ích được ta mà.
Song đây có một người đồ đệ,
Đầy đủ lòng tin đức Phật-đà.

62. Sau khi đem áo tặng người này,
Hồi hướng cho ta phước đức vầy,
Ta sẽ được ban nhiều hạnh phúc,
Mọi nguồn lạc thú sẽ tràn đầy.

Sau khi nghe nàng nói, các thương nhân tắm rửa và thoa dầu thơm lên người đệ tử tại gia kia và khoác lên chàng một bộ y phục.

Chư vị kết tập kinh điển ngâm ba vần kệ để giải thích việc này:

63. Khi đã tắm chàng, đám phú thương,
Cho chàng cư sĩ tẩm dầu hương,
Và cho chàng được mang y phục,
Nữ quỷ hưởng công đức cúng dường.

64-65. Kết quả này do việc cúng dường,
Tràn đầy y phục với đồ ăn,
Xiêm y thanh lịch nàng trong trắng,
Khoác lụa Ba-la-nại tuyệt trần,

Vừa mỉm miệng cười nàng mỹ nữ,
Bước ra lầu ấy lại thưa rằng:
"Đây là kết quả từ công đức,
Lễ vật các ngài đã hiến dâng."

[Thương nhân:]

66. Lâu đài lắm kiểu cách cao sang,
Khả ái tươi vui sáng rỡ ràng,
Thần nữ nói cho đoàn lữ khách,
Nghiệp gì, đây kết quả cho nàng?

[Nữ thần:]

67. Gặp người khất sĩ bước du hành,
Chơn chánh Tỷ-kheo, dạ tín thành,
Ta đến cúng dường người bánh dẻ,
Trộn dầu mè với chính tay mình.

68. Vì thiện nghiệp này ta hưởng đây,
Trong lâu đài đã biết bao ngày,
Như là kết quả phần công đức,
Song chẳng còn lâu ở chốn này.

69. Sau bốn tháng, nay sắp đến gần,
Rồi ta sẽ gặp Dạ-ma thần,
Xuống miền địa ngục đầy tàn khốc,
Ta sẽ đọa kinh khủng tột cùng.

70. Ngục bốn góc và bốn cửa vào,
Được chia phần nhỏ thật cân sao,
Chung quanh tường sắt đều bao bọc,
Và sắt che trên đỉnh mái cao.

71. Nền bằng sắt rực lửa bừng bừng,
Nóng bỏng chói lòa khắp mọi phương.
Địa ngục muôn đời còn đứng mãi,
Trải dài luôn cả trăm do-tuần.

72. Nơi kia ta chịu khổ lâu dài,
Thọ quả do tà nghiệp chín muồi,
Vì thế ta thường than khóc mãi,
Chuyện này quả thật chẳng hề nguôi.

Tâm vị đệ tử tại gia đầy xúc động thương cảm, chàng nói:

– Này nữ thần, do năng lực của lễ vật nàng cúng dường ta, nàng đã thành tựu mọi ước nguyện một cách sung mãn. Nhưng giờ đây, do cúng dường các đệ tử tại gia này và ghi nhớ mọi đức hạnh của bậc Đạo sư, nàng sẽ thoát khỏi tái sanh vào địa ngục.

Nữ thần vô cùng hạnh phúc, thiết đãi chư vị đầy đủ các loại ẩm thực, y phục, châu báu thần tiên và đưa tận tay chư vị một bộ y dâng đức Thế Tôn. Nàng cung kính đảnh lễ và nói:

– Xin hãy đến Sāvatthi và đảnh lễ đức Thế Tôn cùng các lời này của ta nhắn gởi: "Bạch đức Thế Tôn, có một nữ quỷ kia khấu đầu đảnh lễ chân đức Thế Tôn."

Sau đó, nhờ thần lực của mình, nàng đưa chiếc thuyền đến cảng cùng ngày hôm đó. Các thương nhân ấy đúng thời đến dâng lễ vật lên đức Thế Tôn và kể lại toàn thể câu chuyện trên.

§11. CHUYỆN NGẠ QUỶ VOI (*Nāgapetavatthu*) (*Pv*. 9; *PvA*. 53)

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc đang trú tại Jetavana (Kỳ Viên).

Tôn giả Samkicca vào lúc bảy tuổi đã đắc quả A-la-hán ngay tại phòng cạo tóc, và khi còn làm Sa-di trú trong rừng với ba mươi Tỷ-kheo, vị ấy đã cứu chư vị thoát chết khỏi tay của năm trăm tên cướp. Sau khi đã giáo hóa cả bọn đạo tặc kia và khuyến dụ chúng vào đời tu hành xuất gia, vị ấy cùng Tăng chúng này đến yết kiến bậc Đạo sư ở Benares (Ba-la-nại) và trú tại Isipatana (chư tiên đọa xứ).

Thời ấy tại Benares, một Bà-la-môn theo tà đạo có ba con, hai trai một gái. Ba người con này gia nhập đoàn cư sĩ tại gia, đảnh lễ cúng dường các Sa-môn, Bà-la-môn, mặc dù cha mẹ họ không có lòng tôn kính ấy.

Bấy giờ, do một cơn bão, cả năm người ấy bị đè bẹp và chết vì ngôi nhà cũ kỹ, ọp ẹp của họ sụp đổ. Sau đó, vị Bà-la-môn và vợ tái sanh làm ngạ quỷ, còn hai con trai và cô gái được làm các địa thần.

Lúc ấy, một cháu trai của Bà-la-môn kia là đệ tử của Tôn giả Samkicca, đến tham kiến theo lời thầy và trong lúc vị ấy đứng đó, nhờ thần lực của thầy mình, vị ấy thấy hai địa thần cùng cô em cỡi xe đến tham dự lễ hội các thần dạ-xoa và cũng thấy luôn cả hai ngạ quỷ theo sau họ, bèn bảo các ngạ quỷ này:

73. Một thần cỡi bạch tượng đưa đường,
Ở giữa xe la kéo một chàng,
Phía cuối một nàng ngồi chiếc cáng,
Chiếu đầy ánh sáng khắp mười phương.

74. Song hai ngươi nắm búa trong tay,
Tan nát toàn thân lẫn mặt mày,
Ác nghiệp nào xưa ngươi đã tạo,
Sao ngươi uống máu của nhau vầy?

[Hai ngạ quỷ:]

75. Thần ngồi phía trước dẫn đưa đường,
Trên bạch tượng kia vật bốn chân,

Đó chính là con ta trưởng tử,
Cúng dường nay được hưởng hồng ân.

76. Còn thần ngồi giữa ở trên xe,
Có bốn con la kéo bốn bề,
Xe chạy thật nhanh là quý tử,
Thanh cao thí chủ sáng ngời kia.

77. Cô gái ngồi sau chiếc cáng dài,
Nữ thần thông tuệ cặp mắt nai,
Dịu hiền cô út nhà ta đó,
Nàng hưởng nửa phần hạnh phúc thôi.

78. Những thần này với trí khinh an,
Kiếp trước đã dâng lễ cúng dường,
Lên các Bà-la-môn, ẩn sĩ,
Còn ta keo kiệt lại xan tham,
Đã từng phỉ báng nhiều tu sĩ,
Vì chúng ngày xưa đã phát ban,
Nay chúng thong dong đi khắp chốn,
Ta khô như sậy bị cưa ngang.

Khi đã nêu ra ác nghiệp, chúng còn giải thích như vầy:

– Chúng ta là anh và chị dâu của mẹ ngươi.

Nghe vậy, người cháu đau lòng hỏi:

79. Hai vị thường ăn thực phẩm nào?
Loại giường của các vị ra sao?
Cách nào nuôi sống người sai phạm,
Trọng tội khi đầy đủ biết bao,
Thực phẩm dồi dào nhưng bất hạnh,
Và nay đang chịu quả thương đau?

[Hai ngạ quỷ:]

80. Ta đánh nhau và uống máu nhau,
Dù uống đã nhiều vẫn khát khao,
Chẳng được thức gì ăn để sống,
Chúng ta không thỏa mãn đâu nào.

81. Như những người không biết cúng dường,
Mạng chung vào cõi Dạ-ma vương,
Sau khi nhận thấy phần ăn uống,
Chẳng hưởng được gì lợi lạc thân.

82. Chịu đói khát nhiều ở cõi âm,
Lâu dài ngạ quỷ phải than thân,

Bởi vì chúng luôn bị hành hạ,
Do chúng tạo bao nghiệp ác gian,
Chúng thường nhận lãnh nhiều đau khổ,
Như là quả báo đắng cay tràn.

83. Tài sản giàu sang chẳng vững vàng,
Đời người trên thế giới vô thường,
Từ vô thường biết vô thường ấy,
Người trí đi tìm chốn trú an.

84. Những người biết đạo pháp bình yên,
Nếu có trí vầy chớ lãng quên,
Dâng lễ cúng dường khi đã học,
Lời chư La-hán, chúng Tăng hiền.

§12. CHUYỆN NGẠ QUỶ RẮN (*Uragapetavatthu*)[4] (*Pv.* 11; *PvA.* 61)

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc đang trú tại Jetavana (Kỳ Viên).

Thuở ấy, tại Sāvatthi (Xá-vệ), tương truyền con trai một vị đệ tử tại gia từ trần. Người cha đắm mình vào nỗi sầu khổ khóc than, không bước ra ngoài; vị ấy không thể làm gì được nên chỉ ở trong nhà.

Lúc ấy, bậc Đạo sư vừa xuất định "Đại bi", từ sáng sớm đang quán sát cõi trần với Phật nhãn; sau khi thấy người đệ tử tại gia kia, Ngài cầm y bát và đến đứng ngay tại cửa nhà vị ấy.

Vị đệ tử ấy vội vã đi ra tiếp đón Ngài, đỡ lấy bình bát và mời Ngài vào trong. Đức Thế Tôn nói với vị ấy:

– Này cư sĩ, sao ông có vẻ mang nặng sầu tư?

Vị ấy đáp:

– Bạch Thế Tôn, quả thật con trai yêu quý của con vừa qua đời, nên con mang nặng sầu tư.

Sau đó, đức Thế Tôn, bậc Ly Sầu, kể cho vị ấy nghe như trong *Chú giải Chuyện Con rắn*.[5]

Thuở xưa, trong quốc độ Kāsi, ở Ba-la-nại, có một gia đình Bà-la-môn được mệnh danh Dhammapāla (Hộ Pháp). Trong nhà này, vị Bà-la-môn, bà vợ, con trai, con gái, con dâu, nữ tỳ, tất cả mọi người đều hân hoan thích thú hướng tâm niệm về cái chết. Bất cứ ai rời khỏi nhà đều nói cho những người khác biết và ra đi không hề bị ai để ý gì cả.

Rồi một hôm, vị Bà-la-môn cùng con trai ra đồng và cày ruộng. Trong khi cậu con trai nhóm lửa để sấy khô cây cỏ, tức thì một con rắn hổ mun sợ hãi bò ra

[4] Xem *J.* III. 164, *Uragajātaka* (*Chuyện con rắn*), số §354.

[5] *Như trên.*

khỏi lỗ cây và cắn cậu con trai vị Bà-la-môn. Cậu từ trần và hóa sanh làm Thiên chủ Sakka.

Còn vị Bà-la-môn, sau khi tắm rửa thật sạch sẽ và xoa dầu thơm cho mình xong, được những người hộ tống vây quanh, vị ấy đặt thi thể con lên giàn hỏa và châm lửa, giống như thể vị ấy đang đốt một đống củi vậy. Vị ấy cứ đứng đó, không sầu não cũng chẳng tự hành hạ mình, sau khi đã chú tâm vào niệm vô thường.

Bấy giờ, con trai vị Bà-la-môn đã hóa sanh làm Thiên chủ Sakka, chính là Bồ-tát. Sau khi suy xét thiện nghiệp đã làm ở kiếp trước và đầy lòng thương xót cha Ngài cùng quyến thuộc, Ngài liền đến chỗ ấy, giả dạng một Bà-la-môn. Khi Ngài thấy mọi người không than khóc, liền bảo:

– Này, chư vị đang nướng thịt súc vật à, cho ta một ít, ta đang đói đây.

– Này Bà-la-môn, không phải là con vật đâu, con người đấy.

Bồ-tát hỏi:

– Thế đó là kẻ thù của chư vị chăng?

Người cha đáp:

– Chẳng phải kẻ thù đâu, mà là đứa con được bảo dưỡng trong lòng chúng tôi đấy, chính đứa con trai yêu quý, đầy đủ các đức tính ưu tú của chúng tôi đấy.

Bồ-tát lại hỏi:

– Thế tại sao ông không khóc con?

Vị Bà-la-môn đáp:

85. Như con rắn trút bỏ da tàn,
Đạt đến trưởng thành chính bản thân,
Cũng vậy khi thân không hưởng lạc,
Đúng thời người chết phải từ trần.

86. Kẻ bị thiêu không hiểu biết rằng,
Họ hàng quyến thuộc vẫn đau thương,
Cho nên tôi chẳng hề than khóc,
Nó đã đi theo đúng bước đường.

Sau đó, Thiên chủ Sakka hỏi bà mẹ:

– Bà ơi, người chết ấy là gì của bà?

Bà đáp lại:

– Thưa Ngài, tôi đã cưu mang nó mười tháng trong bụng, tôi cho nó bú mớm, tôi dẫn dắt tay chân nó, nó là con trai tôi, đã khôn lớn rồi.

Thiên chủ hỏi:

– Cho dù cha là đàn ông thường không khóc, chứ lòng mẹ chắc chắn là mềm yếu. Tại sao bà không khóc?

Nghe vậy, bà đáp:

87. Không gọi từ đâu nó đến đây,
Chẳng ai cho phép nó đi ngay,
Nó đi nó đến đều như vậy,
Sao phải khóc than nó chốn này?

88. Kẻ bị thiêu không hiểu biết rằng,
Họ hàng quyến thuộc vẫn đau thương,
Cho nên tôi chẳng hề than khóc,
Nó đã đi theo đúng bước đường.

Sau đó, Ngài hỏi người em:

– Này cô, người ấy là gì của cô?

– Thưa Ngài, đó là anh trai của con.

– Này cô, chị em gái thường rất yêu mến anh em trai. Tại sao cô không khóc?

Cô em giải thích:

89. Nếu con khóc sẽ phải gầy mòn,
Bù đắp có gì trả lại con?
Còn phát sanh ra nhiều bất lợi,
Cho bà con quyến thuộc thân bằng.

90. Kẻ bị thiêu không hiểu biết rằng,
Họ hàng quyến thuộc vẫn đau thương,
Cho nên con chẳng hề than khóc,
Kẻ đã đi theo đúng bước đường.

Sau đó, Ngài lại hỏi người quả phụ:

– Người đó là gì đối với chị?

– Thưa Ngài, đó là chồng của con.

– Này chị, các người vợ thường rất yêu thương chồng mình. Tại sao chị không khóc?

Nàng liền giải thích:

91. Giống như đứa trẻ nọ kêu than,
Khi mặt trăng kia cứ lặn dần,
Làm chính việc này đâu có khác,
Người nào thương khóc kẻ từ trần.

92. Kẻ bị thiêu không hiểu biết rằng,
Họ hàng quyến thuộc vẫn đau thương,
Cho nên con chẳng hề than khóc,
Kẻ đã đi theo đúng bước đường.

Sau đó, Ngài hỏi cô nữ tỳ:

– Này cô, người ấy là gì của cô?

– Thưa Ngài, đó là cậu chủ con.

– Nếu vậy, chắc có lẽ cậu ấy đã đánh đập cô và cô sắp làm quản gia rồi, bởi thế, cô không than khóc vì suy nghĩ: "Ta rất sung sướng được thoát khỏi người đã chết này."

Nữ tỳ đáp:

– Thưa Ngài, xin đừng nói như vậy với con. Điều ấy không đúng. Cậu chủ nhà đối với con đầy kiên nhẫn, thân ái, ân cần, cư xử đúng mực chơn chánh như một thanh niên trưởng thành được nuôi dạy chu đáo.

– Thế tại sao cô không khóc?

Nàng đáp:

93. Giống như trường hợp Bà-la-môn,
Có một chiếc bình đã vỡ toang,
Không thể phục hồi và cũng vậy,
Hoài công thương khóc kẻ từ trần.

94. Kẻ bị thiêu không hiểu biết rằng,
Họ hàng quyến thuộc vẫn đau thương,
Cho nên con chẳng hề than khóc,
Kẻ đã đi theo đúng bước đường.

Khi Thiên chủ Sakka đã nghe pháp thoại của cả nhà ấy xong, Ngài hân hoan nói:

– Chư vị đã chơn chánh tu tập niệm chết. Từ nay về sau, chư vị không cần cày bừa lao động gì nữa cả.

Ngài liền hóa hiện ra bảy thứ báu vật tràn đầy nhà họ và khuyên nhủ họ với những lời này:

– Hãy chuyên tâm bố thí, hành trì ngũ giới và giữ ngày trai giới (Bố-tát)!

Sau đó, Ngài xuất lộ nguyên hình trước mặt họ và trở về cõi của Ngài. Còn vị Bà-la-môn và gia đình luôn bố thí, thực hành mọi thiện sự khác và sau khi sống đời trường thọ, liền được tái sanh lên thiên giới.

II. PHẨM UBBARĪ
(*UBBARIVAGGA*)

§13. CHUYỆN NGẠ QUỶ TÌM GIẢI THOÁT KHỎI VÒNG LUÂN HỒI (*Saṃsāramocakapetivatthu*) (*Pv*. 12; *PvA*. 67)

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc đang trú tại Veḷuvana (Trúc Lâm).

Thuở ấy, trong làng Itthakāvati, ở nước Magadha và làng Dīgharāji, có nhiều người mang nặng tà kiến, muốn tìm giải thoát vòng luân hồi sanh tử. Trước đó, có một nữ nhân được tái sanh vào một gia đình như vậy. Vì giết hại nhiều gián, dế và châu chấu, khi từ trần, bà tái sanh làm ngạ quỷ, chịu mọi nỗi khổ đói khát giày vò suốt năm trăm năm.

Thời đức Thế Tôn Gotama đang ở tại Rājagaha, nữ nhân ấy một lần nữa tái sanh vào cùng gia đình như trước kia tại Itthakāvati. Một hôm, khi nàng đang chơi đùa cùng các cô gái khác trên đường cái gần cổng làng, thì Tôn giả Sāriputta cùng mười hai Tỷ-kheo khác đi ngang qua và các cô gái kia vội vàng đảnh lễ. Nhưng cô này vẫn đứng yên tại chỗ một cách vô lễ. Sau đó, vị Trưởng lão suy xét quá khứ và tương lai của cô, động lòng thương xót, phê bình thái độ của cô với các cô kia. Họ liền nắm tay cô và kéo cô đến đảnh lễ chư vị.

Về sau, cô gái từ trần lúc sanh con và lại tái sanh giữa loài ngạ quỷ. Ban đêm, nữ ngạ quỷ ấy xuất hiện trước Tôn giả Sāriputta, vị ấy thấy nó liền hỏi:

95. Trần truồng và xấu xí hình dung,
Gầy guộc và thân thể nổi gân,
Ngươi yếu ớt xương sườn lộ rõ,
Ngươi là ai hiện đến đây chăng?

[Nữ ngạ quỷ đáp:]

96. Tôn giả, con là ngạ quỷ nương,
Thần dân khốn khổ của Diêm vương,
Vì con đã phạm hành vi ác,
Con đến cõi ma đói ẩn thân.

[Tôn giả Sāriputta:]

97. Ngày xưa ngươi phạm ác hạnh gì,
Do khẩu, ý, thân đã thực thi?
Vì hạnh nghiệp nào ngươi đã đọa,
Từ đây đến cảnh giới âm ty?

[Nữ ngạ quỷ:]

98. Tôn giả, con không có họ hàng,
Mẹ cha quyến thuộc để khuyên lơn:
"Này con, hãy có tâm thành kính,
Với các Sa-môn, hãy cúng dường!"

99. Ngũ bách niên từ đó đến đây,
Con lang thang với tấm thân này,
Trần truồng đói khát luôn hành hạ,
Đây quả do nhiều ác nghiệp gây.

100. Kính bái Hiền nhân với tín tâm,
Bạch Ngài đại lực, xót thương con,
Cúng dường lấy đức cho con hưởng,
Giải thoát con từ cảnh khổ thân.

Chư vị kết tập kinh điển kể tiếp chuyện này:

101. Chấp thuận với lời: "Được lắm thay!"
Vì lòng bi mẫn cõi đời này,
Cúng dường Tăng chúng phần cơm nhỏ,
Một mảnh y cùng chén nước đầy,
Xá-lợi-phất Tôn nhân phát nguyện,
Dành cho ngạ quỷ phước phần này.

102. Lập tức ngay sau lễ cúng dâng,
Phước phần hồi hướng đến vong nhân,
Đây là kết quả từ công đức,
Thức uống, thức ăn lẫn áo quần.

103. Sáng ngời y phục thật thanh tân,
Tơ lụa Ba-la-nại tuyệt trần,
Mang đủ nữ trang và kiểu áo,
Đến gần Xá-lợi-phất Tôn nhân.

[Tôn giả Sāriputta hỏi:]

104. Hỡi nàng thiên nữ dáng siêu phàm,
Đang chiếu mười phương sáng rỡ ràng,
Thiên nữ sắc nàng trông chói lọi,
Như vì sao cứu hộ trần gian.

105. Dung sắc này do nghiệp quả nào,
Phước phần nàng hưởng bởi vì sao,
Bất kỳ lạc thú nào trong dạ,
Yêu chuộng nàng đều thỏa ước ao?

106. Hỡi nàng thiên nữ đại oai thần,
Nàng tạo đức gì giữa thế nhân?
Vì cớ gì oai nghi rực rỡ,
Vẻ huy hoàng chiếu khắp mười phương?

[Nữ ngạ quỷ đáp:]

107. Trước con hình vóc chỉ trơ xương,
Gầy guộc đói cơm lại trần truồng,
Da dẻ nhăn nheo, nhờ Giác Giả,
Từ bi nhìn cảnh ngộ đau thương.

108. Khi Ngài ban tặng chúng Hiền Tăng,
Một mảnh y vàng, một miếng ăn,
Và chén nước kia, Ngài đã chuyển,
Phước phần công đức đến cho con.

109. Hãy nhìn kết quả của phần ăn,
Lạc thú mà con vẫn ước mong,
Con được cả ngàn năm thọ hưởng,
Thức ăn đầy đủ các mùi hương.

110. Hãy nhìn kết quả phát sanh ra,
Từ một mảnh trong chiếc áo kia,
Y phục giờ đây đầy đủ loại,
Khác nào quốc độ chúa Nandarāja.

111. Tôn giả, nay con có biết bao,
Áo quần mền đắp thật dồi dào,
Bằng tơ lụa với lông loài vật,
Đủ loại vải dày mỏng đẹp sao.

112. Sung mãn và cao quý tuyệt vời,
Chúng treo lơ lửng ở trên trời,
Con mang tùy ý thưa Tôn giả,
Bất cứ loại nào thích thú thôi.

113. Hãy nhìn kết quả tạo nên phần,
Từ chén nước trong đã cúng dâng,
Có bốn hồ sen sâu thăm thẳm,
Được xây dựng khéo léo vô ngần.

114. Bến bờ xinh đẹp nước trong xanh,
Nhè nhẹ hương thơm dịu mát lành,
Bao phủ toàn sen xanh, đỏ thắm,
Tràn đầy ngó súng mọc chung quanh.

115. Phần con an hưởng thú vui chơi,
Chẳng sợ gì đâu bốn góc trời,
Tôn giả, nay con về cõi đất,
Để con đảnh lễ đấng Thương Đời.

§14. CHUYỆN NGẠ QUỶ MẸ CỦA TRƯỞNG LÃO SĀRIPUTTA (*Sāriputtattheramātupetivatthu*) (*Pv.* 13; *PvA.* 78)

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc đang trú tại Veḷuvana (Trúc Lâm).

Một hôm, các Tôn giả Sāriputta (Xá-lợi-phất), Mahāmoggallāna (Đại Mục-kiền-liên), Anuruddha (A-na-luật-đà) và Kappina (Kiếp-tân-na) đang trú tại một nơi trong khu rừng không xa thành Rājagaha (Vương Xá).

Bấy giờ ở Benares (Ba-la-nại), có một Bà-la-môn đại phú gia vốn là một giếng nước đầy đối với các Sa-môn, Bà-la-môn, đám dân nghèo, du sĩ, lữ khách, hành khất; vị ấy cúng dường, bố thí thực phẩm, y phục, sàng tọa và nhiều vật dụng khác.

Vị ấy điều hành sinh hoạt của mình và bố thí tùy theo cơ hội, phù hợp với các khách vãng lai, đủ mọi vật cần thiết cho tuyến đường trường. Vị ấy thường dặn bà vợ:

– Này bà, đừng quên việc bố thí này, bà phải chuyên tâm chăm lo bố thí như đã được định đoạt.

Bà vợ đồng ý, nhưng khi ông ra đi, bà liền cắt giảm tục lệ cúng dường chư Tăng. Hơn nữa, đối với những lữ khách đến xin cư trú, bà chỉ vào túp lều xiêu vẹo bị bỏ phế đằng sau nhà và bảo họ:

– Hãy ở lại đó!

Khi những du sĩ đến xin thực phẩm, nước uống và các thứ khác, bà thường buông lời nguyền rủa, kể ra cho từng người bất cứ vật gì ô uế đáng ghê tởm và bảo:

– Hãy ăn phân đi! Hãy uống nước tiểu đi! Hãy uống máu đi! Hãy ăn óc mẹ ngươi đi!

Do nghiệp lực trói buộc, lúc từ trần, bà tái sanh làm nữ ngạ quỷ chịu nỗi khốn cùng phù hợp với ác hạnh của bà. Khi nhớ lại những quyến thuộc trong tiền kiếp, bà ước mong đến gần Tôn giả Sāriputta, và bà liền đến nơi Ngài cư trú. Các vị thổ thần trong nhà Ngài không chấp nhận cho nữ quỷ vào. Do đó, nữ quỷ nói như sau:

– Trong kiếp thứ năm kể về trước, ta là mẹ của Tôn giả Trưởng lão Sāriputta, hãy cho phép ta vào cửa để thăm Ngài!

Vừa nghe vậy, chư thần liền cho phép nữ quỷ. Khi nữ quỷ vào trong, nữ quỷ đứng cuối am thất và thấy Ngài. Chợt trông thấy nữ quỷ, Ngài động lòng từ bi liền hỏi nữ quỷ:

116. Trần truồng và xấu xí hình dung,
Gầy guộc và thân thể nổi gân,
Ngươi yếu ớt xương sườn lộ rõ,
Ngươi là ai hiện đến đây chăng?

[Nữ ngạ quỷ đáp:]

117. Tôn giả, xưa ta mẹ của Ngài,
Trong nhiều kiếp trước ở trên đời,
Tái sanh cảnh giới loài ma quỷ,
Đói khát giày vò mãi chẳng thôi.

118. Những thứ gì nôn tháo bọt mồm,
Nước mũi tuôn ra, nước dãi đờm,
Chất mỡ rỉ ra từ xác chết,
Bị thiêu, máu sản phụ lâm bồn.

119. Máu chảy ra từ các vết thương,
Hoặc từ đầu mũi bị cưa ngang,
Những gì cấu uế trong nam nữ,
Đói lả ta đều phải lấy ăn.

120. Máu mủ ta ăn của các loài,
Và luôn máu mủ của con người,
Không nơi cư trú, không nhà cửa,
Nằm chiếc giường đen, nghĩa địa hoài.

121. Tôn giả, xin Tôn giả cúng dường,
Vì ta Ngài bố thí ban ân,
Để cho ta hưởng phần công đức,
Giải thoát ta từ máu mủ phân.

Ngày hôm sau, Tôn giả Sāriputta cùng ba vị Tỷ-kheo kia khất thực trong thành Vương Xá, đến tận cung Đại vương Bimbisāra (Tần-bà-sa-la).

Nhà vua hỏi:

– Chư Tôn giả, tại sao chư vị đến đây?

Tôn giả Mahāmoggallāna trình vua những việc đã xảy ra. Nhà vua phán:

– Chư Tôn giả, trẫm chấp thuận việc ấy.

Nhà vua bảo chư vị ra đi, triệu vị cận thần vào và truyền lệnh:

– Hãy xây trong khu rừng của thành này bốn am thất, được cung cấp đủ bóng mát và nước chảy!

Khi các am thất đã được hoàn tất, nhà vua đem chúng cùng các vật dụng cần thiết trong cuộc sống cúng dường Trưởng lão Sāriputta. Sau đó, vị ấy dâng tặng lễ vật này lên Tăng chúng khắp thế gian do đức Phật làm thượng thủ và hồi hướng công đức ấy đến nữ ngạ quỷ kia.

Nữ ngạ quỷ hưởng các lợi lạc này liền được tái sanh lên thiên giới và có đầy đủ mọi thứ cần dùng. Một hôm, thiên nữ đến gần Tôn giả Mahāmoggallāna và kể cho vị ấy nghe tất cả mọi chi tiết trong hai kiếp tái sanh làm ngạ quỷ và thiên nữ.

Do đó, chuyện kể rằng:

122. Khi nghe mẹ đã nói gần xa,
Thương xót, Ngài Upatissa,
Triệu tập Mục-kiền-liên đại lực,
Cùng A-na-luật, Kiếp-tân-na.

123. Khi đã làm xong bốn cái am,
Ngài dâng lễ cúng tứ phương Tăng,
Am tranh, thực phẩm và hồi hướng,
Công đức về cho mẹ hưởng phần.

124. Lập tức ngay sau lễ cúng dâng,
Phước phần hồi hướng đến vong nhân,
Đây là kết quả từ công đức,
Thức uống, thức ăn lẫn áo quần.

125. Xiêm y thanh lịch hiện dần ra,
Đệ nhất Ba-la-nại lụa là,
Tô điểm ngọc vàng nhiều kiểu áo,
Đến gần Tôn giả Kolita.

Tôn giả Mahāmoggallāna hỏi:

126. Hỡi nàng thiên nữ dáng siêu phàm,
Đang chiếu mười phương sáng rỡ ràng,
Thiên nữ sắc nàng trông chói lọi,
Như vì sao cứu hộ trần gian.

127. Dung sắc này do nghiệp quả nào,
Phước phần nàng hưởng bởi vì sao,
Bất kỳ lạc thú nào trong dạ,
Yêu chuộng nàng đều thỏa ước ao?

128. Hỡi nàng thiên nữ đại oai thần,
Nàng tạo đức gì giữa thế nhân,
Vì cớ gì oai nghi rực rỡ,
Vẻ huy hoàng chiếu khắp mười phương?

Thiên nữ đáp:

129. Con là mẹ của Xá-lợi-phất,
Trong nhiều kiếp trước ở trên đời,
Tái sanh cảnh giới loài ma quỷ,
Đói khát giày vò mãi chẳng thôi.

130. Những thứ gì nôn tháo bọt mồm,
Nước mũi tuôn ra, nước dãi đờm,
Chất mỡ rỉ ra từ xác chết,
Bị thiêu, máu sản phụ lâm bồn.

131. Máu chảy ra từ các vết thương,
Hoặc từ đầu mũi bị cưa ngang,
Những gì cấu uế trong nam nữ,
Đói lả ta đều phải lấy ăn.

132. Máu mủ ta ăn của các loài,
Và luôn máu mủ của con người,
Không nơi cư trú không nhà cửa,
Nằm chiếc giường đen, nghĩa địa hoài.

133. Xá-lợi-phất Tôn giả cúng dường,
Nhờ đây con hạnh phúc hân hoan,
Bốn phương con chẳng hề kinh hãi,
Tôn giả chính là bậc xót thương,
Khắp cõi trần gian, thưa Giác Giả,
Con về đây kính lễ Tôn nhan.

§15. CHUYỆN NGẠ QUỶ MATTĀ (*Mattāpetivatthu*) (*Pv.* 14; *PvA.* 82)

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong khi đang trú tại Jetavana (Kỳ Viên).

Thuở ấy, tại Sāvatthi (Xá-vệ), có một vị địa chủ đầy tín tâm và đạo hạnh. Tuy thế, bà vợ Mattā lại không có lòng tin, không mộ đạo, bản tính hay nóng giận và không có con.

Sau đó, ông sợ dòng họ bị tuyệt tự, đã cưới một phụ nữ khác tên là Tissā. Nàng có lòng tin, mộ đạo và làm đẹp lòng chồng, nàng sinh một con trai được đặt tên là Bhūta. Là bà chủ nhà, nàng kính cẩn phục vụ bốn Tỷ-kheo thọ trai.

Không thể chịu đựng mãi tình địch, khi đã quét nhà xong, Mattā đổ rác lên đầu Tissā. Về sau Mattā từ trần và tái sanh làm nữ ngạ quỷ, phải chịu nỗi khổn khổ trăm phần vì nghiệp lực của mình.

Nỗi thống khổ của bà được thấy rõ trong bài kinh này. Rồi một hôm, nữ ngạ quỷ nhớ lại quá khứ, liền hiện hình trước Tissā lúc ấy đang tắm rửa sau nhà. Khi thấy ngạ quỷ, Tissā hỏi:

134. Trần truồng và xấu xí hình dung,
Gầy guộc và thân thể nổi gân,
Ngươi yếu ớt xương sườn lộ rõ,
Ngươi là ai hiện đến đây chăng?

[Mattā:]

135. Mattā là chị, hỡi Tissā,
Chị lấy chồng chung một kiếp xưa,
Do chị đã gây nên ác nghiệp,
Từ đây đọa đến cõi yêu ma.

[Tissā:]

136. Ngày xưa đã phạm ác hạnh gì,
Do khẩu, ý, thân chị thực thi,
Vì hạnh nghiệp nào nên đã đọa,
Từ đây đến cảnh giới âm ty?

[Mattā:]

137. Xưa chị ác tâm lắm hận sân,
Xan tham, dối trá lại ghen hờn,
Vì dùng ác ngữ làm thương tổn,
Chị đọa từ đây đến cõi âm.

[Tissā:]

138. Em còn nhớ mọi chuyện ngày xưa,
Chị thật hung hăng thuở bấy giờ,
Song có việc này em muốn hỏi:
Tại sao mình chị phủ đồ dơ?

[Mattā:]

139. Một buổi em vừa tắm gội xong,
Áo quần sạch sẽ mới vừa mang,
Chị đây quả thật còn hơn thế,
Chị điểm tô nhiều món nữ trang.

140. Khi điểm trang vầy chị ngó qua,
Em đang nói chuyện với chồng ta,
Chính vì việc ấy niềm ganh tị,
Cuồng nộ trong lòng bộc phát ra.

141. Rồi chị cầm đồ rác bụi lên,
Đúng là chị đã rải đầu em,
Vì do kết quả hành vi ấy,
Chị phải giờ đây chịu lấm lem.

[Tissā:]

142. Thật em biết mọi chuyện ngày xưa,
Chị rảy lên em lắm bụi dơ,
Nhưng có việc này em muốn hỏi:
Tại sao chị ngứa ngáy giày vò?

[Mattā:]

143. Tìm dược thảo xưa hai chúng ta,
Cùng đi vào tận chốn rừng già,
Em tìm các cỏ cây làm thuốc,
Chị hái quả cây kapika.

144. Lúc ấy em không biết chút nào,
Giường em chị rải chúng nhiều sao,
Vì do kết quả hành vi ấy,
Chị bị giày vò ngứa biết bao!

[Tissā:]

145. Thật ra em biết rõ hoàn toàn,
Chị rải trái kia khắp cả giường,
Song có việc này em muốn hỏi:
Tại sao chị phải chịu trần truồng?

[Mattā:]

146. Ngày kia có cuộc họp thân bằng,
Tụ tập họ hàng lại thật đông,
Em đã được mời đi dự lễ,
Cùng chồng ta đó, chị thì không.

147. Thế rồi em chẳng biết hoàn toàn,
Chị lấy cất đi mọi áo quần,
Do chính việc này sinh kết quả,
Giờ đây chị phải chịu trần truồng.

[Tissā:]

148. Thật ra em biết chuyện kia mà,
Chị lấy áo quần em quẳng xa,
Song có việc này em muốn hỏi:
Sao mùi xú uế chị xông ra?

[Mattā:]

149. Vòng hoa hương liệu với trầm hương,
Chị lấy của em vứt hố phân,
Do quả chị làm ra ác nghiệp,
Chị xông mùi xú uế vô cùng.

[Tissā:]

150. Đúng là em biết rõ điều này,
Ác nghiệp kia do chị đã gây,
Song có việc này em muốn hỏi:
Tại sao chị khốn khổ như vầy?

[Mattā:]

151. Tài sản trong nhà của chúng ta,
Thuộc về cả chị lẫn em mà,
Cúng dường bố thí là công đức,
Song chị không hề tự tạo ra,
Một chỗ trú an nay khốn khổ,
Là do kết quả lỗi lầm xưa.

152. Em thường bảo chị chính lời này:
"Chị cả đang hành ác nghiệp đây,
Song nếu không làm điều tổn đức,
Về sau sẽ hưởng phước tràn đầy."

[Tissā:]

153. Thái độ hận sân chị đến gần,
Bên em, chị tật đố ghen hờn,
Hãy nhìn quy luật điều chân lý,
Kết quả hành vi ác đã làm.

154. Chị lắm gia nhân ở tại nhà,
Nữ trang đầy đủ thật xa hoa,
Ngày nay chúng được người ngoài hưởng,
Lạc thú ở đời chỉ thoảng qua.

155. Giờ đây cha của bé Bhūta,
Từ chợ sắp quay trở lại nhà,
Ông sẽ tặng quà cho chị đó,
Đừng đi, hãy đợi lát giây mà.

[Mattā:]

156. Trần truồng dị tướng quá hao gầy,
Mình mẩy đường gân nổi rõ đầy,
Đây chiếc khố che phần hạ thể,
Đừng cho bố trẻ thấy ta vầy.

[Tissā:]

157. Này chị, muốn em tặng thứ nào,
Làm gì giúp đỡ chị hay sao,
Để cho chị được nhiều an lạc,
Hạnh phúc mọi điều thỏa ước ao?

[Mattā:]

158. Đây bốn Tỷ-kheo của chúng Tăng,
Và thêm vào đó bốn Sa-môn,
Cúng dường tám vị và hồi hướng,
Công đức cho ta được hưởng phần,

Sau đó ta tràn đầy hạnh phúc,
Thỏa lòng ao ước được hồng ân.

Chuyện kể tiếp:

159. "Được lắm!", nàng vừa nói vậy xong,
Liền đem dâng cúng tám Sa-môn,
Phạn trai cùng với nhiều y phục,
Hồi hướng phước phần đến cố nhân.

160. Lập tức ngay sau lễ cúng dâng,
Phước phần hồi hướng đến vong nhân,
Đây là kết quả từ công đức,
Thức uống, thức ăn, lẫn áo quần.

161. Sáng ngời y phục thật thanh tân,
Tơ lụa Ba-la-nại tuyệt trần,
Mang đủ nữ trang và kiểu áo,
Đến gần vợ kế của phu quân.

[Tissā:]

162. Hỡi nàng thiên nữ dáng siêu phàm,
Đang chiếu mười phương sáng rỡ ràng,
Thiên nữ sắc nàng trông chói lọi,
Như vì sao cứu hộ trần gian.

163. Dung sắc này do nghiệp quả nào,
Phước phần nàng hưởng bởi vì sao,
Bất kỳ lạc thú nào trong dạ,
Yêu chuộng nàng đều thỏa ước ao?

164. Hỡi nàng thiên nữ đại oai thần,
Nàng tạo đức gì giữa thế nhân,
Vì cớ gì oai nghi rực rỡ,
Vẻ huy hoàng chiếu khắp mười phương?

[Mattā:]

165. Mattā là chị, hỡi Tissā!
Chị lấy chung chồng một kiếp qua,
Do chị đã gây nên ác nghiệp,
Từ đây đọa tới cõi yêu ma,
Nhờ em dâng lễ nay an hưởng,
Chị chẳng sợ gì mọi hướng xa.

166. Mong em trường thọ với thân nhân!
Em hỡi, mong em hưởng phước ân!
Đạt cảnh ly sầu bi dục vọng,
Cõi trời của Hóa Lạc thiên thần.

167. Em sống đời sùng đạo cúng dường,
Tại đây bố thí hỡi hồng nhan,
Đoạn trừ gốc rễ xan tham ấy,
Em đến cõi thiên phước nghiệp tràn.

§16. CHUYỆN NGẠ QUỶ NANDĀ (*Nandāpetivatthu*) (*Pv.* 17; *PvA.* 89)

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc đang trú tại Jetavana (Kỳ Viên).

Ở một làng nọ không xa Sāvatthi (Xá-vệ), có một đệ tử tại gia đầy lòng tin và mộ đạo. Tuy thế, vợ vị ấy tên là Nandā lại không có lòng tin, không mộ đạo, xan tham, dễ nóng giận, ác ngữ, thường tỏ ra bất kính và bất tuân lời chồng. Bà thường la mắng ồn ào như trống nổi và say mê phỉ báng mạ lỵ.

Khi từ trần và tái sanh làm nữ ngạ quỷ, bà cư trú gần làng ấy. Rồi một hôm, bà xuất hiện trước mặt cư sĩ Nandasena đang đi trên đường. Khi thấy nữ ngạ quỷ, chàng ngâm kệ hỏi:

168. Đen đủi và hình tướng dữ dằn,
Thân mình xương xẩu thật kinh hoàng,
Nhà ngươi mắt đỏ răng vàng chạch,
Ta chắc ngươi không phải thế nhân.

[Nữ ngạ quỷ:]

169. Nandā là thiếp, hỡi Nanda!
Thiếp chính vợ chàng một kiếp xưa,
Vì đã dùng ngôn từ phỉ báng,
Từ đây đọa đến cảnh yêu ma.

[Nandasena:]

170. Ngày xưa đã phạm ác hạnh gì,
Do khẩu, ý, thân đã thực thi?
Vì hạnh nghiệp nào nên đã đọa,
Từ đây đến cảnh giới âm ty?

[Nữ ngạ quỷ:]

171. Xưa thiếp ác ngôn lắm hận sân,
Thiếp thường không kính trọng phu quân,
Vì dùng lời lẽ gây thương tổn,
Thiếp đọa từ đây tới cõi âm.

[Nandasena:]

172. Ta tặng nàng đây chiếc áo choàng,
Áo này nàng hãy lấy mà mang,
Sau khi nàng đã choàng xong áo,
Ta sẽ dẫn nàng đến cố hương.

173. Nàng sẽ được ta tặng áo quần,
Về nhà đủ thức uống đồ ăn,
Rồi nàng sẽ ngắm đôi nam tử,
Và sẽ thấy thêm được các dâu.

[Nữ ngạ quỷ:]

174. Những gì chàng tặng dẫu trao tay,
Cũng chẳng giúp cho thiếp thật hay,
Song với Tỷ-kheo đầy giới đức,
Đa văn, ly dục ở đời này.

175. Cúng dường chư vị đủ cao lương,
Hồi hướng về cho thiếp phước ân,
Thiếp sẽ được ban nhiều hạnh phúc,
Đạt thành mọi nguyện ước toàn phần.

Ba vần kệ tiếp theo được chư vị kết tập kinh điển ngâm:

176-77. "Được lắm!", chàng vừa hứa hẹn xong,
Cúng dường hào phóng lễ chàng dâng,
Dồi dào thực phẩm mềm và cứng,
Y phục, dù, hương liệu, tọa sàng,
Đủ loại dép giày, hoa kết chuỗi,
Sau khi dâng cúng các Hiền Tăng,
Ly tham, đạo hạnh, đa văn đủ,
Chàng chuyển phước phần đến cố nhân.

178. Lập tức ngay sau lễ cúng dâng,
Phước phần hồi hướng đến vong nhân,
Đây là kết quả phần công đức,
Thức uống, thức ăn, lẫn áo quần.

179. Sáng ngời y phục thật thanh tân,
Tơ lụa Ba-la-nại tuyệt trần,
Mang đủ nữ trang và kiểu áo,
Nàng liền tiến đến vị phu quân.

[Nandasena:]

180. Hỡi nàng thiên nữ dáng siêu phàm,
Đang chiếu mười phương sáng rỡ ràng,
Thiên nữ sắc nàng trông chói lọi,
Như vì sao cứu hộ trần gian.

181. Dung sắc này do nghiệp quả nào,
Phước phần nàng hưởng bởi vì sao,
Bất kỳ lạc thú nào trong dạ,
Yêu chuộng nàng đều thỏa ước ao?

182. Hỡi nàng thiên nữ đại oai thần,
Nàng tạo đức gì giữa thế nhân,
Vì cớ gì oai nghi rực rỡ,
Vẻ huy hoàng chiếu khắp mười phương?

[Thiên nữ:]

183. Nandā là thiếp, hỡi Nanda!
Thiếp chính vợ chàng một kiếp qua,
Do đã phạm vào bất thiện nghiệp,
Từ đây đọa tới cõi yêu ma,
Nhờ chàng dâng lễ nay an hưởng,
Thiếp chẳng sợ gì mọi hướng xa.

184. Mong chàng trường thọ với thân nhân,
Gia chủ mong chàng hưởng phước ân,
Đạt cảnh ly sầu bi dục vọng,
Cõi trời của Hóa Lạc thiên thần.

185. Chàng sống đời sùng đạo cúng dâng,
Tại đây bố thí hỡi phu quân,
Đoạn trừ gốc rễ xan tham ấy,
Chàng đến cõi thiên chẳng lỗi lầm.

§17. CHUYỆN NGẠ QUỶ ĐEO VÒNG TAI SÁNG CHÓI (*Maṭṭhakuṇḍalīpetavatthu*)[6] (*Pv.* 18; *PvA.* 92)

186. Mang chuỗi hoa, vòng tai điểm trang,
Làn da tẩm phấn bột chiên-đàn,
Chàng than khóc với đôi tay chắp,
Sầu khổ vì sao ở giữa rừng?

187. Bằng vàng đúc, sáng rực huy hoàng,
Xuất hiện ngày xưa xe của con,
Đôi bánh xe này con chẳng thấy,
Do buồn khổ ấy, muốn lìa trần.

188. Đúc bằng hồng ngọc, bạc hay vàng,
Hãy nói cho ta biết rõ ràng,
Nam tử Bà-la-môn quý mến,
Ta đi tìm cặp bánh cho chàng!

189. Nam tử La-môn nói với ông,
Đôi vòng nhật nguyệt vẫn thường trông,

[6] Các câu kệ từ 186-206 tương tự kệ 1207-27 trong *Vv.* 123, *Maṭṭhakuṇḍalīvimānavatthu* (*Chuyện lâu đài của vị thiên tử đeo vòng tai sáng chói*). Xem *J.* IV. 403, *Sivijātaka* (*Chuyện Đại vương Sivi*), số §499; *J.* III. 156, *Sujātajātaka* (*Chuyện chàng Sujāta*), số §352; *J.* VI. 4, *Mūgapakkhajātaka* (*Chuyện Vương tử què cầm*), số §538.

Xe con vàng đúc thường bừng sáng,
Với cặp bánh này giữa cõi không.

190. Chàng La-môn quả thật điên khùng,
Chàng kiếm thứ đồ chẳng thể mong,
Ta chắc rồi đây chàng sẽ chết,
Vì chàng không thể được trời, trăng!

191. Ta thường thấy lặn, mọc, trời, trăng,
Đặc tính, sắc màu lúc chuyển luân,
Song kẻ mạng chung nào thấy được,
Giữa ta, ai khóc thật điên khùng?

192. Quả chàng nói đúng, Bà-la-môn,
Than khóc vầy, ta ngu xuẩn hơn,
Ta khóc than vì người đã chết,
Khác nào con trẻ khóc đòi trăng.

193. Lòng ta thiêu đốt nóng bừng,
Như là sữa lạc đổ trong lửa đào,
Nay vừa được tưới nước vào,
Và đang lắng dịu biết bao khổ sầu.

194. Quả chàng nhổ mũi tên đau,
Nỗi buồn kia đã cắm sâu vào lòng,
Xua tan mọi mối thương tâm,
Của người cha đã đau buồn vì con.

195. Giờ đây mát lạnh, dịu lòng,
Mũi tên đã nhổ, ta không còn buồn,
Ta không còn phải khóc than,
Sau khi nghe nói, hỡi chàng La-môn!

196. Có phải chàng thiên tử, nhạc thần,
Sakka Thiên chủ đại danh lừng,
Thi ân hào phóng trang nam tử,
Con của ai, ta muốn biết chàng?

197. Con là nam tử của ngài đây,
Ngài hỏa thiêu con, nghĩa địa này,
Ngài đã khóc than và khổ não,
Còn con làm thiện nghiệp riêng tây,
Nay lên cộng trú cùng thiên chúng,
Tam Thập Tam thiên lạc thú đầy.

198. Cúng dường lớn nhỏ ở trong nhà,
Ta chẳng thấy đâu, trước đến giờ,

Hoặc giữ giới hay ngày Bố-tát,
Làm sao con đạt cõi Băm Ba?

199. Xưa con bệnh hoạn ở trong phòng,
Đau đớn ngập tràn cả tấm thân,
Con thấy Phật-đà vô lậu hoặc,
Đoạn nghi, Thiện Thệ trí viên toàn.

200. Tâm con tràn ngập nỗi hân hoan,
Đảnh lễ Như Lai với tín tâm,
Khi thiện sự con vừa thực hiện,
Con lên cộng trú chúng thiên thần.

201. Thật là hy hữu, diệu kỳ thay,
Đây kết quả hành động chắp tay,
Ta cũng hân hoan, tâm tín ngưỡng,
Quy y đức Phật từ ngày nay!

202. Ngay từ hôm nay với tín tâm,
Ngài quy y Phật, Pháp cùng Tăng,
Hành trì ngũ giới chuyên tu tập,
Giữ trọn vẹn không có lỗi lầm.

203. Từ nay ngài tránh sát muôn loài,
Không lấy vật chi chẳng tặng ngài,
Không uống rượu nồng, không nói dối,
Và tri túc với vợ mình thôi.

204-05. Chàng muốn ta an, hỡi dạ-xoa!
Chàng mong hạnh phúc với ta mà,
Ta tuân lời dặn, này thiên tử,
Chàng chính là thầy giáo của ta,
Ta sẽ quy y vào Phật, Pháp,
Và quy y hội chúng Tăng-già.

206. Từ nay ta tránh sát muôn loài,
Không lấy các tài vật của ai,
Không uống rượu nồng, không nói dối,
Và tri túc với vợ mình thôi.

§18. CHUYỆN NGẠ QUỶ ĐẠI VƯƠNG KAṆHA

(Kaṇhapetavatthu)[7] (*Pv.* 18; *PvA.* 93)

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc đang trú tại Jetavana.

[7] Xem *Vv.* 90, *Cūḷarathavimānavatthu* (*Chuyện lâu đài có cỗ xe nhỏ*); *J.* III. 156, *Sujātajātaka* (*Chuyện chàng Sujāta*), số §352; *J.* IV. 84, *Ghatajātaka* (*Chuyện Trí giả Ghata*), số §454.

Ở thành Sāvatthi, con trai của một vị đệ tử tại gia từ trần. Người cha đau buồn không thể tắm rửa, ăn uống hay quan tâm đến công việc của mình, mà cũng không đi phụng sự đức Phật. Vị ấy thường nói lảm nhảm:

– Con yêu quý của ta đã bỏ đi đâu rồi! Tại sao nó ra đi trước ta?

Trong lúc bậc Đạo sư đang quán sát thế gian vào lúc rạng đông, Ngài thấy người kia có đủ cơ duyên đắc đạo quả. Ngày hôm sau, được chúng Tỷ-kheo vây quanh, Ngài đi vào Sāvatthi để khất thực. Sau khi thọ trai, Ngài cùng thị giả Ānanda đến cửa nhà người ấy. Lập tức các gia nhân báo cho vị đệ tử cư sĩ kia và đưa vị ấy đến tiếp kiến bậc Đạo sư.

Khi Ngài thấy vị ấy ngồi một bên, Ngài bảo:

– Này cư sĩ, ông đang phiền muộn điều gì chăng?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

– Này cư sĩ, các bậc trí nhân ngày xưa không còn than khóc đứa con yêu từ trần, sau khi đã nghe chuyện của các bậc Hiền trí.

Rồi theo lời thỉnh cầu của người gia chủ, Ngài kể chuyện cổ tích này.

Thời xưa, trong thành Dvāravatī, có mười huynh đệ hoàng gia: Vāsudeva, Baladeva, Candadeva, Suriyadeva, Aggideva, Varuṇadeva, Ajjuna, Pajjuna, Ghatapaṇḍita và Aṅkura. Trong số này, có con trai của Đại vương Vāsudeva từ trần.

Vị vua ấy tràn ngập nỗi sầu bi, xao lãng mọi phận sự quân vương, cứ nằm dài trên giường, chắp tay lên đầu và nói lảm nhảm. Lúc ấy, Ghatapaṇḍita (Trí giả Ghata) suy nghĩ: "Không ai ngoài ta có thể xua tan nỗi ưu phiền của hoàng huynh. Ta sẽ dùng mưu kế dẹp bỏ nỗi sầu của hoàng huynh." Vì thế, vị ấy làm ra vẻ điên khùng vừa nhìn lên trời, vừa lang thang khắp kinh thành, bảo:

– Cho ta con thỏ! Cho ta con thỏ!

Lúc ấy, dân chúng toàn thành suy nghĩ: "Ghatapaṇḍita đã phát điên rồi!" Lúc ấy, vị quốc sư tên là Rohiṇeyya đi đến Đại vương Vāsudeva và mở đầu câu chuyện với vần kệ này:

207. Đứng lên! Tâu Đại đế Kaṇha,
Sao Đại đế nằm mãi thế kia?
Ích lợi gì khi ngài ngủ thiếp?
Chàng là bào đệ của ngài mà,
Là tim, mắt phải ngài yêu quý,
Gió cuốn Ghata hóa dại khờ!

Bậc Đạo sư tiếp tục câu chuyện với vần kệ này:

208. Khi nghe lời của Rohiya,
Đại đế Kesa dáng xót xa,
Nặng trĩu sầu tư liền đứng dậy,
Chỉ vì bào đệ của nhà vua.

Sau đó, nhà vua từ lầu thượng bước xuống và đi đến gặp Ghatapaṇḍita. Nhà vua ôm chặt bào đệ với đôi tay và nói chuyện với chàng:

209. Sao dáng điên rồ đệ thẩn thơ,
Khắp kinh thành đất nước Dvāra,
Thì thầm: "Thỏ! Thỏ!", luôn mồm ấy,
Loại thỏ gì kia đệ ước mơ?

210. Thỏ dầu bằng ngọc hoặc vàng ròng,
Hoặc bạc hay là loại thỏ đồng,
Bảo ngọc, san hô, loài đá quý,
Ta làm cho đệ thỏa cầu mong.

211. Còn có nhiều loài thỏ biết bao,
Vẫn thường chạy nhảy chốn rừng sâu,
Loại này ta cũng mang cho đệ,
Loại thỏ nào đâu đệ ước ao?

Ghatapaṇḍita đáp:

212. Những loại thỏ này đệ chẳng ham,
Những loài cư trú khắp trần gian,
Kesava, hãy mau đem xuống,
Cho đệ thỏ kia chốn Quảng Hàn!

Khi nghe chàng nói, nhà vua đau buồn suy nghĩ: "Chắc chắn em ta đã hóa điên rồi" và bảo:

213. Bào đệ chắc em sẽ bỏ đời,
Vì em mơ ước chuyện xa vời,
Chuyện mà không có ai mơ ước,
Con thỏ cung trăng ở cõi trời!

Khi đã nghe những lời của nhà vua xong, Ghatapaṇḍita đứng yên và đáp:

– Này hoàng huynh, hoàng huynh cũng đã hủy hoại cuộc đời của mình nhưng không đạt được con thỏ trên cung trăng mà hoàng huynh mơ ước.

Rồi vị ấy ngâm vần kệ này:

214. Nếu Kaṇha quả thật trí cao,
Dạy cho người khác khỏi ưu sầu,
Giờ đây sao vẫn còn than khóc,
Nam tử từ trần đã bấy lâu?

Trong khi đang đứng giữa đường cái, vị ấy nói như sau:

– Quả thật đệ ước mơ một điều rõ ràng, có thể hiểu được, nhưng hoàng huynh lại than khóc về một điều không thể hiểu được như thế kia.

Rồi vị ấy ngâm kệ thuyết pháp với nhà vua:

215. Mong con ta sống chẳng từ trần!
Không một người hay một vị thần,
Có thể đạt điều không thể đạt,
Sao điều không thể lại cầu mong?

216. Không có bùa thiêng hoặc thuốc thang,
Chẳng loài dược thảo hoặc tiền vàng,
Đủ công năng để làm hồi phục,
Người chết, hoàng huynh vẫn khóc than.

217. Chính đám phú gia lắm bạc vàng,
Quốc vương quý tộc có giang san,
Những người phong phú bao tiền của,
Cũng chẳng thoát tay lão tử thần.

218. Sát-ly, Sa-môn với Thủ-đà,
Pukkusa, Vệ-xá, Chiên-đà,
Những người này với toàn gia tộc,
Cũng chẳng thoát tay lão tử ma.

219. Những kẻ chuyên trì tụng chú thần,
Sáu phần sáng tạo bởi Sa-môn,
Bọn này, bọn khác dùng tà thuật,
Cũng chẳng thoát tay lão tử vong.

220. Ngay các trí nhân thật chánh chơn,
Các nhà khổ hạnh đã điều thân,
Sa-môn, ẩn sĩ, dù tu luyện,
Đến đúng thời cơ cũng mạng vong.

221. Những bậc suốt đời tu tập tâm,
Những người phận sự đã làm xong,
Những người giải thoát, ly tham dục,
Đoạn thiện ác hạnh, cũng bỏ thân.

Như vậy, Ghatapandita thuyết pháp cho nhà vua. Khi nhà vua đã nghe xong, nỗi đau buồn liền tan biến và tâm trí trở nên thanh thản. Nhà vua ngâm kệ để tán thán Ghatapandita:

222. Lòng ta quả thực nóng bừng,
Khác nào sữa lạc đổ trong lửa đào,
Em vừa tưới nước lạnh vào,
Giờ đây ta dứt hết bao khổ sầu.

223. Quả em nhổ mũi tên đau,
Nỗi ưu phiền đã cắm sâu vào lòng,
Xua tan mọi nỗi thương tâm,
Sầu tư nặng trĩu khóc thầm vì con.

224. Giờ đây trút bỏ đau buồn,
Lòng ta lắng dịu, trí thường khinh an,
Ta không còn phải khóc than,
Từ khi nghe những lời vàng của em.

225. Vậy là những bậc trí hiền,
Đầy lòng bi mẫn ưu phiền xóa ngay,
Như Ghata, tiểu đệ này,
Đã làm huynh trưởng từ rày an tâm.

226. Kẻ nào bầu bạn hiền nhân,
Vẫn thường hầu cận thiết thân bên mình,
Với lời khuyên nhủ chí tình,
Như Ghata với trưởng huynh của chàng.

Bậc Đạo sư thuyết pháp thoại này và bảo:

– Như vậy, này cư sĩ, những người trí tuệ ngày xưa dứt bỏ ưu phiền vì con, sau khi đã nghe chuyện của các bậc hiền nhân.

Sau đó, vừa thuyết giảng các Thánh đế, Ngài vừa đưa chuyện tiền thân này vào cơ hội trên. Khi pháp thoại chấm dứt, vị cư sĩ ấy đã được an trú vào quả vị Dự lưu.

§19. CHUYỆN NGẠ QUỶ CHỦ NGÂN KHỐ DHANAPĀLA (*Dhanapālaseṭṭhipetavatthu*)[8] (*Pv.* 20; *PvA.* 99)

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc đang trú tại Jetavana.

Trước khi đức Phật đản sinh, trong quốc độ Dasaṇṇa, tại kinh thành Erakaccha, có một vị chủ ngân khố tên là Dhanapāla (Tài Hộ), là một người không có lòng tin, không mộ đạo, keo kiệt và đầy tà kiến. Những công việc của vị này có thể hiểu được qua Kinh điển Pāli. Lúc từ trần, vị ấy tái sanh làm ngạ quỷ trong một vùng sa mạc hoang vắng. Ngạ quỷ đi lang thang khắp nơi, bị đói khát giày vò, hành hạ.

Thời ấy, một số thương nhân sống ở Sāvatthi chất đầy hàng hóa lên năm trăm cỗ xe và khi đã đến Uttarāpatha, họ bán các hàng ấy. Sau đó, họ lại chất đầy hàng hóa lên xe để trở về.

Họ khởi hành lên đường về nhà, lúc chiều tối, họ đến tại một gốc cây. Ở đấy, họ tháo cương bỏ bầy bò ra và tạm trú qua đêm. Thế rồi ngạ quỷ kia bị cơn khát nước giày vò liền đến nơi ấy kiếm thứ gì để uống, nhưng không được giọt nào, nó liền thốt tiếng kêu. Khi thấy nó, các thương nhân hỏi:

227. Trần truồng và xấu xí hình dung,
Gầy guộc và thân thể nổi gân,

[8] Xem *Pv.* 9, *Khallāṭiyapetivatthu* (*Chuyện ngạ quỷ sói đầu*); *Pv.* 79, *Nandakapetavatthu* (*Chuyện ngạ quỷ Nandaka*); *A.* I. 138, *Devadūtasutta* (*Kinh Thiên sứ*); *Dh.* v. 337.

Ngươi yếu ớt xương sườn lộ rõ,
Ngươi là ai đấy hỡi vong nhân?

[Ngạ quỷ đáp:]

228. Tôn giả, ta là ngạ quỷ nhân,
Thần dân xấu số của Diêm vương,
Vì ta đã phạm hành vi ác,
Ta đến nơi ma đói ẩn thân.

[Những thương nhân:]

229. Ngày xưa ngươi phạm ác hạnh gì,
Do khẩu, ý, thân đã thực thi?
Vì hạnh nghiệp nào ngươi đã đọa,
Từ đây đến cảnh giới âm ty?

[Ngạ quỷ:]

230. Kinh thành bộ tộc Dasanna,
Danh vọng lẫy lừng Erakaccha,
Thuở trước ta là nhà triệu phú,
Với tên Tài Hộ tặng cho ta.

231. Tám mươi ngàn chẵn cỗ xe lừa,
Chất chứa vàng ròng sở hữu ta,
Thuở đó ta nhiều vàng bạc lắm,
Ngọc trai, ngọc mắt báo đầy nhà.

232. Như vậy ta là đại phú ông,
Nhưng ta lại chẳng muốn cho không,
Khi ta ăn uống ta cài cửa,
Để bọn ăn mày chẳng ngóng trông.

233. Xưa ta không mộ đạo xan tham,
Keo kiệt dùng lời nói hại nhân,
Ta cản nhiều người chuyên bố thí,
Những người làm phận sự chuyên cần.

234. Ta nói: "Không sao có phước phần,
Dành cho việc bố đức thi ân,
Tu thân đâu có đem thành quả?"
Ta phá bao nguồn nước vệ đường,
Ao giếng hồ sen vườn cảnh đẹp,
Lối đi hiểm trở khó băng ngang.

235. Như vậy ta không tạo phước ân,
Làm người gây ác nghiệp từ trần,
Tái sanh vào xứ loài ma quỷ,
Đói khát luôn hành hạ khổ thân,

236. Từ đấy đến nay ta tạ thế,
Tính ra vừa đủ năm lăm năm.
Ẩm thực ta không được hưởng phần,
Do không có bố đức thi ân,
Thì điều tai hại là như vậy,
Vì ngạ quỷ luôn hiểu biết rằng:
"Nếu chẳng muốn thi ân bố đức,
Thì điều tai hại cũng ngang bằng."

237. Thuở trước ta không muốn phát ban,
Ta không bố thí các kho tàng,
Mặc dù bố thí là công đức,
Ta chẳng tạo nên chốn trú an.

238. Ngày nay ta hối hận ăn năn,
Nặng trĩu trong lòng bởi phải mang,
Hậu quả việc làm bao ác nghiệp,
Và sau bốn tháng sẽ từ trần.

239. Đọa miền địa ngục hãi hùng sao,
Có bốn góc và bốn cửa vào,
Ngục được chia phần theo kích thước,
Xung quanh bao bọc với tường rào,
Làm bằng sắt nóng và trên mái,
Cũng có sắt che tận đỉnh cao.

240. Nền bằng sắt rực lửa bừng bừng,
Nóng bỏng chói lòa khắp mọi phương,
Địa ngục muôn đời còn đứng mãi,
Trải dài luôn cả trăm do-tuần.

241. Nơi kia ta chịu khổ lâu dài,
Thọ quả do tà nghiệp chín muồi,
Vì thế ta thường ân hận mãi,
Khóc than thực tế chẳng hề nguôi.

242. Bởi vậy ta đem chuyện thật hay,
Nói cùng chư vị họp nơi đây,
Đừng bao giờ phạm hành vi ác,
Dù giấu kín hay được tỏ bày.

243. Nếu ngươi đang phạm việc sai lầm,
Hoặc sắp phạm thì nỗi khổ tâm,
Sẽ chẳng rời ngươi dù trốn tránh,
Bay lên trời đến giữa hư không.

244. Hãy luôn tôn kính mẹ cùng cha,
Quý trọng bậc niên trưởng tại nhà,
Quy ngưỡng Bà-la-môn, đạo sĩ,
Do vầy thiên giới sẽ chờ ta.

245. Không giữa trời hay giữa biển thanh,
Dẫu đi vào kẽ núi non xanh,
Cũng không tìm được trong trần thế,
Nơi chốn thoát thân khỏi ác hành.

Các thương nhân thương xót ngạ quỷ liền rảy nước vào mồm nó. Nhưng vì ác nghiệp của ngạ quỷ kia, nó không thể nuốt được. Họ hỏi nó:

– Thế giờ đây ngươi không thể nào dịu bớt đôi chút khổ đau?

Ngạ quỷ đáp:

– Có thể được khi ác nghiệp này đã được tiêu trừ. Nếu giờ đây có lễ vật cúng dường đức Như Lai hoặc chư đệ tử của Ngài và công đức lễ cúng dường ấy được hồi hướng đến ta, thì ta sẽ được giải thoát ra khỏi kiếp sống ngạ quỷ này.

Khi các thương nhân đã nghe chuyện ngạ quỷ xong, họ trở về Sāvatthi, trình lên đức Thế Tôn, rồi suốt bảy ngày làm đại lễ cúng dường Tăng chúng có đức Phật làm thượng thủ và hồi hướng công đức ấy đến ngạ quỷ.

§20. CHUYỆN NGẠ QUỶ TIỂU CHỦ NGÂN KHỐ

(*Cūḷaseṭṭhipetavatthu*) (*Pv.* 21; *PvA.* 105)

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc đang trú tại Veḷuvana (Trúc Lâm).

Ở Benares (Ba-la-nại), có gia chủ Cūḷaseṭṭhi (Tiểu chủ Ngân khố) là người không có lòng tin, không mộ đạo, keo kiệt, không bố thí và khinh thường các thiện sự công đức. Lúc từ trần, vị ấy tái sanh giữa loài ngạ quỷ.

Bấy giờ, con gái vị ấy là Anulā đang sống tại nhà chồng ở Andhakavinda. Nàng mong muốn cúng dường các Bà-la-môn để lấy phước đức cho cha nên đã chuẩn bị cơm và các thực phẩm khác làm lễ vật. Khi ngạ quỷ biết tin này lòng đầy hy vọng, liền bay qua không gian, hướng về nơi kia và đến Rājagaha (Vương Xá).

Thời ấy, Vua Ajātasattu (A-xà-thế) theo sự xúi giục của Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) đã giết hại phụ vương. Vì lòng hối hận giày vò và gặp cơn ác mộng, nhà vua không ngủ được. Trong lúc đang đi dạo quanh quẩn trên thượng lầu, nhà vua thấy ngạ quỷ kia đang bay qua không gian, liền hỏi:

246. Ngươi là vị khổ hạnh trần truồng,
Gầy guộc ban đêm vượt dặm đường,
Vì lý do gì cho trẫm biết,
Trẫm ban ngươi mọi vật giàu sang.

[Ngạ quỷ đáp:]

247. Thành Ba-la-nại tiếng vang lừng,
Nơi ấy ta là một phú ông,
Không bố thí và ham hưởng lạc,
Vì làm ác đọa cảnh Diêm công.

248. Đói khổ làm ta kiệt quệ dần,
Ta đau như thể bị kim châm,
Vì gây ác nghiệp cho nên phải,
Đi đến bà con để kiếm ăn.
Song những kẻ nào tâm biển lận,
Vẫn không tin tưởng chuyện cho rằng,
Thi ân bố đức đem thành quả,
Xuất hiện đời sau giữa thế nhân.

249. Con gái ta thường nói với ta:
"Con mong dâng cúng các ông cha."
Bà-la-môn muốn cho người khác,
Đi dự tiệc bằng cách nói ra:
"Ta sắp được mời ăn thịnh soạn,
Tại nơi kia ở Andhaka."

Chuyện kể tiếp:

250. Vua truyền: "Khi đã nhận xong phần,
Ngươi trở lại đây vội bước chân,
Trẫm muốn ban ngươi nhiều phước lộc.
Nếu nhà ngươi có một nguyên nhân,
Trình cho trẫm biết ngay duyên cớ,
Trẫm sẽ nghe điều xứng tín tâm."

251. "Mong vậy!" Quỷ vừa mới nói ra,
Liền bay đi đến phố Andha,
Nơi kia chúng hưởng đồ dâng cúng,
Song hội chúng không xứng đáng mà,
Sau đó về thành Vương Xá ấy,
Một lần nữa yết kiến nhà vua.

252. Khi vua nhìn ngạ quỷ quay về,
Liền bảo: "Nay ta phải cúng gì?
Hãy nói thế nào là cách thức,
Khiến ngươi hưởng lạc thú tràn trề?"

[Ngạ quỷ đáp:]

253. Phục vụ Tỷ-kheo với Phật-đà,
Thức ăn, đồ uống, áo cà-sa,

Cúng dường lấy phước cho ta hưởng,
Ta sẽ hân hoan trọn kiếp mà.

254. Tức thì vua bước xuống hoàng cung,
Dâng lễ tự tay đến chúng Tăng,
Trình đức Như Lai về việc ấy,
Rồi đem công đức tặng vong nhân.

255. Chói lòa ánh sáng được tôn vinh,
Trước mặt quân vương quỷ hiện hình:
"Ta đã trở thành thần đại lực,
Không người nào sánh kịp uy danh.

256. Hãy nhìn ta hưởng đại vinh quang,
Do Đại vương vừa mới phát ban,
Khi đã cúng Tăng-già đại lễ,
Từ đây ta được mãi hân hoan,
Vì có biết bao nhiêu phước lộc,
Ta đầy hỷ lạc, hỡi Quân vương!"

§21. CHUYỆN NGẠ QUỶ AṄKURA

(*Aṅkurapetavatthu*)[9] (*Pv.* 23; *PvA.* 111)

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Sāvatthi (Xá-vệ).

Trong trường hợp này, Aṅkura không phải là ngạ quỷ, nhưng vì có liên hệ với ngạ quỷ, nên chuyện được gọi là chuyện ngạ quỷ Aṅkura.

Trong thị trấn Asitañjana, ở vùng Kamsabhoga, tỉnh Uttarāpatha, có vị vương tử của Vua Mahāsāgara chúa tể xứ Uttaramadhurā, tên là Upasāgara cùng Vương phi Devagabbhā công chúa của Vua Mahākaṃsaka, sinh được các con này: Añjanadevi, Vāsudeva, Baladeva, Candadeva, Suriyadeva, Aggideva, Varuṇadeva, Ajjuna, Pajjuna, Ghatapaṇḍita và Aṅkura.

Vāsudeva và các huynh đệ khởi binh từ kinh thành Asitañjana và theo thời gian tận diệt tất cả mọi vua chúa trong sáu mươi ba ngàn kinh thành thuộc toàn quốc Hồng Đào (Ấn Độ) rồi dừng chân ở thành Dvāravatī và định cư tại đó.

Về sau, họ chia vương quốc ra làm mười phần, nhưng họ lại quên phần chị là Công chúa Añjanadevi. Khi họ nhớ đến bà, một vương tử đưa ý kiến:

– Chúng ta hãy chia làm mười một phần.

Lập tức Tiểu vương tử Aṅkura nói:

– Hãy đưa phần tiểu đệ cho vương tỷ; tiểu đệ sẽ sống bằng nghề thương

[9] Xem *S.* I. 43, *Sādhusutta* (*Kinh Lành thay*); *A.* III. 336, *Chaḷaṅgadānasutta* (*Kinh Bố thí gồm sáu phần*); *J.* IV. 72, *Bhūripaññajātaka* (*Chuyện vấn đề trí tuệ*), số §452; *J.* IV. 239, *Akittijātaka* (*Chuyện Hiền giả Akitti*), số §480.

mãi, chư vương huynh gửi tiền thuế của tiểu đệ đến vương tỷ, mỗi người từ quốc độ của mình!

Họ chấp thuận và sau khi đã gửi phần trợ cấp của người em cho chị, chín vua kia đều sống tại Dvāravatī. Tuy thế, Aṅkura lại theo nghề thương mãi và thường xuyên bố thí rộng rãi. Bấy giờ, vị ấy có một người nô lệ làm thủ kho vốn rất quan tâm đến phúc lợi của chủ.

Aṅkura cưới cho người này một thiếu nữ có gia thế đàng hoàng về làm vợ. Vì người nô lệ chết sớm, Aṅkura cho con trai người này hưởng tiền lương đã được trả cho cha nó lúc trước. Khi đứa bé này đến tuổi khôn lớn, trong triều vua có lời bàn xì xào rằng kẻ nô lệ ấy không phải là một nô lệ.

Khi Công chúa Añjanadevi nghe chuyện này, bà dùng ví dụ con bò sữa và giải phóng cậu trai ra khỏi tình trạng nô lệ, rồi nói:

– Một bà mẹ được tự do không có gì thua kém một đứa con trai được tự do.

Song nỗi hổ thẹn khiến cậu con trai bỏ ra đi đến kinh thành Bheruva; tại đó, cậu cưới con gái của một người thợ may và sinh sống bằng nghề thợ may.

Thời ấy, trong thành Bheruva có một vị chủ nghiệp đoàn đại phú tên là Asayha vẫn cúng dường, bố thí hào phóng cho các Sa-môn, Bà-la-môn, du đãng, lữ hành, cùng đám ăn mày, khất sĩ. Người thợ may hân hoan thích thú về việc này, thường chỉ cho những người không biết chỗ ấy đến tận dinh cơ của gia tộc Asayha với lời dặn:

– Hãy đi đến đó và nhận được nhiều tặng vật xứng đáng!

Hành động của vị này được đề cập trong Kinh tạng Pāli. Khi từ trần, vị ấy tái sanh làm một Địa thần trong vùng sa mạc, ở một cây đa kia; tại đó, tay phải vị thần thường ban phát các đồ vật đem lại lạc thú.

Bấy giờ, cũng trong thành Bheruva ấy, có một người tham dự vào việc bố thí hào phóng của Asayha, nhưng vì kẻ ấy không có lòng tin, không mộ đạo, đầy tà kiến và tỏ ra bất kính đối với các thiện sự công đức, nên khi từ trần, kẻ ấy tái sanh làm ngạ quỷ ở gần nơi cư trú của vị thần kia. Hạnh nghiệp của vị ấy cũng được tìm thấy trong Kinh tạng Pāli.

Lúc ấy, Asayha đã từ trần và cộng trú với Thiên chủ Sakka ở cõi trời Ba Mươi Ba. Một thời gian sau đó, Aṅkura chất đầy hàng hóa lên năm trăm cỗ xe, trong khi một Bà-la-môn khác cũng làm như vậy. Hai người này cùng cả ngàn cỗ xe đi vào một sa mạc hiểm trở và lạc đường.

Trong khi họ lang thang quanh quẩn nơi ấy thì cỏ, nước và thực phẩm cạn dần. Aṅkura phái những người hầu cận đi tìm nước. Lúc ấy, thần dạ-xoa kia đang ban phát các đồ vật đem lại lạc thú, chợt thấy tình cảnh nguy khốn của họ, và nhớ đến công ơn mà Aṅkura đã làm cho mình đời trước, liền chỉ cho vị này cây đa mà thần đang cư trú và suy nghĩ: "Bây giờ đây, ta phải giúp đỡ người này."

Thời ấy, cây đa này đầy cành lá rậm rạp, rũ bóng che dày đặc và có hàng ngàn chồi non. Cây trải dài, cao và rộng cả một do-tuần. Khi thấy cây đa, Aṅkura rất hân hoan, thích thú bảo cắm lều ngay tại đó. Thần dạ-xoa đưa tay phải ra và lập tức cung cấp nước uống.

Sau khi những người này được cung cấp đủ mọi nhu cầu theo nguyện vọng và đã nghỉ ngơi sau cuộc hành trình, vị Bà-la-môn thương nhân nảy lên ý tưởng ngu si này: "Sau khi đã đi từ đây đến Kamboja để kiếm tài sản thì chúng ta sẽ làm được việc gì? Chi bằng ta hãy tìm cách bắt lấy thần dạ-xoa đưa lên xe. Rồi sau đó cùng thần ấy đi thẳng về kinh thành của ta."

Với ý tưởng này trong trí, vị Bà-la-môn nói kế hoạch của mình cùng Aṅkura:

257. Đích ta tìm ở Kamboja,
Thành tựu khi ta gặp dạ-xoa,
Thần ấy cho ta bao ước muốn,
Bắt thần cùng ở với đoàn ta.

258. Hãy bắt lấy ngay đại lực thần,
Cho dù cưỡng bách hoặc bằng lòng,
Hãy đưa thần ấy lên xe gấp,
Trở lại Dvāraka vội bước chân.

Khi vị Bà-la-môn đã nói vậy xong, Aṅkura liền đề cập pháp thực hành của các thiện nhân, vừa phản đối vị kia:

259. Với cây rũ bóng ngẫu nhiên ngồi,
Nằm nghỉ ta không bẻ nhánh chơi,
Vì kẻ nào hay làm phản bạn,
Là người gây ác nghiệp trên đời.

Vị Bà-la-môn đáp lời, theo quan niệm khôn ngoan thông thường chủ trương rằng, căn bản của sự thành công là loại bỏ đạo đức giả:

260. Với cây cao bóng mát tình cờ,
Ta đến nằm, ngồi thật tự do,
Có thể đốn cây ngay tận gốc,
Nếu điều này có lợi cho ta.

[Aṅkura:]

261. Với cây rũ bóng ngẫu nhiên ngồi,
Nằm nghỉ ta không hái lá chơi,
Vì kẻ nào hay làm phản bạn,
Là người gây ác nghiệp trên đời.

[Bà-la-môn:]

262. Với cây cao bóng mát tình cờ,
Ta đến nằm ngồi thật tự do,

Có thể nhổ cây luôn cả rễ,
Nếu điều này có lợi cho ta.

[Aṅkura:]

263. Tình cờ ta ở lại nhà ai,
Dù chỉ một đêm đến sáng mai,
Ta được người kia mời ẩm thực,
Ta không nghĩ kế hại cho người,
Tri ân là một điều cần thiết,
Được các thiện nhân tán thán hoài.

264. Tình cờ ta trú ngụ nhà ai,
Cho dẫu một đêm chỉ một thôi,
Và được người kia mời ẩm thực,
Không nên nghĩ việc ác cho người,
Kẻ nào tay chẳng gây tai hại,
Cũng chấm dứt mưu phản bạn đời.

265. Ngày trước nếu ai có thiện hành,
Về sau phạm tội ác vào mình,
Bàn tay trong sạch người kia thiếu,
Sẽ chẳng gặp đâu phận tốt lành.

Lúc ấy, vị Bà-la-môn trở nên yên lặng. Tuy nhiên, thần dạ-xoa đã nghe cả hai người nói chuyện, liền nổi giận với vị Bà-la-môn và nói:

– Hãy cho gã Bà-la-môn độc ác này lãnh phần xứng đáng với gã!

Rồi để chứng tỏ rằng thần không dễ bị bất cứ ai khuất phục, thần bảo:

266. Thiên thần hay thế nhân, vương quyền
Muốn khuất phục ta, chẳng dễ xong!
Ta chính dạ-xoa, thần đại lực,
Phi nhanh như chớp giữa hư không,
Và ta thọ hưởng hình dung đẹp,
Phúc phận cho ta đủ lực hùng.

[Aṅkura:]

267. Bàn tay ngài chói sáng vàng ròng,
Năm ngón tuôn ra mật ngọt trong,
Nhiều loại chất ngon đang nhỏ chảy,
Ngài Purindada, ta mong.

[Thần dạ-xoa:]

268. Ta chẳng là tiên, chẳng thát-bà,
Chẳng Sakka hiệu Purindada,
Aṅkura hỡi, ta là quỷ,
Đã đến đây từ Bheruva.

[Aṅkura:]

269. Ở Bheruva giới ra sao,
Đời trước ngài theo nếp sống nào,
Vì Thánh hạnh gì tay ấy vẫn
Thành tựu phước báu biết là bao?

[Thần dạ-xoa:]

270. Kiếp trước ta là một thợ may,
Suốt đời cùng khổ sống qua ngày,
Ở Bheruva ta không có
Phương tiện gì ban phát tự tay.

271. Thuở ấy tiệm ta ở cạnh nhà,
Của người mộ đạo Asayha,
Chuyên gia bố thí đầy hào phóng,
Khiêm tốn làm bao thiện sự mà.

272. Các đám ăn mày đến chỗ kia,
Cùng đinh, đủ loại người nghèo qua:
Và rồi họ hỏi Ta nơi ấy,
Chỗ ở của ngài Asayha.

273. Chào ông! Cho hỏi đến nơi đâu?
Đâu chỗ chúng tôi nhận thí trao?
Họ hỏi ta đây bèn nói rõ,
Chỗ ở của ngài Asayha.

274. Ta đưa tay phải ra và bảo:
"Chào các ông! Xin hãy đến kia,
Nhà của Asayha ở đó,
Tặng vật dồi dào được phát ra."

275. Do vậy tay ta nay phát phân,
Những gì chư vị đến cầu mong,
Nhờ nguyên nhân ấy tay ta đó,
Đang nhỏ mật ngon ngọt cả dòng.
Vì Thánh hạnh xưa ta tiếp tục
Thành tựu phước báu với tay không.

[Aṅkura:]

276. Như thế xưa ngài chẳng tặng ai,
Vật gì đâu với chính tay ngài,
Nhưng vì thích thú nhìn người khác,
Bố thí nên tay phải trải dài.

277. Do vậy tay ngài nay biếu không,
Những gì cần thiết với tha nhân,

Nhờ nguyên nhân ấy tay ngài đó,
Đang nhỏ mật ngon ngọt cả dòng.
Vì Thánh hạnh xưa ngài tiếp tục,
Hoàn thành thiện sự với tay thần.

278. Ngài hỡi, người kia có tín tâm,
Dùng đôi tay lấy của cho không,
Sau khi đã bỏ thân phàm tục,
Người ấy đi đâu hãy nói cùng.

[Thần dạ-xoa:]

279. Ta chẳng biết gì thuở đã qua,
Chuyện sanh tử của Aṅgīrasa,
Người thành tựu việc không hề có,
Song đã nghe từ Vessavaṇa,
Người ấy sanh thiên và cộng trú,
Cùng chư thiên hội chúng Sakka.

[Aṅkura:]

280. Bố thí làm lành đúng khả năng,
Quả nhiên đầy đủ lợi vô ngần,
Khi nhìn kẻ khác ban ân phước,
Ai chẳng muốn làm thiện sự chăng?

281. Từ đây đến xứ Dvāraka,
Quả thật khi về đất nước xưa,
Ta sẽ phân chia nhiều tặng vật,
Việc này đem hạnh phúc cho ta.

282. Ta sẽ tặng nhiều thức uống ăn,
Áo quần, sàng tọa, chỗ nương thân,
Lối đi qua các nơi nguy hiểm,
Đào giếng và ao nước vệ đường.

Vừa lúc ấy, một ngạ quỷ xuất hiện, Aṅkura liền hỏi:

283. Sao tay ngươi các ngón cong queo,
Và miệng của ngươi lệch một chiều,
Đôi mắt ngươi tuôn trào nước mãi,
Nhà ngươi đã tạo ác hạnh nào?

[Ngạ quỷ:]

284. Với người mộ đạo Aṅgīrasa,
Gia chủ làm công đức tại nhà,
Tôi đã liên quan về thiện sự,
Xưa tôi giám sát việc chia quà.

285. Nơi kia khi thấy bọn xin ăn,
Những kẻ thèm cơm nước phát phân,
Đã đến tôi liền qua phía khác,
Và tôi làm bộ mặt mày nhăn.

286. Nên tay tôi các ngón cong queo,
Và miệng của tôi lệch một chiều,
Đôi mắt tôi tuôn trào nước mãi,
Ngày xưa tôi tạo ác hạnh nhiều.

[Aṅkura:]

287. Kẻ khốn khổ kia thật đúng là,
Miệng ngươi méo lệch bởi ngày xưa,
Ngươi nhăn mày mặt khi nhìn thấy,
Người khác phân chia các món quà.

288. Vì sao ta có thể phát phân,
Y phục, tọa sàng, thức uống ăn,
Mà lại mong nhờ tay kẻ khác,
Giúp ta phục vụ các tha nhân?

289. Từ đây đến xứ Dvāraka,
Quả thật khi về đất nước xưa,
Ta sẽ phân chia nhiều tặng vật,
Việc này đem hạnh phúc cho ta.

290. Ta sẽ tặng nhiều thức uống ăn,
Áo quần, sàng tọa, chỗ nương thân,
Lối đi qua các nơi nguy hiểm,
Đào giếng và ao nước vệ đường.

Chư vị kết tập kinh điển tiếp tục câu chuyện qua các vần kệ:

291. Sau khi trở về Dvāraka,
Vị ấy vừa quay bước đến nhà,
Liền thiết lập công trình bố thí,
Việc này đem hạnh phúc chan hòa.

292. Với tâm thanh thản vị này ban,
Y phục, thức ăn uống, tọa sàng,
Nơi chốn cho bao người tạm trú,
Đào ao và giếng nước bên đàng.

293. Ai muốn áo choàng, thức uống ăn?
Ngựa bò ai mỏi mệt hay chăng?
Từ nơi đây họ đem dây buộc,
Bò, ngựa vào xe để chở hàng,

Ai muốn nước hoa, dù đỡ nắng,
Ai cần giày dép hoặc hoa tràng?

294. Như vầy bọn chúng cứ kêu la,
Bọn hớt tóc và bán nước hoa,
Đầu bếp không ngừng từ sáng tối,
Ở ngôi nhà của Aṅkura.

Tiếp theo đó là câu chuyện giữa Aṅkura và Sindhaka, một chàng trai được chỉ định trông coi việc bố thí của vị ấy.

[Aṅkura:]

295. Các bọn người kia vẫn nghĩ rằng:
"Aṅkura ngủ thật bình an",
Sindhaka hỡi, ta trằn trọc,
Vì chẳng thấy đâu bọn cái bang.

296. Chắc các người kia nghĩ đến mình:
"Aṅkura ngủ thật ngon lành."
Sindhaka hỡi, ta trằn trọc,
Vì chẳng thấy đâu đám lữ hành.

[Sindhaka:]

297. Nếu Sakka, chúa cõi Băm Ba,
Ban tặng cho ngài một ước mơ,
Ngài sẽ chọn gì trong thế giới,
Mong ngài bày tỏ, Aṅkura?

[Aṅkura:]

298. Nếu Sakka, chúa cõi Băm Ba,
Đem một điều mong ước tặng ta,
Ta sẽ cầu xin từ buổi sáng,
Khi vừa thức giấc sớm tinh mơ,
Món ăn thiên giới luôn đầy đủ,
Hành khất tín thành cũng hiện ra.

299. Mong ước khi ta đang phát ban,
Công năng bố thí chẳng tiêu tan,
Sau khi bố thí không ân hận,
Ta ước tâm ta được lạc an,
Trong lúc ta thi ân bố đức,
Ấy điều ta ước tự Thiên hoàng.

Như vậy, Aṅkura đã tuyên bố nguyện vọng của mình. Lúc ấy, tại nơi kia, một người đang ngồi mang tên Sonaka, có phẩm hạnh tốt. Người ấy muốn khuyên can vị này đừng bố thí quá nhiều, liền bảo:

300. Chớ nên cho tất cả gia tài,
Ngài phải hộ phòng sản nghiệp thôi,
Vì thế bạc vàng là chắc chắn,
Có giá trị hơn bố thí hoài,
Bố thí quá nhiều sinh kết quả,
Gia đình không thể sống lâu dài.

301. Bậc Hiền không chấp nhận xan tham,
Cũng chẳng tán đồng quá phát ban,
Vì thế ngài nhìn xem của cải,
Tốt hơn là bố thí tràn lan,
Người nào có quyết tâm chơn chánh,
Sẽ chọn đường trung đạo lạc an.

[Aṅkura:]

302. Ông nói điều này quả thật hay,
Phần ta muốn bố thí từ đây,
Và cầu mong những người lương thiện,
Mộ đạo mau chân đến chốn này,
Như đám mây tràn đầy vực thẳm,
Ta mong bồi dưỡng hạng ăn mày.

303. Nếu ta tâm trí được bình an,
Khi thấy bọn hành khất hỏi han,
Hoan hỷ vì thi ân bố đức,
Đấy là hạnh phúc giữa nhân gian.

304. Nếu trí tâm ta được lặng yên,
Khi nhìn hành khất đến cầu xin,
Hân hoan vì việc ban ân huệ,
Như vậy là thành tựu phước điền.

305. Trước khi bố thí phải hân hoan,
Tâm trí hân hoan lúc phát ban,
Hoan hỷ sau khi ta bố thí,
Thế là thành đạt phước nhân gian.

Chư vị kết tập Kinh tạng Pāli tiếp tục kể chuyện này:

306. Sáu mươi ngàn chẵn chuyến xe bò,
Thực phẩm hằng ngày được phát cho,
Các đám người trong nhà thí chủ,
Nguyện làm thiện sự Aṅkura.

307. Đầu bếp ba ngàn sống tại gia,
Của người thí chủ Aṅkura,

Điểm trang vàng ngọc hoa tai đủ,
Tận tụy nhiệt tâm phát tặng quà.

308. Thanh niên trai tráng sáu mươi ngàn,
Đeo đủ hoa tai với ngọc vàng,
Đang bổ củi trong nhà thí chủ,
Cử hành đại bố thí nhân gian.

309. Nữ nhi một vạn sáu như hoa,
Tô điểm đồ trang sức ngọc ngà,
Nhào bột thành bao hình bánh ngọt,
Cử hành đại bố thí toàn gia.

310. Mười sáu ngàn kìa đám nữ nhân,
Xiêm y đủ mọi vẻ thanh tân,
Tay cầm muỗng tại nhà gia chủ,
Phục vụ đại công đức phát phân.

311. Phát ban nhiều tới biết bao người,
Người quý cao thay cống hiến hoài,
Bố thí ân cần tay chỉ bảo,
Quan tâm chăm sóc mãi không thôi.

312. Nhiều tuần trăng, tháng tháng trôi qua,
Chẳng biết bao năm với bốn mùa,
Suốt một thời gian dài đăng đẵng,
Không ngừng bố thí, Aṅkura.

313. Aṅkura bố thí lâu dài,
Cống hiến phát ban suốt cả đời,
Đến lúc từ trần lìa bỏ xác,
Đi lên thiên giới, cõi Ba Mươi.

Khi vị ấy đã được tái sanh ở đó và đang hưởng thiên lạc, thì vào thời đức Thế Tôn Gotama, một thanh niên có tên Indaka đầy nhiệt tâm, cúng dường một phần thực phẩm lên Tôn giả Trưởng lão Anuruddha (A-na-luật-đà) trong lúc vị này đang đi khất thực.

Khi Indaka từ trần, và nhờ năng lực công đức đã trở thành phước điền, vị ấy tái sanh lên cõi Ba Mươi Ba. Vì thế chuyện kể tiếp:

314. Lấy cơm đầy muỗng, Indaka,
Dâng Trưởng lão A-na-luật-đà,
Khi xả báo thân phàm tục ấy,
Chàng lên cộng trú cõi Băm Ba.

315-16. Trong mười phương diện, Indaka,
Vượt trội Aṅkura thật xa:

Khả ái sắc, thanh, hương, vị, xúc,
Trường tồn thọ mạng, đẹp màu da,
Phước phần danh vọng và quyền lực,
Chàng đều vượt hẳn Aṅkura.

317. Ở trong thiên giới, cõi Băm Ba,
Bậc Tối Thượng Nhân, đức Phật-đà,
Đang ngự trên ngai hoàng bảo thạch,
Dưới chân của đại thọ san hô.

318. Khi chư thiên tụ tập mười phương,
Đảnh lễ đấng Toàn Giác Thế Tôn,
Vừa đến cõi thiên đang trú ngụ,
Ở trên thượng đỉnh của Cao sơn.

319. Không một thần tiên ở cõi trời,
Sánh bằng đức Phật vẻ hùng oai,
Vượt lên tất cả chư thiên ấy,
Duy nhất Thế Tôn chiếu rạng ngời.

320. Đồng thời có mặt Aṅkura,
Cách đó mười hai dặm phía xa,
Nhưng ở không xa đức Phật mấy,
Indaka vượt Aṅkura.

321. Khi đức Phật vừa chợt ngó qua,
Aṅkura với Indaka,
Muốn làm hai vị tăng công đức,
Đức Phật bèn cất tiếng nói ra:

322. "Lâu dài bố thí, Aṅkura,
Xưa phát phân nhiều để lợi tha,
Nay vẫn đang ngồi xa cách quá,
Đến nơi này ở phía gần Ta."

323. Được đấng Toàn Tri Kiến bảo ban,
Aṅkura vội nói lên rằng:
"Lợi gì bố thí thời xưa ấy,
Vì thiếu người tương xứng cúng dường?

324. Indaka hiện ở nơi đây,
Dù đã cúng dường ít ỏi thay,
Chàng vẫn sáng ngời hơn tất cả,
Như trăng vượt các đám sao dày."

Đức Phật liền dạy bảo:

325. Ví như trong đám ruộng khô cằn,
Hạt giống dù vô số được trồng,

Chúng vẫn không đem nhiều kết quả,
Và không làm đẹp ý nhà nông.

326. Cũng vậy đem nhiều của phát ban,
Cho người độc ác hoặc tà gian,
Sẽ không tạo quả lành phong phú,
Và chẳng làm vui kẻ cúng dường.

327. Nhưng khi ít hạt được gieo trồng,
Trong chỗ đất tươi tốt ruộng đồng,
Lại có nhiều mưa hòa gió thuận,
Được mùa, làm đẹp ý nhà nông.

328. Cũng vậy khi tôn kính Chánh nhân,
Những người đạo hạnh giữa nhân quần,
Thiện hành dù chỉ là nho nhỏ,
Cũng tạo công năng đại phước phần.

Chư vị kết tập kinh điển tiếp tục kể chuyện:

329. Vậy phải biết phân biệt cúng dường,
Đem về phước báu lớn vô lường,
Cúng dường có chú tâm suy xét,
Thí chủ lên thiên giới trú an.

330. Ta phải cúng dâng lễ tín thành,
Lên người xứng đáng giữa quần sanh,
Lễ dâng như vậy đem thành quả,
Phong phú như gieo hạt đất lành.

§22. CHUYỆN NGẠ QUỶ MẸ CỦA UTTARA
(*Uttaramātupetivatthu*) (*Pv.* 29; *PvA.* 140)

Sau khi bậc Đạo sư diệt độ, vào thời Đại hội kết tập kinh điển đầu tiên đang diễn tiến, Tôn giả Mahākaccāyana[10] (Đại Ca-chiên-diên) cùng mười hai Tỷ-kheo đang cư trú trong khu rừng nọ gần Kosambī (Kiều-thưởng-di).

Thời ấy Uttara, vị nam tử thừa kế của vị quốc sư triều Vua Udena, đang cùng những thợ mộc đi tìm gỗ để sửa nhà và được Trưởng lão này thuyết pháp. Về sau, Uttara thường cúng dường vị ấy thực phẩm và xây tặng vị ấy một thảo am. Song bà mẹ của Uttara căm hận những việc cúng dường ấy. Bà bảo:

– Ta mong bất cứ thức ăn uống nào con cúng các Sa-môn mà ta không đồng ý đều trở thành máu cho con uống ở đời sau.

Tuy thế, vào ngày cúng dường am thất, bà cho phép tặng một bó lông đuôi công. Khi từ trần, bà tái sanh làm nữ ngạ quỷ và do đã cúng dường một bó lông

[10] Còn được viết là Mahākaccāna.

đuôi công ấy, nữ ngạ quỷ có mái tóc đen thật dài, uốn lượn óng ả rất đẹp và dài tha thướt.

Bất cứ khi nào nữ ngạ quỷ bước xuống, tự nhủ: "Ta sẽ uống nước sông Hằng" thì dòng sông trở thành máu đỏ. Sau khi đã đi lang thang suốt năm mươi năm bị đói khát giày vò, ngày kia, nữ ngạ quỷ chợt thấy Trưởng lão Kaṅkhārevata ngồi nghỉ trưa bên bờ sông Hằng.

Cuộc đối thoại này tiếp theo sau hai vần kệ đầu của chư vị kết tập kinh điển:

331. Khi một Tỷ-kheo đến nghỉ trưa,
Và ngồi trên bến nước Hằng Hà,
Gần người nữ quỷ hình ghê rợn,
Dáng điệu rụt rè, tiến bước ra.

332. Mái tóc quỷ nương ấy thật dài,
Thả ra chấm đất được buông lơi,
Che thân bằng các chùm tóc ấy,
Nữ quỷ thưa Tôn giả chuyện đời.

[Nữ ngạ quỷ:]

333. Năm mươi năm đã giã từ trần,
Con chẳng biết gì thức uống ăn,
Tôn giả cho con xin chút nước,
Hiện con đang khát nước muôn phần.

[Tỷ-kheo:]

334. Đây dòng nước mát của sông Hằng,
Chảy xuống từ miền núi Tuyết sơn,
Hãy lấy nước kia và uống gấp,
Sao ngươi xin nước ở trên dòng?

[Nữ ngạ quỷ:]

335. Tôn giả, xin thưa nếu chính con,
Tự tay lấy nước ở dòng sông,
Nước liền thành máu và vì thế,
Con khẩn cầu Ngài chút nước trong.

[Tỷ-kheo:]

336. Ngày xưa đã phạm ác hạnh nào,
Do khẩu, ý, thân đã phạm vào,
Từ nghiệp quả gì tay ấy chạm,
Nước sông Hằng hóa máu vì sao?

[Nữ ngạ quỷ:]

337. Nam tử của con, Uttara,
Xưa vốn là cư sĩ tại gia,

Đem cúng các Sa-môn thực phẩm,
Con không muốn, mắng Uttara.

338. Nó đã đem dâng áo cà-sa,
Đồ dùng, vật thực và sàng tọa.
Lòng con bực bội, con phỉ báng,
Cũng bởi xan tham, con thốt ra:

339. "Những gì ngươi cúng đến Sa-môn,
Y áo, thức ăn và vật dụng,
Cả luôn sàng tọa, nơi ngơi nghỉ,
Tất cả ta đều không muốn dâng.

340. Uttara thứ ấy ta cầu,
Thành máu cho ngươi ở kiếp sau."
Do nghiệp quả này tay chạm phải,
Nước sông Hằng hóa máu từ lâu.

Khi ấy, Tôn giả Revata cúng dường nước lên Tăng chúng và hồi hướng công đức cho nữ ngạ quỷ. Sau đó, Tôn giả đi khất thực và khi đã nhận được thức ăn, Tôn giả cúng dường chư Tăng. Rồi Tôn giả lấy một ít giẻ rách từ đống rác, rửa sạch phơi khô xong, Tôn giả may thành y và cúng dường Tăng chúng.

Nhờ vậy, nữ ngạ quỷ thọ hưởng thiên lạc, liền trình với vị Trưởng lão sự việc cùng bày tỏ niềm hạnh phúc thần tiên mà nó đã đạt được.

§23. CHUYỆN NGẠ QUỶ CUỘN CHỈ (*Suttapetavatthu*) (*Pv.* 40)

Trong một làng kia gần Sāvatthi, bảy trăm năm trước khi bậc Đạo sư xuất hiện, có một nam tử phục vụ một vị Độc Giác Phật. Chàng trai ấy bị rắn cắn từ trần vào ngày cưới vợ. Trong khi phục vụ, chàng đã tạo nhiều phước nghiệp nhưng vì chàng luyến ái vị tân nương, nên chàng tái sanh làm một quỷ thần trong lâu đài có đầy đủ quyền lực và vinh quang.

Do ước muốn đưa tân nương về lâu đài của mình, khi thấy một vị Độc Giác Phật đang may áo, vị thần hiện hình người lại gần Độc Giác Phật và hỏi:

– Thưa Tôn giả, Ngài có cần chỉ không?

Vị ấy đáp:

– Này cư sĩ, ta đang bận may áo.

Vị thần chỉ tay về phía nhà cô dâu vừa góa bụa ấy và bảo:

– Tôn giả có thể xin chỉ ở nhà kia.

Vị ấy làm như vậy và được cô gái tặng một cuộn chỉ.

Còn vị thần vẫn mang hình người đến xin phép bà mẹ cô gái cho vị ấy ở lại vài ngày, rồi đổ đầy tiền vào các nồi niêu trong nhà ấy. Sau đó, vị ấy ra đi cùng

cô gái về lâu đài của mình. Bà mẹ đem nhiều tiền cho họ hàng và những lữ hành nghèo khổ. Khi từ trần bà dặn:

– Nếu con gái ta trở về, hãy chỉ cho nó số tiền này!

Bảy trăm năm sau, bậc Đạo sư giáng sanh ở đời và đến Sāvatthi. Thời ấy, nữ nhân kia vẫn còn sống với vị quỷ thần và xin vị ấy đưa nàng về nhà cũ, nàng bảo:

341. Thiếp đem dâng cúng thuở xưa xa,
Lên một Tỷ-kheo đã xuất gia,
Vừa bước đến gần xin ít chỉ,
Việc xưa đem kết quả nay là,
Phước phần thiếp hưởng luôn phong phú,
Vô số thiên y cứ hiện ra.

342. Muôn hoa bao phủ cả lâu đài,
Gia bộc nô tỳ đủ gái trai,
Tô điểm lâu đài trăm vẻ đẹp,
Thiếp nay tận hưởng thú vui chơi,
Và mang đủ loại thiên y báu,
Tài sản dồi dào chẳng thể vơi.

343. Phước báu này do một nghiệp xưa,
Hân hoan hạnh phúc hưởng bây giờ,
Khi nào thiếp trở về nhân thế,
Thiếp sẽ thực hành việc lợi tha.
Chàng hãy đưa đường xưa lối cũ,
Phu quân hỡi, thiếp muốn về nhà!

Khi nghe nàng nói, vị thần không muốn đi vì lòng thương xót người vợ yêu quý, vị ấy bảo:

344. Đã bảy trăm năm nàng đến đây,
Về kia già yếu khổ thân ngay,
Nay ta nói thật cho nàng biết:
"Tất cả họ hàng đã bỏ thây,
Nàng sẽ làm gì nơi chốn ấy,
Khi nàng đã giã biệt nơi này?"
Nàng ấy không tin lại nói nữa:

345. "Chỉ cách bảy năm thiếp đến đây,
Hưởng bao thiên lạc bấy lâu nay,
Khi nào thiếp trở về nhân thế,
Thiếp sẽ thực hành thiện sự ngay.
Chàng hãy đưa đường xưa lối cũ,
Phu quân hỡi, thiếp muốn chia tay!"

346. Thế rồi lập tức nắm tay chàng,
Thần dẫn nàng về chốn cố hương,
Nay hóa bà già đi khập khễnh,
Bảo bà: "Dặn với các thân nhân,
Đến nơi kia: Hãy làm điều thiện,
Hạnh phúc đời sau được hưởng phần."

Khi bà già ấy đến nơi cư trú của những người họ hàng, bà tự xưng danh cho họ biết. Rồi bà đem số tiền họ trả lại, bà đi cúng dường phẩm vật lên các Sa-môn, Bà-la-môn và khuyên bảo những người thường lui tới với bà:

347. Chính mắt ta trông thấy rõ ràng,
Các loài ngạ quỷ gặp đau buồn,
Bởi vì không biết làm điều thiện,
Cũng vậy loài người giữa thế gian.
Hành thiện tạo nên nhiều phúc lạc,
Thiên thần nhân loại mãi hân hoan.

§24. CHUYỆN NGẠ QUỶ Ở HỒ KAṆṆAMUṆḌA

(*Kaṇṇamuṇḍapetivatthu*) (*Pv.* 31; *PvA.* 150)

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc đang trú tại Sāvatthi.

Tương truyền rằng thuở xưa vào thời đức Phật Kassapa, ở xứ Kimbilā có một đệ tử tại gia đã thọ tam quy, cùng chung niềm tín ngưỡng với năm trăm cư sĩ khác chuyên tâm thực hành các thiện sự như trồng hoa viên, xây cầu cống, làm đường sá và các việc công ích khác.

Vị ấy đã xây một tinh xá cúng dường Giáo hội Tỷ-kheo và thỉnh thoảng cùng đến nơi ấy với các cư sĩ kia. Các bà vợ của hội chúng này cũng rất hòa hợp với nhau, thường cùng đi đến tinh xá cúng dường vòng hoa, hương liệu, dầu xoa và trên đường đi vẫn nghỉ ngơi tại các hoa viên và nhà trọ.

Rồi một ngày kia, một số kẻ bất lương đang tụ tập với nhau trong nhà trọ của một bà chủ kia, trông thấy nhan sắc diễm lệ của các nữ nhân khi họ đến nghỉ ngơi tại đó, liền đem lòng say mê.

Biết các nữ nhân này lương thiện, chúng bắt đầu bàn tán với nhau:

– Ai có khả năng thực hiện việc phá giới hạnh với một nữ nhân trong số này?

Lập tức một gã đáp:

– Tôi đây.

Bọn chúng liền bảo:

– Chúng ta hãy đánh cuộc với hắn một ngàn đồng tiền.

Chúng đánh cuộc như thế và thêm:

– Nếu bạn thành công, chúng tôi sẽ đưa cho bạn một ngàn đồng; nếu không thì bạn phải đưa số ấy cho bọn ta.

Vì ước mong thắng cuộc và sợ mất tiền, gã bày đủ mưu kế trong lúc các nữ nhân nghỉ chân tại đó. Vừa chơi đàn thất huyền cầm du dương vừa hát tình ca êm ái, gã dụ dỗ được một nàng trong số ấy phá giới hạnh, khiến bọn bất lương kia phải mất một ngàn đồng tiền. Bị gã này đánh bại, bọn chúng bèn đem chuyện ấy kể cho chồng nàng nghe. Vị này không tin, nhưng cũng hỏi nàng:

– Nàng có phải là hạng người như các kẻ kia vừa nói chăng?

Nàng phủ nhận ngay:

– Thiếp không biết những chuyện như vậy.

Vì chàng không tin nàng, nàng liền chỉ con chó đang đứng gần đó và thề độc:

– Nếu thiếp làm ác hạnh như vậy thì mong con chó đen tai cụt này xé xác thiếp ra khi thiếp tái sanh kiếp sau.

Ngoài ra, khi các nữ nhân biết rõ nàng đã phá giới hạnh, được chất vấn:

– Nữ nhân này đã phạm tà hạnh kia hay là không phạm?

Họ cũng thề dối trá:

– Nếu chúng tôi biết thì mong chúng tôi trở thành nô tỳ của bà ấy ở kiếp tái sanh.

Về sau, người gian phụ kia bị hối hận vì tội lỗi cũ giày vò nên héo mòn dần và qua đời. Nàng được tái sanh làm một nữ quỷ trong một lâu đài bên bờ hồ Kaṇṇamuṇḍa (Tai Cụt), là một trong bảy hồ lớn ở vùng Himalaya (Tuyết sơn), chúa tể của núi đồi.

Hơn nữa, chung quanh mọi phía của lâu đài xuất hiện một hồ sen để vui chơi thỏa thích. Khi các nữ nhân kia từ trần, do hậu quả lời thề dối trá mà họ đã nói ra, họ liền trở thành bầy nô tỳ của nàng.

Trong lâu đài ấy, nhờ các thiện nghiệp nàng đã thực hiện trong kiếp trước, nàng hưởng thọ lạc thú thần tiên suốt ngày, nhưng đến nửa đêm, do động lực của ác hạnh xưa thúc giục, nàng thức dậy từ tọa sàng và đi đến hồ sen, rồi bị một con chó ngao cắn xé tan thân tại chỗ.

Ngay sau đó, nàng lập tức biến hình trở lại với dung sắc kiều diễm như cũ và bước lên lâu đài của nàng, nằm xuống tọa sàng.

Tuy nhiên, những nô tỳ kia lại phải chịu vất vả nhọc nhằn hầu hạ nàng liên tục ngày đêm. Cứ thế năm trăm năm trôi qua, và bởi vì bọn nữ quỷ nhân hưởng lạc thú thần tiên mà thiếu vắng các đức lang quân, nên chúng bắt đầu mong nhớ họ.

Bấy giờ, tại nơi ấy có một con sông phát xuất từ hồ Kaṇṇamuṇḍa và do một kẽ nứt trong núi đã chảy xuống tận sông Hằng. Gần con sông ấy có một vườn xoài sanh trái tiên, cùng với các loại cây mít và nhiều cây khác. Do vậy, bọn chúng suy nghĩ: "Bây giờ đây, chúng ta sẽ ném các trái xoài này vào dòng

sông; như thế khi đã thấy các trái cây trôi bồng bềnh xuống dưới nước, một số nam nhân có thể đến đây để tìm xoài. Sau đó chúng ta sẽ hưởng lạc thú với họ."

Bọn chúng đều làm như vậy. Bấy giờ khi các trái xoài bị thả trôi dạt, những đạo sĩ khổ hạnh lượm được một ít, các sơn nhân tiều phu tìm được số khác, còn một số nữa tấp vào bờ. Tuy thế, có một quả xoài trôi vào dòng sông Hằng và theo thời gian đến tận Ba-la-nại.

Thuở ấy, vua xứ Ba-la-nại đang tắm trên sông Hằng và được một tấm lưới đồng bao bọc. Thế rồi trái xoài kia đã được dòng nước cuốn đi theo hướng ấy và mắc vào lưới đồng.

Khi các cận vệ của vua nhìn thấy trái xoài tiên to lớn tuyệt hảo về màu sắc lẫn hương vị, họ liền đem dâng vua. Để thử xoài, nhà vua cắt một lát và đưa cho một tên cướp khét tiếng đã bị giam vào ngục. Khi ăn xong, tên cướp trình:

– Tâu Đại vương, tiểu tử chưa bao giờ ăn được thứ xoài như vậy. Có lẽ đây là xoài tiên.

Nhà vua cho gã một lát nữa. Sau khi ăn xong, làn da nhăn nheo và râu tóc hoa râm của gã biến mất; gã trở thành một chàng trai tuấn tú và có thể nói gã đã hồi xuân. Khi thấy vậy, nhà vua tràn đầy kinh ngạc, ăn ngay trái xoài và cũng nhận được sự kỳ diệu hy hữu trong cơ thể. Nhà vua liền hỏi:

– Các trái xoài này kiếm được ở đâu?

Những người cận thần đáp:

– Tâu Hoàng thượng, chúng thần nghe nói ở vùng Tuyết sơn, chúa tể của núi đồi.

– Vậy có thể tìm ra chúng chăng?

– Tâu Hoàng thượng, đám thợ rừng có thể biết việc ấy.

Nhà vua truyền đưa đám thợ rừng vào, ban một ngàn đồng tiền cho một người thợ nghèo và bảo gã ra đi:

– Này, hãy đi mang xoài tiên về cho trẫm ngay!

Kẻ ấy đi lên thượng lưu sông Hằng, đến tận hồ Kaṇṇamuṇḍa. Khi gã đã đi quá xa con đường của mọi người, gã gặp liên tiếp ba vị ẩn sĩ khổ hạnh chỉ đường, vị thứ ba khuyên gã:

– Hãy rời bỏ sông Hằng lớn này, đi theo dòng sông nhỏ kia và cứ lên mãi cho đến khi chú thấy một kẽ nứt trong núi đá. Rồi chú phải vào sâu trong đó ban đêm với ngọn đèn. Vì con sông này không chảy ban đêm, nên chú có thể du hành cách ấy.

Gã làm theo lời dặn, và vào lúc rạng đông, gã đến một vùng có chính vườn xoài tuyệt diệu ấy. Khu rừng vang dội tiếng hót du dương của nhiều đàn chim đủ loại và được tô điểm thêm vẻ đẹp bằng những khóm cây xanh sum suê, vươn

những cành lá trĩu xuống dưới sức nặng của các chùm trái. Cả vùng rực rỡ trong làn ánh sáng tỏa ra từ vô số châu ngọc.[11]

Thế rồi, khi các nữ nhân vắng chồng đã lâu, nay thấy gã đi đến từ xa, vội chạy tới bảo nhau:

– Người này thuộc về ta! Người này thuộc về ta!

Thuở ấy, gã chưa từng làm các thiện nghiệp xứng đáng hưởng thọ lạc thú thần tiên với hội chúng này trong tiên cảnh. Vì thế chỉ thoạt trông thấy chúng, gã đã kinh hoàng vừa chạy vừa thét lớn. Khi về tới Ba-la-nại, gã trình nhà vua mọi sự đã xảy ra.

Khi nghe việc này, trong tâm nhà vua khởi lên một ước muốn gặp các nữ quỷ thần kia và hưởng thú ăn xoài tiên. Vì thế, nhà vua liền giao quốc độ cho các vị cận thần và lấy cớ đi săn, nhà vua đem cung tên và kiếm, cùng vài thị vệ khởi hành về vùng ấy như lời người thợ rừng dặn.

Sau khi đi được vài do-tuần, nhà vua giã từ đám cận vệ và tiếp tục đi với người thợ rừng. Sau một khoảng đường nữa, nhà vua lại bảo gã trở về. Vào lúc rạng đông, nhà vua đã đến vườn xoài trong tiên cảnh.

Thuở ấy, khi các nữ quỷ thần thấy nhà vua hồi xuân như một tiên đồng giáng thế, liền ra nghênh tiếp và khi biết ngài là một quân vương, chúng liền đưa vào lâu đài, dâng các thứ tiên thực và phục vụ ngài như ý.

Thế rồi, sau một trăm năm mươi năm trôi qua, một hôm nhà vua thức dậy nửa đêm và thấy nữ quỷ đã phạm giới kia đi ra phía bờ hồ sen. Động lòng hiếu kỳ, ngài đi theo nữ quỷ. Sau đó ngài thấy nữ quỷ bị một con chó lớn vồ xé xác ngay khi vừa mới tới nơi. Suốt ba ngày liền ngài suy xét, không làm sao có thể hiểu được ý nghĩa việc này. Hôm sau, ngài cầm mũi tên nhọn bắn con chó kia bỏ mạng và vừa khi nữ quỷ đã nhảy vào hồ sen, lập tức ngài thấy nàng xuất hiện với dung sắc phục hồi như trước.

Ngài liền ngâm kệ hỏi nàng những sự việc đã xảy ra:

348. Đây vàng ròng đúc các cầu thang,
Nằm dựa lên trên dải cát vàng,
Diễm lệ ngát hương hoa súng trắng,
Gây niềm lạc thú tận tâm can.

349. Bao cây làm thảm phủ trên hồ,
Theo gió đủ mùi hương thoảng đưa,
Hồ mọc tràn đầy sen đỏ thắm,
Điểm tô sen trắng nõn cành tơ.

350. Lay động theo làn gió nhẹ nhàng,
Mặt hồ kỳ thú tỏa hương lan,

[11] Xem *PvA*. 256.

Âm vang với tiếng thiên nga, hạc,
Văng vẳng hồng nga hót gọi đàn.

351. Đây các bầy chim đủ mọi loài,
Ngân nga bao tiếng hót êm tai,
Cây trồng sanh quả tiên phong phú,
Rừng mọc kỳ hoa ở khắp nơi.

352-53. Thành phố như đây thật tuyệt vời,
Khó tìm thấy ở cõi người đời.
Nàng nhiều cung điện bằng vàng bạc,
Lấp lánh bốn phương chiếu sáng ngời.
Lại có năm trăm tỳ nữ ấy,
Sẵn sàng phục vụ lệnh nàng thôi.

354. Bọn chúng mang vòng ốc, vỏ trai,
Điểm trang y phục dệt vàng tươi,
Nàng nhiều sàng tọa bằng vàng bạc,
Được trải da dê quý phía ngoài.

355. Tất cả đều chu đáo sẵn sàng,
Bên trong được phủ với chăn màn,
Dệt bằng lông thú khi nằm xuống,
Nàng thọ hưởng bao nỗi lạc hoan.

356. Tuy nhiên, khi đến nửa đêm khuya,
Nàng thức dậy và cất bước ra,
Đi tới hoa viên đầy lạc thú,
Bao quanh hồ nước phủ liên hoa.

357. Bên bờ nàng đứng lại soi mình,
Tiên nữ ở trên thảm cỏ xanh,
Bỗng một chó ngao tai cắt cụt,
Vồ nàng xé xác đến tan tành.
Khi nàng đã bị nát toàn thân,
Và đã biến thành một bộ xương,
Nàng vội nhảy vào hồ nước biếc,
Hình hài trở lại đẹp muôn phần.

358. Thân thể nàng nay đã vẹn toàn,
Cực kỳ diễm lệ đóa hồng nhan,
Điểm trang đủ thứ thiên y đẹp,
Nàng đến cho ta diện kiến nàng.

359. Ngày xưa nàng phạm ác hạnh nào,
Do khẩu, ý, thân đã phạm vào,

Con chó cụt tai nay xé xác,
Bởi vì quả báo tội gì sao?

Khi được nhà vua hỏi như vậy, nữ quỷ liền kể chuyện đời này:

360. Ngày xưa ở xứ Kimbilā,
Có một nam cư sĩ tại gia,
Đệ tử với tâm thành mộ đạo,
Thiếp là ác phụ nghiệp gian tà.

361. Bởi vì thiếp phạm tội dâm loàn,
Chồng của thiếp lên tiếng hỏi han:
"Nàng đã tạo ra điều bất xứng,
Là không tiết hạnh với chồng nàng?"

362. Thế rồi thiếp phải nói lời thề,
Giả dối tràn đầy khủng khiếp kia:
"Thiếp chẳng dám lừa chàng việc ấy,
Dù thân hay ý cũng chưa hề.

363. Song nếu thiếp vi phạm việc này,
Dù thân hay ý bấy lâu rày,
Thì mong con chó ngao tai cụt,
Cắn xé thiếp tan nát cả thây."

364. Thiếp từng chịu đựng bảy trăm năm,
Quả báo do tà hạnh, dối gian,
Từ ấy, chó ngao tai cắt cụt,
Xé thân từng mảnh thật kinh hoàng.

Nàng nói như vậy xong rồi lại ngâm hai vần kệ ca ngợi đặc ân mà nhà vua đã ban cho nàng:

365. Quân vương thần lực thật cao cường,
Ngài đã đến đây cứu quỷ nương,
Được thoát chó ngao tai cụt ấy,
Thiếp không còn sợ hãi đau buồn.

366. Quân vương thiếp kính cẩn tôn sùng,
Đảnh lễ cầu xin đấng chúa công,
Hãy thọ hưởng thần tiên lạc thú,
Quân vương và thiếp hãy vui chung.

Ngay lúc ấy, bỗng nhiên nhà vua cảm thấy chán sống ở cảnh tiên kia, liền nói ý định giã từ cho nàng biết và ngâm vần kệ cuối cùng:

367. Ta đã hưởng bao thú cõi tiên,
Cùng nàng hoan lạc thật vô biên,

Giờ đây tiên nữ ta mong ước,
Mau hãy đem ta trở lại liền.

Khi đã nghe lời của nhà vua, nữ quỷ thần ở lâu đài ấy không chịu nổi sự biệt ly. Lòng nàng rối bời vì đau khổ ưu phiền và toàn thân nàng run lên xúc động. Song dù nàng đã dùng đủ cách khẩn cầu nhà vua, nàng cũng không thể thuyết phục ngài ở lại được nữa.

Nàng đành đưa ngài về kinh đô cùng nhiều châu báu và rước ngài vào cung điện. Sau đó, nàng than khóc bi thảm và trở về trú xứ của nàng ngay. Khi nhà vua thấy vậy, lòng ngài xúc động vô cùng. Từ đó về sau, ngài thực hành nhiều thiện sự như bố thí cùng các phương tiện khác và được sanh lên cõi thiên.

Thế rồi, khi đức Thế Tôn Gotama giáng sanh ở cõi đời, và theo thời gian đã đến cư trú tại thành Sāvatthi. Một hôm, Tôn giả Mahāmoggallāna du hành vào vùng núi này, trông thấy nữ thần cùng đoàn tùy tùng của nàng, bèn hỏi về hạnh nghiệp mà nàng đã tạo trước kia. Nàng kể với Tôn giả mọi sự và Tôn giả trình bày câu chuyện ấy lên đức Thế Tôn.

§25. CHUYỆN NGẠ QUỶ HOÀNG HẬU UBBARĪ

(*Ubbaripetavatthu*)[12] (*Pv.* 32; *PvA.* 160)

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc đang trú tại Jetavana.

Ở Sāvatthi, người chồng của một nữ đệ tử tại gia vừa từ trần. Nàng ưu phiền đi đến nghĩa địa khóc than. Khi đức Thế Tôn nhận thấy nàng đã đạt thành các đức tính đưa đến quả Dự lưu, Ngài động lòng bi mẫn, đi đến nhà nàng và hỏi tại sao nàng khóc. Nàng đáp:

– Bạch đức Thế Tôn, quả con đang đau buồn vì xa cách một người thân của con.

Sau đó, đức Thế Tôn kể một chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, trong quốc độ Pañcāla, ở thành Kapila, có một vị vua mệnh danh Cūḷanī Brahmadatta, chuyên tâm làm phước nghiệp sự lợi ích cho thần dân và không hề phạm thập vương pháp.

Một hôm, mong muốn nghe thần dân bàn tán việc gì trong xứ sở của mình, ngài bèn cải trang làm một thợ may và rời kinh thành mà không có ai hầu cận. Trong lúc ngài du hành từ làng này sang làng khác, quận này sang quận khác, ngài nhận thấy toàn quốc không có trộm cướp và bất công đàn áp, dân chúng sống thân thiện với nhau và có thể là an trú trong mọi nhà cửa mở toang.

Lòng vui mừng hớn hở, ngài khởi hành quay về kinh và đi đến một thị trấn nọ, ngài vào nhà một góa phụ nghèo khó. Khi thấy ngài, bà ấy hỏi:

---

[12] Xem *J.* III. 156, *Sujātajātaka* (*Chuyện chàng Sujāta*), số §352.

– Này, tôn ông là ai? Tôn ông từ đâu đến đây?

Ngài đáp:

– Này hiền phụ, ta là một thợ may; ta đang đi quanh quẩn may thuê vá mướn để kiếm tiền. Nếu bà có vật gì cần may, bà hãy đưa cho ta, cả quần áo lẫn khăn đội đầu, ta sẽ may cho bà!

Bà liền nói:

– Chúng tôi không có việc gì cần làm về quần áo hoặc khăn đội đầu cả. Ông đi làm cho các người khác nhé!

Trong khi ngài ở vùng đó vài ngày, ngài thấy con gái bà có đủ tướng mạo tốt lành của phúc phận và đức hạnh, ngày sau ngài liền bảo bà mẹ:

– Nếu con gái bà chưa gả cho ai, thì xin bà hãy gả cho tôi, tôi có đủ khả năng tìm kế sinh nhai để mẹ con bà no ấm!

Bà ấy gả con gái cho ngài. Sau khi đã ở lại với nàng vài ngày, ngài đưa cho nàng một ngàn đồng tiền vàng *kahāpaṇa* và nói:

– Ta sẽ trở lại trong vòng vài ngày thôi. Hiền thê chớ lo buồn gì cả!

Ngay sau đó, ngài trở về kinh thành. Khi đã truyền lệnh đắp đường thật bằng phẳng giữa kinh đô và làng ấy cùng trang hoàng mọi sự xong xuôi, ngài đi đến nơi kia trong cảnh huy hoàng rực rỡ. Sau khi đã chất một đống tiền vàng lớn trên thân cô thiếu nữ và truyền đem nàng đi tắm rửa trong các chậu bằng vàng bạc, ngài đặt tên nàng là Ubbarī và phong nàng ngôi hoàng hậu.

Ngài ban cho quyến thuộc nàng ngôi làng ấy và sau đó đưa nàng về kinh trong cảnh oai nghi lộng lẫy. Ngài sống đời hạnh phúc với nàng, trị nước phồn vinh và sau đó băng hà.

Nỗi ưu phiền của Ubbarī được các vị kết tập kinh điển kể lại như vầy:

368. Brahmadatta Đại đế ngày xưa,
Chúa tể của dòng Pañcāla,
Sau khoảng ngày đêm cai trị nước,
Mạng chung Đại đế đã băng hà.

369. Hoàng hậu Ubbarī khóc hoài,
Lên đàn tế lễ hỏa thiêu ngài,
Dù không còn thấy hình tiên đế,
Bà vẫn gào: "Brahmadatta ôi!"

370. Đến nơi kia một vị Hiền nhân,
Bậc Thánh đầy đức hạnh chánh chơn,
Vào dịp lễ tang Ngài muốn hỏi,
Những người đang tụ tập quây quần:

371. "Giàn hỏa táng ai chết thế này?
Các vòng hoa tỏa ngát hương bay,

Vợ ai đang khóc chồng nàng vậy?
Người ấy là ai quá vãng đây?
Dù chẳng thấy đâu người đã khuất,
Nàng gào: 'Brahmadatta thương thay!'"

372. Những người đang ở đó thưa liền:
"Hoàng hậu là đây chính vợ hiền,
Cầu phúc phần ngài, thưa Thánh giả
Cầu Vua Brahmadatta thăng thiên."

373. Đây là giàn hỏa táng thi hài,
Tỏa ngát hương bay khắp mọi nơi,
Hoàng hậu là đây đang khóc lóc,
Tiên vương vừa khuất bóng trên đời,
Dù không còn thấy ngài đâu nữa,
Bà khóc: "Brahmadatta hỡi ôi!"

Vị khổ hạnh liền bảo Hoàng hậu Ubbarī:

374. Tám vạn sáu ngàn người bấy lâu,
Tên Brahmadatta cũng như nhau,
Được thiêu trong nghĩa trang này vậy,
Vì kẻ nào nàng phải khổ đau?

[Ubbarī:]

375. Tôn giả, con thương tiếc chúa công,
Cūḷanī đế chính con dòng,
Làm vua bộ tộc Pañcāla ấy,
Người đã ban con mọi ước mong.

[Vị khổ hạnh:]

376. Tất cả những ai được gọi là,
Brahmadatta cũng đã làm vua,
Đều là con của Cūḷanī đế,
Chúa tể của dòng Pañcāla.

377. Sanh tử dòng kia cứ chuyển vần,
Nàng làm hoàng hậu đã bao lần,
Sao nàng quên lãng bao chồng cũ,
Và chỉ tiếc thương vị cuối cùng?

[Ubbarī:]

378. Chính vì con có phận hồng nhan,
Tôn giả từ xưa vậy phải chăng,
Mọi việc theo dòng đời tiếp diễn,
Mà ngài cất tiếng để khuyên răn?

[Vị khổ hạnh:]

379. Nàng đã từng làm một nữ nhân,
Nam nhi, thú vật, biết bao lần,
Điều này chẳng thấy đâu biên giới,
Với việc tái sanh ở cõi trần.

[Ubbarī:]

380. Lòng con quả thật nóng bừng,
Như là sữa lạc đổ trong lửa đào,
Ngài vừa tưới nước lạnh vào,
Giờ đây con dứt biết bao khổ sầu.

381. Chính ngài nhổ mũi tên đau,
Nỗi ưu phiền đã cắm sâu vào lòng,
Xua tan mọi nỗi thương tâm,
Sầu tư nặng trĩu khóc thầm quân vương.

382. Giờ đây trút bỏ đau buồn,
Lòng con lắng dịu trí thường bình an,
Con không còn phải khóc than,
Sau khi nghe những lời vàng ngài răn.

Để phát họa sự chứng đắc của Ubbarī, bậc Đạo sư ngâm bốn vần kệ:

383. Khi nàng nghe được các lời ca,
Đáng cảm phục từ bậc xuất gia,
Nàng đắp chiếc y, cầm lấy bát,
Ra đi theo cuộc sống không nhà.

384. Khi giã từ nhà cất bước lên,
Đi vào cuộc sống giữa thiên nhiên,
Nàng liền tu tập tâm từ ái,
Để được tái sanh cõi Phạm thiên.

385. Nàng đã viễn du mọi xóm làng,
Kinh thành, thị trấn, các hoàng cung,
Uruvelā ấy là tên gọi,
Thôn xóm nàng thân hoại mạng chung.

386. Khi nàng đã phát triển từ tâm,
Để được tái sanh ở Phạm cung,
Nàng đã đoạn trừ tâm nữ giới,
Trở thành một vị Phạm thiên thần.

III. PHẨM NHỎ
(*CŪḶAVAGGA*)

§26. CHUYỆN NGẠ QUỶ KHÔNG CHÌM TRONG NƯỚC
(*Abhijjamānapetavatthu*) (*Pv.* 33; *PvA.* 168)

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc đang trú tại Veḷuvana (Trúc Lâm).

Về phía Tây Benares (Ba-la-nại), bên kia sông Hằng, khi Ngài đi qua thị trấn Vāsabha, trong thôn làng tên gọi Cundaṭṭhīla, có một người thợ săn. Y giết hươu nai trong rừng, nấu loại thịt ngon nhất trên than hồng và khi ăn xong, y buộc những thứ còn lại trong cái thúng bằng lá, mang trên đòn gánh đi vào làng.

Khi đám trẻ con thấy y ở cổng thị trấn, chúng chìa tay ra chạy tới xin:

– Cho tôi miếng thịt! Cho tôi miếng thịt!

Vì thế, y cho mỗi đứa trẻ một miếng thịt nhỏ. Một hôm, y chỉ mang hoa và cho mỗi đứa một chùm. Khi từ trần, y tái sanh làm ngạ quỷ. Vừa đói vừa khát, y bước đi trên sông Hằng mà không bị chìm, mong tìm về làng quê cùng bà con thân thuộc.

Vị đại thần của Vua Bimbisāra (Tần-bà-sa-la) sau khi đi dẹp quân phiến loạn xong, trở về bằng thuyền, xuống dòng sông, trông thấy ngạ quỷ kia đang đi xuôi dòng, bèn hỏi:

387. Ngươi chẳng bị chìm xuống nước sông,
Ngươi đi trên mặt nước sông Hằng,
Thân mình trần trụi và tuy thế,
Ngươi đội vòng hoa khéo điểm trang,
Như thể thoát ly thân phận quỷ,
Ngươi đi đâu đó, ở đâu chăng?

Bấy giờ, những chuyện do ngạ quỷ và đại thần Koliya nói, được các vị kết tập kinh điển kể lại qua các vần kệ sau:

388. Ngạ quỷ đáp lời: "Tôi sẽ đi,
Về thôn làng cũ Cundaṭṭhīla,
Giữa nơi đây với Vāsabha phố,
Kế cận Ba-la-nại sá gì!"

389. Khi ấy đại thần nổi tiếng kia,
Người mang danh hiệu Koliya,

Đem cho ngạ quỷ phần cơm chín,
Một bộ áo và bánh mạch nha.

390. Ngừng chiếc thuyền kia vị đại thần,
Bảo tìm người hớt tóc cúng dâng,
Khi người hớt tóc dùng đồ cúng,
Ngạ quỷ hưởng ngay quả phước ân.

391. Tức thì quỷ phục sức cao sang,
Mang đủ vòng hoa khéo điểm trang,
Ngạ quỷ đứng nơi kia hưởng thọ,
Lễ dâng cúng tạo phước ân tràn,
Vì duyên cớ ấy ta nên cúng,
Cho ngạ quỷ vì biết xót thương.

Như vậy, vị đại thần Koliya cảm thấy xót thương ngạ quỷ ấy và làm lễ bố thí cho nó theo cách được nói trên. Vị ấy tiếp tục xuôi dòng và đến Ba-la-nại lúc rạng đông.

Đức Thế Tôn du hành qua không gian để đón mừng hội chúng và đứng trên bờ. Đại thần Koliya vô cùng hoan hỷ, thỉnh cầu đức Thế Tôn thọ trai tại nhà vị ấy. Đức Thế Tôn im lặng nhận lời.

Với tâm thanh thản, đại thần Koliya cúng dường thực phẩm lên đức Phật và chúng Tăng. Sau đó, khi một số đông dân chúng tụ họp lại, đức Thế Tôn vì lòng lân mẫn với chúng sanh, đã làm phép màu khiến cho một số ngạ quỷ xuất hiện trước quần chúng và kể chuyện chúng đã đọa lạc như vậy bằng cách nào.

Chư vị kết tập kinh điển diễn tả như sau:

392. Một bọn mang đầy giẻ rách bung,
Bọn kia lấy tóc để che thân,
Cả bầy ngạ quỷ tìm lương thực,
Lang bạt đi quanh quẩn khắp vùng.

393. Ra đi tìm kiếm xứ xa xôi,
Song chẳng nhận đâu được miếng mồi,
Đói khát trở về nằm bất tỉnh,
Ngã nhào xuống đất trốn đi thôi.

394. Một bọn ngã nằm xuống đất dơ,
Chúng không làm thiện nghiệp ngày xưa,
Chúng trông như thể đang thiêu đốt,
Vì lửa hạ và cất tiếng thưa:

395-96. "Xưa là ác phụ mẫu trong nhà,
Chẳng tạo nơi an trú chúng ta,
Qua các việc thi ân bố đức,
Dù nhiều thực phẩm được quăng xa,

Chúng ta đã chẳng đem phân phát,
Cho những đoàn du sĩ xuất gia.

397. Trong lúc muốn làm việc ác gian,
Biếng lười, bướng bỉnh lại tham ăn,
Chúng ta cho chút phần thừa thãi,
Và phỉ báng người được phát ban.

398. Nô tỳ và sản nghiệp toàn gia,
Ngay cả đồ trang sức ngọc ngà,
Giờ đây phục vụ bao người khác,
Đau buồn dành lại số phần ta.

399. Những người đan giỏ đáng chê bai,
Những kẻ đóng xe bị đọa đày,
Những bọn tắm thuê cho kẻ khác,
Chiên-đà hạ đẳng, đám ăn mày.

400-01. Trong nhà hạ liệt, bọn cùng đinh,
Như vậy bọn này được tái sanh,
Ấy phận dành cho người biển lận.
Còn người xưa tạo nghiệp an lành,
Là người bố thí, tay hào phóng,
Chiếu sáng vườn Thiên Lạc hiển vinh.

402. Hưởng thọ bao hoan lạc cõi trời,
Họ làm chúa tể các lâu đài,
Từ đây họ tái sanh cao quý,
Giữa các phú gia ở cõi người.

403. Trong nhà nóc nhọn có nhiều tầng,
Ngay cả hoàng cung với tọa sàng,
Bao phủ chăn màn lông thú quý,
Những người đã nhiếp phục điều thân,
Tái sanh vào các nhà lương thiện,
Đầy đủ tiện nghi giữa thế nhân,
Tay của mỗi người cầm chiếc quạt,
Được làm bằng các sợi lông công.

404. Bất cứ nơi nào họ bước ra,
Họ đều điểm ngọc với cài hoa,
Gia nhân hộ tống ngay bên cạnh,
Tìm đủ thú vui sáng tối mà.

405. Nandana, Hỷ Lạc viên này,
Không phải để dành cho những ai,

Chẳng tạo tác nên nhiều phước nghiệp,
Mà dành riêng biệt để cho người,
Đã hoàn thành được nhiều công đức,
Là đại lâm viên của cõi trời,
Tam Thập Tam thiên đầy lạc thú,
Không gì phiền não, mãi vui tươi.

406. Chẳng đời này hoặc cõi đời sau,
Hạnh phúc dành cho những kẻ nào,
Không tạo tác nên nhiều phước nghiệp,
Song đời này lẫn cõi đời sau,
Để dành hạnh phúc cho bao kẻ,
Làm các thiện hành phước nghiệp cao.

407. Vậy những ai mong chúng bạn hiền,
Phải hoàn thành thiện nghiệp tinh chuyên,
Bởi vì người tạo nhiều công đức,
Hưởng lạc thú nhiều ở cõi thiên."

§27. CHUYỆN NGẠ QUỶ Ở NÚI SĀṆAVĀSĪ

(*Sāṇavāsītherapetavatthu*) (*Pv.* 35; *PvA.* 177)

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc đang trú tại Veḷuvana (Trúc Lâm).

Ngày xưa, ở thành Ba-la-nại, vương tử của Vua Kitava trong lúc dạo chơi từ ngự uyển về, thấy một vị Độc Giác Phật tên là Sunetta đang đi khất thực, bèn buông lời thô lỗ phỉ báng Ngài. Ngay khi vương tử tiến bước lên thì cảm thấy cơ thể nóng bừng như thiêu đốt trong lửa địa ngục.

Vì bệnh này, vị ấy từ trần và tái sanh vào địa ngục Avīci (A-tỳ hay Vô Gián). Sau đó, vị ấy mạng chung và tái sanh làm ngạ quỷ, và kế tiếp trong thời kỳ có đức Thế Tôn Gotama xuất hiện, vị ấy tái sanh vào một làng chài lưới gần thị trấn Kuṇḍi.

Vì nhớ lại các kiếp trước, vị ấy không đi đánh cá cùng các người khác và thường thả cá trở ra biển khi họ mang về. Quyến thuộc trong gia đình đuổi vị ấy ra khỏi nhà, nhưng một người em trai vẫn thương mến vị ấy.

Rồi Trưởng lão Ānanda khuyến giáo vị ấy xuất gia làm Tỷ-kheo; về sau đắc quả A-la-hán, vị ấy cư trú cùng nhóm mười hai Tỷ-kheo trên núi Sānuvāsī.

Còn quyến thuộc vị ấy tái sanh làm ngạ quỷ. Bấy giờ, cha mẹ vị ấy hổ thẹn vì suy nghĩ: "Kiếp trước ta đã đuổi con ra khỏi nhà", nên không đến gần vị ấy, nhưng bảo người em trai xưa kia thương yêu vị ấy đi.

Khi quỷ nhân này đã vào làng của vị Trưởng lão đang đi khất thực, nó quỳ xuống đất với đầu gối bên phải, xuất hiện nguyên hình với dáng điệu đảnh lễ tôn kính và ngâm vần kệ:

– Kính thưa Tôn giả, mẹ và cha...

Song năm vần kệ đầu do chư vị kết tập kinh điển đưa vào đây để làm sáng tỏ vấn đề này:

408. Có vị Trưởng lão ở Kuṇḍi,
Trú tại núi Sāṇavāsī,
Điều phục các căn, người khổ hạnh,
Poṭṭhapāda ấy chính danh kia.

409. Em trai cùng với mẹ và cha,
Khốn khổ thần dân cõi Dạ-ma,
Vì tạo ác hạnh trong kiếp trước,
Từ đời này đã hóa ra ma.

410. Ở nơi đọa xứ ốm trơ xương,
Như chiếc kim, lao nhọc, trần truồng,
Hốc hác lo âu đầy sợ hãi,
Chúng không còn có vẻ hung tàn.

411. Có chú em kia vội bước chân,
Cô thân trên nẻo vắng mình trần,
Quỳ tay chân xuống như thùng nước,
Trước Trưởng lão này, quỷ hiện thân.

412. Bấy giờ Trưởng lão chẳng quan tâm,
Lặng lẽ người đi cất bước chân,
Song ngạ quỷ liền cho Trưởng lão,
Biết ngay sự việc vội thưa rằng:
"Tôi là em của Ngài tiền kiếp,
Đã đọa vào loài quỷ đói ăn.

413. Kính thưa Tôn giả, mẹ cùng cha,
Khốn khổ thần dân cõi Dạ-ma.
Vì tạo ác hạnh trong kiếp trước,
Từ đời này đã hóa ra ma.

414. Ở nơi đọa xứ ốm trơ xương,
Như chiếc kim, lao nhọc, trần truồng,
Hốc hác lo âu đầy sợ hãi,
Chúng không còn có vẻ hung tàn.

415. Xin hãy từ bi, hãy xót thương,
Cúng dường hồi hướng đến vong nhân.
Phước phần nhờ lễ Ngài dâng cúng,
Những kẻ hung tàn được miếng ăn."

416. Khi Trưởng lão này với chúng Tăng,
Mười hai vị khất thực quanh vùng,

Thế rồi tụ tập cùng nơi chốn,
Mục đích là chiêu đãi bữa ăn.

417. Tỷ-kheo bèn nói với chư Tăng:
"Xin hãy cho tôi tất cả phần
Đã nhận để tôi dâng Giáo hội,
Vì thương xót quyến thuộc thân nhân."

418. Chúng Tăng giao thực phẩm cho người,
Trưởng lão dâng trai phạn thỉnh mời,
Trong lúc cúng dường phần thực phẩm,
Người đem công đức hướng về nơi,
Song thân, tiểu đệ và cầu nguyện:
"Mong quyến thuộc nay hưởng phước trời."

419. Lập tức sau khi chuyển phước phần,
Cao lương liền xuất hiện dần dần,
Ngon lành, thịnh soạn, đầy hương vị,
Sau đó chú em của Thánh Tăng,
Đã trở thành chàng trai tuấn tú,
Tráng cường hạnh phúc lại thưa rằng:

420. "Tôn giả, xin thưa các thức ăn,
Giờ đây phong phú, hãy nhìn trông,
Chúng tôi trần trụi xin cầu nguyện,
Mong ước sao cho đủ áo quần."

421. Khi giẻ rách người đã lượm xong,
Từ trong đống rác ở bên đường,
Người may giẻ rách thành y phục,
Dâng cúng Tỷ-kheo khắp bốn phương.

422. Trong lúc người làm lễ cúng dâng,
Tỷ-kheo hồi hướng đến thân nhân,
Phước phần lễ vật này mang đến,
Cha mẹ, chú em, ước nguyện rằng:
"Mong lễ vật này cho quyến thuộc,
Họ hàng được hưởng trọn hồng ân."

423. Lập tức sau khi chuyển phước phần,
Xiêm y liền xuất hiện dần dần,
Thế rồi phục sức xiêm y đẹp,
Chàng hiện nguyên hình trước Thánh Tăng:

424. "Xin thưa, ở quốc độ Nanda,
Các thứ mền chăn quả thực là,

Phong phú, song còn hơn thế nữa,
Áo quần, màn phủ ở quanh ta.

425. Chúng làm bằng lụa hoặc bằng lông,
Bằng vải dày hay các sợi bông,
Chúng thật dồi dào và quý báu,
Đang treo lơ lửng giữa hư không.

426. Y phục chúng tôi nay cứ mang,
Thứ gì yêu quý tận tâm can,
Kính thưa Tôn giả, xin cầu nguyện,
Cho chúng tôi nhà để trú an."

427. Trưởng lão liền xây một thảo am,
Cúng dường lên cả tứ phương Tăng,
Ngay khi dâng lễ người cầu nguyện,
Công đức chuyển cho cả họ hàng.

428. Lập tức sau khi chuyển phước phần,
Cửa nhà liền xuất hiện dần dần,
Có nhiều tòa lớn xây lầu các,
Thiết kế đầy cân xứng mọi tầng.

Ngạ quỷ thưa:

429. "Nhân giới không sao có loại nhà,
Cao sang tốt đẹp giống như ta,
Những lâu đài thấy trên thiên giới,
Cũng giống nhà ta có đấy mà!

430. Rực rỡ huy hoàng khắp mọi nơi,
Lâu đài chiếu sáng bốn phương trời,
Giờ đây Tôn giả, xin cầu nguyện,
Cho chúng tôi đầy nước uống thôi."

431. Trí giả đổ đầy thùng nước trong,
Rồi đem dâng cúng tứ phương Tăng,
Ngay khi làm lễ, người cầu nguyện,
Công đức chuyển cho các họ hàng.

432. Lập tức sau khi chuyển phước phần,
Nước trong liền xuất hiện dần dần,
Có bốn hồ sen sâu thăm thẳm,
Xây dựng đầy cân xứng tuyệt trần.

433. Nước hồ trong vắt đến bên bờ,
Mát lạnh mùi hương nhẹ thoảng đưa,
Bao phủ toàn sen xanh, đỏ thắm,
Tràn đầy hoa súng với cành tơ.

434. Sau khi tắm rửa, uống vừa xong,
Chúng lại hiện lên trước Thánh Tăng:
"Tôn giả, chúng tôi nhiều nước lắm,
Song chân cẳng lại bị đau rần.

435. Trong lúc quần quanh ở mọi nơi,
Ngã nhào trên sỏi đá, cây gai,
Kính thưa Tôn giả, xin cầu nguyện,
Cho được chiếc xe chở chúng tôi."

436. Trưởng lão cầm lên một chiếc hài,
Cúng dâng Giáo hội bốn phương trời,
Trong khi làm lễ, người cầu nguyện:
"Mong quyến thuộc nay được thảnh thơi."

437. Lập tức sau khi chuyển phước lành,
Cả bầy ngạ quỷ hiện nguyên hình,
Trên xe tiến đến đồng thanh nói:
"Tôn giả từ bi với chúng sanh.

438. Nhận được xiêm y, thực phẩm rồi,
Ngôi nhà, nước uống, chiếc xe ngồi,
Tôn giả, chúng tôi xin kính lễ,
Bậc Thánh từ bi giữa cõi đời."

Vị Trưởng lão kể sự kiện trên với đức Thế Tôn, Ngài lấy chuyện ấy làm đề tài thuyết pháp.

§28. CHUYỆN NGẠ QUỶ Ở HỒ RATHAKĀRA

(*Rathakārapetivatthu*) (*Pv*. 38; *PvA*. 186)

Trong lúc đang trú tại Sāvatthi (Xá-vệ), bậc Đạo sư kể chuyện này liên hệ đến một nữ quỷ thần.

Thuở xưa, vào thời đức Thế Tôn Kassapa, có một nữ nhân kia thực hành nhiều công đức thiện sự và cúng dường Tăng chúng một tinh xá tốt đẹp rồi từ trần, và do một ác nghiệp khác, nàng tái sanh làm nữ quỷ thần trong một lâu đài ở vùng Tuyết sơn, chúa tể của núi non, gần hồ Rathakāra.

Nhờ các công đức thiện sự, nơi đó hiện ra cho nàng một lâu đài tuyệt mỹ làm toàn bằng ngọc báu, khắp nơi đều đầy lạc thú hấp dẫn, lại có một hồ sen, giống như vườn thiên giới Nandana (Hỷ Lạc viên).

Toàn thân nàng có màu vàng ròng, yêu kiều diễm lệ, được khéo điểm trang rất khả ái. Nàng cư trú tại lâu đài ấy không có nam nhân nào cả. Vì thế, trong lòng nàng lại khởi lên ước vọng bầu bạn với nam nhân.

Thế rồi nàng thả vài quả xoài xuống dòng sông, suy nghĩ: "Đây là một mưu kế." Tất cả đều được hiểu như trong *Chuyện ngạ quỷ ở hồ Kaṇṇamuṇḍa*.[13]

Trong trường hợp này, có một thanh niên sống ở Ba-la-nại, thấy trên sông Hằng một quả xoài và muốn biết nguồn gốc của nó. Vì vậy, đi theo dòng, chàng tìm kiếm được đối tượng của mình ở tận nơi cư trú của nàng.

Nàng hân hoan đón tiếp chàng vào nhà nàng và khi chàng đã nhìn thấy mọi vẻ nguy nga lộng lẫy của nó, chàng ngâm kệ hỏi nàng:

439. Nàng đi lên đến một lâu đài,
Có cột trụ xanh biếc sáng ngời,
Kiểu cách muôn màu phong phú quá,
Ở đây tiên nữ thật hùng oai,
Trông nàng chẳng khác vầng trăng sáng,
Vằng vặc tròn quay ở giữa trời.

440. Da nàng quả thật giống vàng ròng,
Hình dáng huy hoàng đẹp mắt trông,
An tọa trên ngai cao tột đỉnh,
Cô đơn vì thiếu bóng lang quân.

441. Chung quanh nàng có đủ hồ sen,
Nhiều loại hoa sen trắng mọc chen,
Cát phủ đáy hồ, quanh bến nước,
Bằng vàng, chẳng thấy lấm bùn đen.

442. Thiên nga xinh đẹp thỏa lòng mơ,
Bơi lội chung quanh mặt nước hồ,
Khi tụ họp kêu ầm ĩ quá,
Vui tai như tiếng trống rung to.

443. Huy hoàng rực rỡ bóng thuyền quyên,
Nàng dựa mình trên một chiếc thuyền,
Mí mắt vòng cung đang tỏa sáng,
Giọng cười, tiếng nói thật êm đềm,
Tứ chi nàng thập phần thanh lịch,
Nàng rạng ngời trong vẻ diệu huyền.

444. Lầu các nàng không chút bụi trần,
Có vườn tiên, lạc thú vô ngần,
Hiện thân hạnh phúc gia tăng mãi,
Đang đứng ở trên khoảng đất bằng,
Tiên nữ có dung nhan tối thắng,
Ta mong hưởng lạc thú cùng nàng.

[13] *Pv.* 31, *Kaṇṇamuṇḍapetivatthu* (*Chuyện ngạ quỷ ở hồ Kaṇṇamuṇḍa*), số §24.

Nàng ngâm kệ đáp lời:

445. Làm nghiệp nào mang quả đến đây,
Trí chàng hãy hướng đến nơi này,
Hoàn thành những nghiệp nào sanh quả,
Có thể nhận ra ở chốn này.
Nhờ cách ấy sau chàng sẽ được,
Thiếp là tiên nữ thích vui vầy.

Khi chàng trai nghe xong lời của nàng quỷ thần, chàng trở về cõi người. Tại đó, chàng quyết tâm quán tưởng đến nơi kia và do kết quả ấy, chàng thực hành nhiều thiện nghiệp. Chẳng bao lâu chàng từ trần và tái sanh tại nơi ấy gần bên nàng.

Các vị kết tập kinh điển ghi vần kệ cuối cùng kể lại chuyện chàng cộng trú cùng nàng:

446. "Mong vậy!" Chàng trai vội đáp lời,
Rồi chàng tạo các nghiệp trên đời,
Phát sanh kết quả về nơi nọ,
Khi đã làm xong phước nghiệp rồi,
Chàng được tái sanh vào chốn ấy,
Cùng nàng bầu bạn cảnh bồng lai.

§29. CHUYỆN NGẠ QUỶ RƠM TRẤU (*Bhusapetavatthu*) (*Pv*. 39; *PvA*. 191)

Trong lúc đang trú tại Sāvatthi (Xá-vệ), bậc Đạo sư kể chuyện này liên hệ đến bốn ngạ quỷ.

Trong một ngôi làng nọ không xa Sāvatthi, một gian thương kiếm kế sinh nhai bằng cách đong lường dối trá và các phương pháp bất lương khác như pha trộn tạp chất vào lúa gạo. Vợ, con trai, con dâu kẻ ấy cũng gian ác như các vần kệ kể lại. Khi tái sanh làm ngạ quỷ ở rừng Viñjha, nỗi thống khổ của chúng đều được nói ra đây.

Bấy giờ, Tôn giả Mahāmoggallāna đang đi du hành qua vùng núi đồi, một hôm đến tận nơi ấy, thấy chúng, liền hỏi chúng đã tạo các ác nghiệp nào:

447. Tên này ăn trấu, nọ ăn rơm,
Trong lúc ngươi ăn phần đáng nhờm,
Còn nữ quỷ này ăn thịt nó,
Quả gì nghiệp ấy thật kinh hồn?

Để đáp lời Trưởng lão, vợ kẻ gian thương giải thích các hạnh nghiệp do chúng đã tạo nên:

448. Tên này đánh mẹ thuở xưa xa,
Tên nọ bán buôn chẳng thật thà,

Còn nữ quỷ này ăn thịt nó,
Đánh lừa với vọng ngữ gian tà.

449-50. Khi được làm người giữa chúng sanh,
Tôi là người vợ chủ gia đình,
Đem tài sản giấu người chơn chánh,
Cũng chẳng hề cho chút để dành.
Tôi đã giấu che bao của cải,
Còn buông lời dối trá gian manh:
"Nếu tôi cất giấu gì trong đó,
Thì phần là lương thực của mình."

451. Do kết quả từ việc trước đây,
Cùng lời dối trá của tôi vầy,
Bữa cơm tôi có mùi ngon ngọt,
Đã hóa thành phân thối thế này.

452. Hành nghiệp nào đều có quả mang,
Vì hành nghiệp chẳng tự tiêu tan,
Nên tôi ăn uống phân dơ bẩn,
Giòi bọ hôi tanh thật đáng nhàm.

Khi đã nghe xong lời của nữ ngạ quỷ, Trưởng lão liền kể lại chuyện lên đức Thế Tôn, Ngài lấy đó làm đề tài thuyết pháp.

§30. CHUYỆN NGẠ QUỶ CHÀNG TRAI

(*Kumārapetavatthu*) (*Pv*. 39; *PvA*. 194)

Tại Sāvatthi (Xá-vệ), nhiều đệ tử tại gia trở thành hội chúng nghe pháp, xây dựng trong thành phố này một ngôi đình lớn rồi cúng dường thực phẩm lên bậc Đạo sư và Tăng chúng.

Một người phản đối những gì đem dâng cúng các Sa-môn trọc đầu. Mẹ y xin sám hối với đức Thế Tôn và cúng dường cháo gạo suốt một tuần. Con trai bà từ trần chẳng bao lâu sau đó và tái sanh làm con của một kỹ nữ sang trọng.

Khi nàng biết đó là một nam nhi, nàng cho người đem nó quăng ra nghĩa địa. Tại đó, hài nhi được công năng thiện nghiệp của chính nó bảo vệ nên không bị ai phá hại, cứ nằm ngủ ngon lành như trong lòng mẹ.

Chuyện kể rằng, chư thần linh đã chăm sóc nó. Thế rồi, khi đức Thế Tôn với lòng đại bi, thức dậy từ sáng sớm, dùng Phật nhãn quán sát thế gian, Ngài thấy bé trai này và đi đến nghĩa địa.

Nhiều người tụ tập lại bảo nhau:

– Bậc Đạo sư đã đến đây chắc phải vì một duyên cớ nào đó ở chốn này.

Rồi họ thưa Ngài:

– Bạch Thế Tôn, đứa bé này đã làm nghiệp gì trong đời trước?

Đức Phật liền kể chuyện cho họ nghe.

Sau đó, một đại phú gia nhận nuôi đứa bé và nói:

– Trước sự hiện diện của chính đức Thế Tôn, con xin nhận đứa trẻ này làm con.

Đức Thế Tôn trở về tinh xá với lời sau:

– Đứa bé này đã được phú gia kia bảo hộ và sẽ làm lợi ích cho nhiều người.

Sau khi người ấy từ trần, chàng trai thừa hưởng gia tài và thích thú các việc bố thí cùng nhiều thiện sự khác.

Chư vị kết tập kinh điển nêu vấn đề này qua sáu vần kệ sau:

453. Kỳ diệu thay, tri kiến Phật-đà!
Cách Ngài tiên đoán nghiệp người ta,
Bao người đã tạo nên công lớn,
Lắm kẻ ít gây thiện nghiệp mà.

454. Cậu bé bị quăng bỏ nghĩa trang,
Bú tay sống sót cả đêm trường,
Không thần hay rắn làm thương tổn,
Vì phước nghiệp từ kiếp trước mang.
Bầy chó liếm đôi chân cậu bé,
Quạ diều, sơn cẩu chỉ đi ngang.

455. Đàn chim đã tẩy sạch đồ dơ,
Bầy quạ lau đôi mắt trẻ thơ,
Chẳng có người chăm lo bảo hộ,
Cũng không hương cải, thuốc đem cho.

456-57. Chúng chẳng biết đâu đến mặt trăng,
Kết giao với nguyệt điện cung Hằng,
Cũng không rải hạt cầu may mắn,
Cho trẻ đọa trong cảnh khốn cùng,
Đã bị mang đi đêm tối nọ,
Quăng vào nghĩa địa ở trong rừng.

458. Hài nhi ấy được cả chư thần,
Đảnh lễ cùng bên các thế nhân.
Thấy trẻ cựa mình như một đống,
Sanh tô, trong cảnh ngộ nguy nan,
Chỉ còn sức sống thêm đôi chút,
Khi Đại trí nhân thấy, bảo rằng:
"Đứa trẻ này nhờ tài sản lớn,
Sẽ thành đại phú hộ trong vùng."

Các đệ tử tại gia hỏi:

459. Hạnh nguyện nào đây của trẻ thơ?
Tu hành gì cuộc sống bây giờ?
Vì sao thiện nghiệp này sanh quả,
Khi họa như vầy đã xảy ra,
Cho trẻ rồi ngày sau hưởng thọ,
Uy quyền, đầy phú quý vinh hoa?

Bấy giờ, cách đức Thế Tôn tuyên thuyết khi nghe các đệ tử tại gia hỏi, được các vị kết tập kinh điển trình bày như sau:

460. Những người kia đã cúng Tăng-già,
Với thượng thủ là đức Phật-đà,
Dịp ấy, trẻ không đồng ý kiến,
Buông lời thô lỗ, chẳng ôn hòa.

461. Từ khi xua đuổi ý như trên,
Hỷ lạc về sau trí thản nhiên,
Dâng cúng suốt tuần phần cháo gạo,
Đức Như Lai trú tại Kỳ Viên.

462. Ấy nguyện đời xưa của trẻ thơ,
Còn đời tu tập chính bây giờ,
Thiện hành kia đã mang thành quả,
Khi họa như vầy đã xảy ra,
Cho trẻ rồi về sau hưởng thọ,
Uy quyền, đầy phú quý vinh hoa.

463. Chàng sống đời trường thọ bách niên,
Hưởng bao niềm lạc thú vô biên,
Đến khi hủy hoại thân phàm tục,
Được tái sanh đồng trú cõi thiên.

§31. CHUYỆN NGẠ QUỶ SERIṆĪ (*Seriṇīpetavatthu*) (*Pv*. 41; *PvA*. 201)

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong khi đang trú tại Jetavana (Kỳ Viên).

Tương truyền ở quốc độ Kuru (Câu-lâu), tại thành phố Hatthinipura, có một cô gái giang hồ tên là Seriṇī. Khi dân trong thành chào đón chư Tăng đến thuyết pháp, họ thúc giục nàng:

– Nàng hãy đến cúng dường chư Tăng để tạ ân!

Nàng từ chối, đáp:

– Sao tôi lại phải cúng dường lễ vật cho các Sa-môn trọc đầu này chứ? Sao tôi lại phải từ bỏ một thứ gì đó vì những con người vô dụng ấy?

Khi từ trần, nàng tái sanh làm một nữ ngạ quỷ ở sau hào lũy của một tường thành nơi biên địa. Thế rồi, một cư sĩ tại gia từ thành Hatthinipura đến vùng thành lũy này để buôn bán, vào lúc rạng đông, đi ngang hào lũy để điều hành công việc, trông thấy nữ ngạ quỷ liền hỏi qua vần kệ:

464. Trần truồng và xấu xí hình dung,
Hốc hác và thân thể nổi gân,
Người ốm yếu xương sườn lộ rõ,
Ngươi là ai hiện đến đây chăng?

Nữ ngạ quỷ đáp:

465. Tôn giả, con là ngạ quỷ nương,
Thần dân khốn khổ của Diêm vương,
Vì con đã phạm hành vi ác,
Con đến cõi ma đói ẩn thân.

Vị cư sĩ ngâm kệ hỏi:

466. Ngày xưa đã phạm ác hạnh gì,
Do khẩu, ý, thân đã thực thi?
Vì hạnh nghiệp nào ngươi đã tạo,
Từ đây tới cảnh giới âm ty?

Nữ ngạ quỷ đáp lại vần kệ:

467. Con đã đi quanh bến tắm công,
Lang thang suốt cả nửa tuần trăng.
Mặc dù bố thí là công đức,
Con chẳng cho mình chỗ trú thân.

468. Khi con khát nước, đến dòng sông,
Sông nước trở thành bãi trống không,
Những lúc nắng con ngồi bóng mát,
Tàng cây lại hóa nóng bừng bừng.

469. Cơn gió như thiêu đốt, lửa hồng,
Thổi ào lên khắp cả thân con,
Nhưng con xứng đáng nhiều đau khổ,
Hơn thế này, Tôn giả đoái thương.

470. Xin Tôn giả đến Hatthinipura,
Và kể chuyện ngay với mẹ già:
"Ta đã thấy con bà thuở trước,
Thần dân khốn khổ cõi Diêm-la.
Vì nàng đã phạm hành vi ác,
Từ cõi đời đi đến cõi ma."

471. Giờ đây con có món tư trang,
Để dành lên đến bốn trăm ngàn,
Con không hề nói cho ai biết,
Con đã giấu ngay dưới tọa sàng.

472. Xin mẹ con dâng lễ cúng dường,
Phước phần hồi hướng đến tên con,
Chúc bà được sống đời trường thọ,
Khi mẹ con dâng lễ cúng dường,
Hồi hướng về con phần phước đức,
Thỏa nguyền, con hạnh phúc hân hoan.

Trong lúc nữ ngạ quỷ kể chuyện này, vị ấy chú ý lắng nghe lời nói, và về sau, khi đã làm xong công việc, vị ấy đến kể chuyện kia cho bà mẹ của ngạ quỷ ấy.

Các vị kết tập kinh điển ghi lại các vần kệ sau:

473. Người ấy thuận lòng vội nói ra:
"Được rồi!" và đến Hatthinipura,
Nói: "Ta đã thấy con bà đó,
Khốn khổ thần dân cõi Dạ-ma.
Vì đã tạo nên điều ác nghiệp,
Từ đời này đến cõi tà ma."

474. Dịp kia, nàng đã bảo cùng ta:
"Xin kể chuyện ngay với mẹ già:
Ta đã thấy con bà thuở trước,
Thần dân khốn khổ cõi Diêm-la.
Vì nàng đã phạm hành vi ác,
Từ cõi đời đi đến cõi ma.

475. Giờ đây nàng có món tư trang,
Để dành lên đến bốn trăm ngàn,
Nàng không hề nói cho ai biết,
Nàng đã giấu ngay dưới tọa sàng.

476. Xin mẹ nàng dâng lễ cúng dường,
Phước phần hồi hướng đến cho nàng,
Chúc bà được sống đời trường thọ,
Khi mẹ nàng dâng lễ cúng dường,
Hồi hướng về nàng phần phước đức,
Thỏa nguyền, nàng hạnh phúc hân hoan."

477. Do vậy bà dâng lễ cúng dường,
Phước phần hồi hướng đến tên nàng,

Tức thì nữ quỷ liền an lạc,
Hạnh phúc, dung nhan đẹp lạ thường!

Khi mẹ nàng nghe chuyện này, bà liền cúng dường Tăng chúng như nàng ước nguyện và hồi hướng công đức về nàng.

§32. CHUYỆN NGẠ QUỶ NGƯỜI SĂN NAI

(*Migaluddakapetavatthu*) (*Pv*. 42; *PvA*. 204)

Đức Thế Tôn kể chuyện này trong lúc đang trú tại Trúc Lâm.

Ở thành Rājagaha (Vương Xá), có người thợ săn kia sống bằng cách săn bắn và giết hươu nai suốt ngày đêm. Tuy nhiên, y lại có một bạn thân là cư sĩ tại gia thường khuyên răn y, nhưng y chỉ nghe theo một phần. Do đó, y tái sanh làm quỷ thần ở trong lâu đài.

Tôn giả Trưởng lão Nārada thấy quỷ và ngâm kệ hỏi:

478. Chàng nay là một đấng nam nhi,
Hầu cận đủ nô bộc, nữ tỳ,
Đêm tối, sáng ngời bao dục lạc,
Ban ngày phải chịu lắm sầu bi,
Như vầy do ở trong tiền kiếp,
Chàng đã tạo nên các nghiệp gì?

Quỷ này giải thích các nghiệp đã làm:

479. Trong thành Vương Xá nước non xinh,
Xưa tại Đa sơn cảnh hữu tình,
Tôi kẻ săn nai lòng độc ác,
Với bàn tay vấy máu vì mình.

480. Giữa loài vô hại ở trong rừng,
Tôi quẩn quanh với trí bạo hung,
Luôn thấy lạc hoan khi giết hại,
Những con vật ấy, thật buông lung.

481. Mặc dù tôi bản tính như vầy,
Tôi có bạn thân thiết lắm thay,
Cư sĩ tại gia lòng mộ đạo,
Tín thành, lân mẫn với tôi đây,
Cản ngăn tôi, đã nhiều lần nói:
"Đừng tạo hành vi ác thế này.

482. Bạn hỡi, đừng nên tạo ác hành,
Sợ rằng sẽ gặp cảnh không lành,
Nếu mong hạnh phúc khi thân hoại,
Đừng thích thú vì việc sát sanh."

483. Mặc dù nghe lý lẽ khuyên can,
Của chính người đây một bạn vàng,
Thương xót, mong tôi nhiều hạnh phúc,
Tôi không tuân giáo pháp hoàn toàn,
Vì từ lâu đã tìm vui thú,
Việc ác, nên không có trí quang.

484. Lần nữa, chính là bậc trí nhân,
Xót thương dạy bảo phải điều thân:
"Ban ngày nếu sát sanh" chàng dặn,
"Đêm tối phải điều phục, phát tâm!"

485. Vì vậy ban ngày tôi sát sanh,
Về đêm tôi chế ngự thân mình,
Giờ đây dạo bước trong đêm tối,
Nhưng sáng ngày tôi chịu khổ hình.

486. Nhờ thiện hành tôi hưởng một đêm,
Với bao lạc thú của thần tiên,
Ban ngày bầy chó ngao ùa tới,
Nhảy vọt khắp nơi xé xác liền!

487. Những người nào nhất mực tinh cần,
Lời Thiện Thệ tuân thủ quyết tâm,
Sẽ đạt vẹn toàn bất tử giới,
Niết-bàn là trạng thái siêu nhân.

§33. CHUYỆN THỨ HAI VỀ NGẠ QUỶ NGƯỜI SĂN NAI

(*Dutiyamigaluddakapetavatthu*) (*Pv.* 43; *PvA.* 207)

Đức Thế Tôn kể thêm chuyện này nữa trong lúc đang trú tại Veḷuvana (Trúc Lâm).

Tương truyền tại Rājagaha, một người thợ săn trẻ tuổi kia, mặc dù giàu có vẫn rời bỏ mọi lạc thú giàu sang và đi săn hươu nai suốt ngày đêm. Kẻ ấy cũng theo lời khuyên của một vị Trưởng lão khi có người bạn cư sĩ khẩn cầu và từ bỏ việc đi săn ban đêm, nên nhận quả báo ở đời sau giống như chuyện trên.

Trưởng lão Nārada hỏi quỷ ấy qua các vần kệ sau:

488. Trong tòa cao ốc một lâu đài,
Trên tọa sàng lông thú phủ ngoài,
Năm thứ đàn tơ đang nhẹ trỗi,
Lòng chàng thích thú nhạc êm tai.

489-90. Ban ngày vào lúc mới hừng đông,
Chàng bị đuổi ra tận nghĩa trang,

Và phải chịu bao điều thống khổ,
Nghiệp nào đã tạo ác về thân,
Về lời, hay ý trong tiền kiếp,
Nay chịu khổ này có phải chăng?

Sau đó quỷ liền kể chuyện sau:

491. Trong thành Vương Xá thật xinh tươi,
Cổ lũy Đa sơn cảnh tuyệt vời,
Tôi chính thợ săn trong kiếp trước,
Buông lung, tôi thích thú vui chơi.

492. Mặc dù tôi bản tính hung tàn,
Tôi có bạn thân, cận sự nam,
Mộ đạo tín thành thường đón tiếp,
Tỷ-kheo đệ tử đức Cù-đàm,
Viếng thăm gia quyến chàng thương xót,
Ngăn cản tôi và vẫn bảo ban:

493. "Bạn hỡi, đừng nên tạo ác hành,
Sợ rằng sẽ gặp cảnh không lành,
Nếu mong hạnh phúc khi thân hoại,
Đừng thích thú vì việc sát sanh."

494. Mặc dù nghe lý lẽ khuyên can,
Của chính người đây, một bạn vàng,
Thương xót, mong tôi nhiều hạnh phúc,
Tôi không tuân giáo pháp hoàn toàn,
Vì từ lâu đã tìm vui thú,
Việc ác, nên không có trí quang.

495. Lần nữa, chính là bậc trí nhân,
Xót thương dạy bảo phải điều thân:
"Ban ngày nếu sát sanh" chàng dặn,
"Đêm tối phải điều phục, phát tâm!"

496. Vì vậy ban ngày tôi sát sanh,
Về đêm tôi chế ngự thân mình,
Giờ đây dạo bước trong đêm tối,
Nhưng sáng ngày tôi chịu khổ hình.

497. Nhờ thiện hành tôi hưởng một đêm,
Với bao lạc thú của thần tiên,
Ban ngày bầy chó ngao ùa tới,
Nhảy vọt khắp nơi xé xác liền!

498. Những người nào nhất mực tinh cần,
Lời Thiện Thệ tuân thủ quyết tâm,
Sẽ đạt vẹn toàn bất tử giới,
Niết-bàn là trạng thái siêu nhân.

§34. CHUYỆN NGẠ QUỶ DO PHÁN QUYẾT GIAN DỐI

(*Kūṭavinicchayikapetavatthu*) (*Pv*. 43; *PvA*. 209)

Trong lúc bậc Đạo sư đang trú tại Veḷuvana (Trúc Lâm), Ngài kể chuyện này liên quan đến những phán quyết gian dối.

Thời ấy, Vua Bimbisāra (Tần-bà-sa-la) hành trì trai giới (*Uposatha*) sáu ngày mỗi tháng. Nhiều người theo gương vua giữ giới. Nhà vua thường hỏi những người thỉnh thoảng vào triều kiến:

– Này khanh có hành trì ngày trai giới hay không hành trì?

Thế rồi, có một người kia đã được bổ nhiệm làm phán quan, một kẻ lừa dối, bất lương, thường nhận hối lộ và hung bạo nhưng lại sợ nói ra: "Tôi không phải là người giữ giới". Vì vậy y nói:

– Tâu Đại vương, hạ thần có giữ giới.

Khi đã ra về sau buổi triều kiến vua, một người bạn hỏi y:

– Này hiền hữu, hiền hữu có giữ giới gì hôm nay chăng?

Y đáp:

– Này hiền hữu, vì sợ hãi nên tôi đã nói thế lúc yết kiến đức vua, chứ tôi không giữ giới.

Sau đó, người bạn bảo y:

– Nếu chỉ còn nửa ngày trai giới thì hôm nay bạn hãy giữ như vậy. Hãy phát nguyện giữ giới đi!

Y đồng ý, trở về nhà, rửa mặt và chuyên tâm giữ giới. Đêm ấy, y vừa về đến nhà thì mạng sống bị gián đoạn vì một cây cột đổ xuống từ ngôi nhà ọp ẹp của y trong một cơn gió mạnh.

Ngay sau khi chết, y tái sanh làm một quỷ thần trong lâu đài ở vực sâu dưới núi. Dù y chỉ giữ nửa ngày trai giới trong một đêm thôi, y vẫn được phước báu với một đoàn tùy tùng gồm mười ngàn tiên nữ hộ tống và hưởng lạc thú thần tiên, nhưng do quả báo từ các phán quyết gian dối và nói láo kia, y tự lấy tay móc thịt trên lưng mình và xé ra ăn.

Khi Tôn giả Nārada từ đỉnh núi Linh Thứu đi xuống, thấy y liền hỏi qua bốn vần kệ:

499. Ngươi đội tràng hoa miện vòng vàng,
Tứ chi ngươi tẩm ướp chiên-đàn,

Trông ngươi có dáng đầy thanh thản,
Ngươi giống mặt trời rực ánh quang.

500-01. Đoàn thị nữ này hộ tống ngươi,
Mười ngàn tiên nữ rất xinh tươi,
Đeo vòng vỏ ốc và trang điểm,
Tấm lưới vàng kia lấp lánh hoài,
Hình dáng ngươi gây niềm cảm phục,
Ngươi đầy quyền lực thật hùng oai.

502. Tay ngươi móc thịt ở lưng ăn,
Ác nghiệp nào do khẩu, ý, thân,
Đã tạo, giờ đây ngươi cấu xé,
Thịt lưng mình bởi nghiệp nào chăng?

Quỷ này kể chuyện mình qua bốn vần kệ:

503. Tôi hành động giữa cõi phàm trần,
Đem tổn hại cho chính bản thân,
Bằng cách vu oan và vọng ngữ,
Dối lừa và phỉ báng tha nhân.

504. Tại đó, xưa tôi họp việc chung,
Đến khi tôi phải nói chân ngôn,
Thì tôi bài bác điều công chánh,
Và lại quay về việc dối gian.

505. Vậy người nào phỉ báng tha nhân,
Sẽ phải tự mình xé nát thân,
Như chính hôm nay tôi phải chịu,
Tự mình lấy thịt ở lưng ăn.

506. Nārada đã thấy điều này:
"Bi mẫn là người nói thẳng ngay,
Đừng phỉ báng, buông lời dối trá,
E ngài sẽ xẻ thịt lưng vầy!"

§35. CHUYỆN NGẠ QUỶ DO KHINH KHI XÁ-LỢI

(Dhātuvivaṇṇapetavatthu) (*Pv.* 44; *PvA.* 212)

Khi đức Thế Tôn diệt độ tại Kusinārā (Câu-thi-na), ở lâm viên Upavattana trong rừng Sāla song thọ, và sau khi việc phân chia Xá-lợi đã hoàn thành, Vua Ajātasattu (A-xà-thế) nhận phần của mình xong liền làm lễ cúng dường suốt bảy năm, bảy tháng, bảy ngày.

Nhưng có tám vạn sáu ngàn người, vì không có lòng tin và đầy tà kiến từ lâu, đã mê lầm và có nhiều vọng tưởng điên đảo, cho nên dù đã sống trong một hoàn cảnh an lành, cũng tái sanh vào loài ngạ quỷ.

Chính trong thành Vương Xá này, có bà vợ, con gái, con dâu của một phú gia kia với tâm thành tín đem hương liệu, vòng hoa và nhiều lễ vật khác khởi hành đi đến bảo tháp Xá-lợi, bảo nhau:

– Chúng ta muốn đi cúng dường Xá-lợi.

Người gia chủ phỉ báng việc cúng dường này với những lời mạ lỵ:

– Cúng dường đống xương thì có ý nghĩa gì chứ?

Song họ không quan tâm đến lời nói của kẻ ấy và ra đi. Khi từ trần, họ tái sanh lên thiên giới, còn kẻ ấy tái sanh làm ngạ quỷ.

Thế rồi một hôm, Tôn giả Mahākassapa vì lòng bi mẫn, đứng tại khuôn viên bảo tháp, ngâm ba vần kệ hỏi ngạ quỷ đã khinh thường Xá-lợi:

507. Ngươi đang lơ lửng giữa hư không,
Ngươi thở mùi hôi thối nặc nồng,
Giòi bọ đang đua nhau cấu xé,
Mặt ngươi rách nát thối vô cùng.

508. Ngày xưa ngươi phạm ác hạnh nào,
Nay chúng cầm gươm mãi chém vào,
Chúng rảy cường toan khắp cả mặt,
Thân ngươi rồi cắt mãi vì sao?

509. Ngươi đã làm nên ác nghiệp gì,
Do từ thân, khẩu, ý tư duy?
Hành vi nào kiếp xưa gây tạo,
Nay phải chịu đau khổ cực kỳ?

510. Trong thành Vương Xá thật xinh tươi,
Cổ lũy Đa sơn cảnh tuyệt vời,
Tôn giả, tôi là người đại phú,
Bạc vàng thóc lúa khắp nơi nơi.

511. Vợ tôi, con gái, vợ con trai,
Đem đủ sen xanh, các đóa lài,
Cùng với dầu thơm dâng bảo tháp,
Tôi ngăn cản họ mãi không thôi.
Đó là ác nghiệp ngày xưa ấy,
Đã được tạo ra bởi chính tôi.

512. Tám vạn sáu ngàn bọn chúng tôi,
Chịu bao đau khổ chẳng riêng ai,
Vì tôi khinh việc người dâng cúng,
Bảo tháp, nay tôi chịu khổ hoài.

513. Vậy người nào lộ vẻ hung tàn,
Khi Thánh lễ đang được cúng dường,

Lên bảo tháp tôn vinh Xá-lợi,
Xin Tôn giả cất tiếng khuyên can.

514. Tôn giả nhìn kìa đám mỹ nương,
Đeo vòng hoa đẹp khéo trang hoàng,
Hưởng nhiều phước báu vì dâng lễ,
Phú quý vinh hoa thật rỡ ràng.

515. Khi các trí nhân thấy việc này,
Gây niềm cảm xúc diệu kỳ thay,
Họ liền sùng bái và tôn kính,
Bậc Đại Hiền nhân ấy chính Ngài.

516. Khi tôi rời cảnh ngộ thương đau,
Và được làm người ở kiếp sau,
Tôi sẽ tinh cần dâng lễ bái,
Cúng dường tháp Xá-lợi dài lâu.

IV. PHẨM LỚN
(*MAHĀVAGGA*)

§36. CHUYỆN NGẠ QUỶ VUA AMBASAKKARA

(*Ambasakkarapetavatthu*) (*Pv*. 45; *PvA*. 215)

Trong lúc đức Thế Tôn đang trú tại Jetavana (Kỳ Viên), một vị vua dòng họ Licchavi mệnh danh Ambasakkara, là một người không mộ đạo, có tà kiến, đang trị vì ở Vesāli (Tỳ-xá-ly).

Tại đó, lại có một thương nhân chánh trực đã bắc cầu bằng những thanh gỗ chiên-đàn qua một đầm lầy. Trái lại, cháu trai vị ấy đã lấy trộm hàng hóa, đem đến tiệm của chú, nên bị xử hình phạt đóng thân vào cọc. Người chú bị chặt đầu và hóa thành một địa thần cỡi ngựa thuần bạch, vào nửa đêm lại đến thăm cháu đang bị đóng cọc và bảo: "Hãy cố sống thì hơn!"

Bấy giờ, Vua Ambasakkara muốn chiếm vợ của một thần dân, liền sai người ấy đi lấy đất đỏ và hoa súng đỏ ở một hồ sen cách xa kinh thành ba do-tuần, và buộc y phải trở về trước khi trời tối, nếu không sẽ bị giết. Đồng thời, vua ra lệnh đóng cổng thành trước khi trời tối. Nhờ chư thần giúp đỡ, người kia đem đất đỏ và hoa súng đỏ về kịp trước khi trời tối, nhưng gọi cổng thành không được, y phải nhờ sự làm chứng của vị quỷ thần ấy. Sau đó, vua đích thân đi gặp vị quỷ thần để tìm hiểu sự việc.

Các vần kệ này kể lại chuyện trên. Vần kệ đầu do các vị kết tập kinh điển đưa vào:

517. Kinh thành dân chúng xứ Vajjī,
Tên gọi là thành Tỳ-xá-ly,
Tại đó có vị vua ngự trị,
Ambasa, tộc Licchavi,
Khi nhìn thấy quỷ ngoài thành ấy,
Vua muốn biết nên hỏi tức thì.

518. Kẻ này không có chỗ nằm ngồi,
Cùng chẳng hề đi tới bước lui,
Không thức uống ăn, quần áo mặc,
Cũng không tỳ nữ, một mình thôi.

519. Quyến thuộc thân bằng thuở đã qua,
Có lòng thương xót nó bây giờ,

Song không có khả năng nhìn nó,
Họ đã bỏ rơi nó thật mà.

520. Kẻ nào sa sút chẳng thân bằng,
Bạn bỏ rơi khi thấy khốn cùng,
Hễ thấy phồn vinh vây lấy bạn,
Người đang hưng thịnh lắm thân nhân.

521. Khi hưởng thụ xong hết bạc vàng,
Gia tài chắc đã phải tan hoang,
Thân hình vấy máu đang rời rã,
Như hạt sương treo đến số tàn.

522. Với người đang chịu cảnh đau thương,
Khủng khiếp trên cây cọc gỗ mun,
Vua hỏi: "Quỷ kia sao lại nói:
Ngươi cần phải sống, sống thì hơn?"

[Quỷ thần:]

523. Người này trên cọc chính thân nhân,
Tôi nhớ kiếp xưa ở cõi trần,
Nên đã xót thương khi thấy nó,
Phải vào địa ngục bởi tà tâm.

524. Licchavi chúa thượng từ đây,
Kẻ đã tạo ra ác nghiệp này,
Vào ngục tái sanh đầy khủng khiếp,
Nóng bừng gay gắt, hãi kinh thay!

525. Ngay cái cọc kia đủ mọi phần,
Tốt hơn địa ngục biết bao lần,
Ước mong nó chẳng sa vào ngục,
Gay gắt kinh hoàng, thật khổ thân!

526. Nếu kẻ ấy nghe tôi nói vầy,
Nó đầy sầu khổ tắt hơi ngay,
Cho nên trước nó tôi không nói,
E chỉ vì tôi, nó bỏ thây.

[Quân vương:]

527. Vụ án người này ta biết qua,
Song ta muốn hỏi chuyện thêm mà,
Nếu ngươi cho phép ta xin hỏi,
Song chớ giận hờn với chúng ta.

[Quỷ thần:]

528. Việc ấy tôi xin hứa thật lời,
Chuyện này không kể với người đời,

Không có tín tâm vào đạo pháp,
Dù tôi không muốn, hãy tin tôi,
Hỏi ngay những việc gì ngài muốn,
Tôi sẽ đáp tùy sức đó thôi.

[Quân vương:]

529. Những gì ta thấy tận mắt ta,
Ước mong ta đủ tín tâm mà,
Nếu không tin dẫu khi ta thấy,
Ấy việc riêng ta, hỡi dạ-xoa!

[Quỷ thần:]

530. Tôi đã được ngài hứa thủy chung,
Khi ngài nghe pháp hãy thành tâm,
Đi tìm tri kiến cao hơn nữa,
Với trí chẳng ô nhiễm sáng trong.
Những pháp ngài chưa nghe hoặc đã,
Tôi đều muốn nói hết cho thông.

[Quân vương:]

531. Trên ngựa trang hoàng, ngươi đến đây,
Tìm người bị đóng cọc phanh thây,
Đây là phong cách ngươi đi lại,
Kỳ diệu và cao quý hiển bày.
Do bởi nghiệp nào xưa đã tạo,
Mà nay được phước báu như vầy?

[Quỷ thần:]

532. Chính giữa kinh thành Tỳ-xá-ly,
Xuyên qua đầm ở khoảng đường đi,
Có nơi nọ cực kỳ nguy hiểm,
Với dạ tín thành, một bữa kia,
Tôi lấy gỗ chiên-đàn trắng bạch,
Bắc qua chỗ ấy có nề chi.

533. Sau đó chúng tôi đặt bước chân,
Chúng tôi và những kẻ qua đường,
Đây là phương tiện rất kỳ diệu,
Xứng đáng được chiêm ngưỡng giữa trần.
Do chính nghiệp ngày xưa đã tạo,
Giờ đây đem phước báu cho thân.

[Quân vương:]

534. Hình dáng ngươi soi sáng mọi phương,
Khắp nơi đều phảng phất mùi hương,

Nhà ngươi có cả thần thông lực,
Của một dạ-xoa lực dị thường.
Nhưng việc gì xưa đem kết quả,
Nhà ngươi nay phải chịu trần truồng?

[Quỷ thần:]

535. Luôn giữ tín tâm, thoát hận sân,
Nói lời từ tốn với tha nhân,
Việc xưa kia đã đem thành quả,
Hình dáng thần tiên mãi sáng bừng.

536. Khi tôi lưu ý đến thanh danh,
Của những người an trú pháp hành,
Tôi trịnh trọng trình bày việc ấy,
Việc xưa đem kết quả cho mình,
Mùi hương tiên giới trên thân thể,
Liên tục thoảng đưa thật dịu lành.

537. Khi các bạn tôi tắm bến sông,
Tôi đem quần áo giấu quanh vùng,
Tôi không ác ý thích đùa giỡn,
Nay chịu trần truồng thật khổ thân.

[Quân vương:]

538. Nếu ai làm ác để đùa nhau,
Ngươi bảo đây là quả kiếp sau,
Song nếu ai làm không bỡn cợt,
Thì ngươi bảo kết quả nào đâu?

[Quỷ thần:]

539. Bất cứ ai làm ác cố tâm,
Ngôn từ, hành động quá buông lung,
Phải vào địa ngục sâu tăm tối,
Chắc chắn khi thân hoại mạng chung.

540. Kẻ nào mong thế giới quang vinh,
Tìm thích thú trong các thiện hành,
Bố thí, bản thân luôn chế ngự,
Mạng chung vào thế giới thanh minh.

Khi quỷ thần đã phân tích sơ lược các nghiệp quả, nhà vua không tin, bèn ngâm kệ:

541. Tại sao ta phải tin điều này,
Là quả thiện hành, ác nghiệp đây?
Việc đã thấy ta cần tín ngưỡng,
Người nào thuyết phục được ta vầy?

[Quỷ thần:]

542. Khi ngài đã mắt thấy tai nghe,
Ngài hãy tin vào nghiệp quả kia,
Nếu thiện ác đều không hiện hữu,
Sao người hạnh phúc, kẻ ê chề?

543. Nếu chúng sanh không tạo thiện hành,
Và gây ác nghiệp giữa nhân sanh,
Thì nhân quần dẫu cao hay thấp,
Chẳng có tai ương hoặc phước lành.

544. Nhưng bởi chúng sanh tạo thiện hành,
Và gây ác nghiệp giữa nhân sanh,
Nên nhân quần dẫu cao hay thấp,
Đều gặp tai ương hoặc phước lành.

545. Có hai loại nghiệp báo trên đời,
Ta phải hiểu ngay: Một hạng người,
Được hạnh phúc và người chịu khổ.
Chư thiên hưởng lạc thú trên trời,
Song người ngu bị nhiều hành hạ,
Khi thấy quả hai mặt chín muồi.

Khi được nhà vua hỏi:

– Như vầy ngươi đã tin vào nghiệp quả, tại sao ngươi lại phải chịu cảnh khốn khổ này?

[Quỷ thần đáp:]

546. Không ai làm việc thiện vì tôi,
Hồi hướng về tôi, chẳng có người,
Dâng cúng áo, giường, đồ ẩm thực,
Nên tôi trần trụi, khổ trên đời!

Khi nghe quỷ thần ước muốn nhận đủ áo quần và nhiều vật dụng khác, nhà vua bảo:

547. Quả thật giờ đây có cách nào,
Nhà ngươi được áo mặc hay sao?
Nói cho ta biết về nguồn gốc,
Ta sẽ nghe lời tín nhiệm mau.

[Quỷ thần đáp:]

548. Có vị Tỷ-kheo ở tại đây,
Kappitaka ấy chính danh này,
Ngài chuyên thiền định và cao đạo,
Giải thoát, điều thân, ứng cúng thay.

Sống chế ngự mình bằng giới luật,
An nhiên đạt trí tối cao vầy.

549. Ngài vốn nói năng thật dịu hiền,
Ôn tồn nhỏ nhẹ, giọng êm đềm,
Đón chào niềm nở đầy chơn thật,
An tịnh trú trong giới luật nghiêm,
Xứng đáng cúng dường nhiều lễ vật,
Từ loài người đến cả chư thiên.

550. Thanh thản đoạn trừ lưới ác tâm,
Chánh chơn, vô ngã lại ly tham,
Ngài không có ước mong gì nữa,
Chẳng có sanh y ở thế gian,
Nên Ngài giải thoát, tâm an tịnh,
Tam minh chứng đắc thật vinh quang.

551. Mặc dù quần chúng thấy hình ngài,
Ngài chẳng tiếng tăm, quen biết ai.
Dân chúng Bạt-kỳ thường vẫn gọi.
Ngài là bậc trí tuệ cao vời.
Thiên thần biết rõ ngài ly dục,
Người có tín tâm sống ở đời.

552. Nếu Chúa thượng dâng lễ cúng ngài,
Và đem công đức hướng về tôi,
Một hai bộ áo do Ngài nhận,
Cũng đủ cho tôi có mặc rồi.

[Quân vương:]

553. Bậc Ẩn sĩ kia đang ở đâu?
Chúng ta yết kiến ở phương nào?
Hôm nay Ngài đánh tan nghi hoặc,
Tà kiến giăng đầy tự bấy lâu.

[Quỷ thần:]

554. Ở Kapinaccanā, Ngài tọa thiền,
Được bao quanh bởi các thần tiên,
Ngài đang thuyết pháp ly sân hận,
Chơn chánh như danh tiếng đã truyền.

[Quân vương:]

555. Ta đi làm việc ấy giờ đây,
Ta sẽ dâng y Ẩn sĩ này,
Khi bộ y kia Ngài đã nhận,
Thì ngươi sẽ có áo quần ngay.

Rồi cả hai cùng đi đến chỗ ấy và quỷ thần nói:

556. Với người xuất thế, bản thân tôi,
Không yết kiến khi chẳng đúng thời.
Chúa thượng, giờ đây không thích hợp,
Đúng thời, hãy viếng chỗ Ngài ngồi.

Các vần kệ sau do chư vị kết tập kinh điển ghi:

557. Khi quỷ thần vừa nói vậy xong,
Nhà vua được các vị tùy tùng,
Đưa về lại chốn kinh thành ấy,
Tư thất của vua ở hậu cung.

558. Từ đó thực hành giới tại gia,
Nhà vua tắm gội chọn từ nhà,
Xiêm y tám bộ và đi cúng,
Được các tùy tùng hộ tống ra.

559. Khi nhà vua đến tận nơi này,
Thấy Ẩn sĩ tâm thanh tịnh đầy,
Đã trở về sau thời khất thực,
An nhiên tĩnh tọa dưới gốc cây.

560. Đúng lúc vua đi yết kiến Ngài,
Vấn an sức khoẻ, sống an vui:
"Licchavi ấy là thân tộc,
Tỳ-xá-ly thành, đất nước tôi,
Tôi chính Ambasa tộc trưởng,
Mong Ngài hoan hỷ, kính thăm Ngài.

561. Tôn giả, xin Ngài hãy nhận ngay,
Tám y tốt đẹp cúng dâng này,
Để tôi có thể đầy an lạc,
Vì mục đích này tôi đến đây."

[Ẩn sĩ:]

562. Sa-môn ẩn sĩ, dẫu từ xa,
Đều phải tránh cung điện của vua,
Nơi đó, bao nhiêu bình bát vỡ,
Thầy tu bị xé áo cà-sa!

563. Nhiều người khác đấm đá kinh sao,
Như búa, Tỷ-kheo phải ngã nhào,
Ẩn sĩ xuất gia mang tổn hại,
Chính tay ngài đã biết là bao!

564. Dầu mè, đệm cỏ chẳng hề ban,
Chẳng chỉ dùm ai lạc bước đàng,

Từ một người mù, ngài lấy gậy,
Ngài vừa phóng dật lại xan tham.
Bây giờ vì lý do nào vậy,
Bằng cách nào ngài muốn phát ban?

[Quân vương:]

565. Tôn giả, tôi công nhận thật ngôn,
Tôi làm thương tổn các Sa-môn,
Tôi mong đùa giỡn, không tà ý,
Việc phạm lỗi xưa thật bạo tàn.

566. Kẻ kia làm ác để bông lơn,
Hạnh phúc nó không được vẹn toàn,
Nó nhận khổ đau dầu trẻ tuổi,
Số phần nó phải chịu trần truồng,
Còn gì khốn đốn hơn cho nó,
Chính việc này đây có phải không?

567. Tôi thấy nó mang nặng lỗi lầm,
Nên tôi dâng lễ vật Tôn nhân,
Xin Ngài nhận tám y tôi cúng,
Hồi hướng về cho vị quỷ thần.

[Ẩn sĩ:]

568. Bố thí dĩ nhiên được nhận mà,
Ước công vô lượng với nhà vua,
Nay tôi nhận tám y ngài tặng,
Mong lễ vật hồi hướng dạ-xoa.

569. Rồi vua nhấp nước tự bàn tay,
Để tẩy trần và dâng cúng ngay,
Tám bộ y lên ngài Trưởng lão:
"Ước mong y được nhận như vầy!"
Và hãy nhìn xem thần đại lực,
Mặc nhiều quần áo thỏa lòng thay!

570. Tức thì vua thấy chính thần nhân,
Tẩm ướt dầu tinh chất gỗ trầm,
Hình dáng cao sang dòng quý tộc,
Cỡi trên lưng tuấn mã oai hùng,
Điểm trang y phục huy hoàng quá,
Được hộ tống và đạt lực thần.

571. Với niềm vui sướng dạ hân hoan,
Khuôn mặt vui tươi hạnh phúc tràn,

Vì thấy nghiệp mình đem quả lớn,
Vua vừa nhìn tận mắt hoàn toàn.

572. Vua bước lên và nói với thần:
"Từ nay ta cúng các Sa-môn,
Ta không có vật gì không cúng,
Đại quỷ, ngài là bậc cứu nhân."

[Quỷ thần:]

573. Chúa thượng cho tôi hưởng phước ân,
Cúng dường đâu có phải hoài công,
Phần tôi sẽ tạo tình bằng hữu,
Giữa một phi nhân với thế nhân.

[Quân vương:]

574. Ngài là quyến thuộc lẫn thân bằng,
Chánh đạo nơi nương tựa hộ thần,
Ta khẩn cầu ngài và đảnh lễ,
Ta mong được tái ngộ thần nhân.

[Quỷ thần:]

575. Ví thử ngài làm mất tín tâm,
Thích nhiều tà kiến hóa xan tham,
Và trong trạng thái tà tâm ấy,
Ngài được gặp tôi để vấn an,
Tôi sẽ chẳng cùng ngài nói chuyện,
Dẫu tôi thấy mặt, hỡi Quân vương!

576. Còn nếu ngài tôn trọng pháp chơn,
Hân hoan bố thí, tự điều thân,
Là nguồn cung cấp cho tu sĩ,
Nếu có duyên may gặp quỷ nhân,
Và nếu tôi đây nhìn thấy mặt,
Thì tôi sẽ đáp lễ ân cần.

577. Mau thả người ra khỏi cọc này,
Vì ta thân thiết chính nhờ đây,
Tôi đang nghĩ đến người đau khổ,
Nay đã kết giao tại chốn này.

578. Và nếu người này được thoát thân,
Sẽ làm thiện nghiệp rất tinh cần,
Ngày sau thoát ngục sâu tăm tối,
Thiện nghiệp đều mang lại phước phần.

579. Chúa công tham kiến Kappita,
Đúng lúc cúng dường bậc xuất gia,

Đến trước mặt Ngài ngồi thỉnh ý,
Và Ngài sẽ nói vấn đề ra.

580. Gặp Tỷ-kheo kia thỉnh ý Ngài,
Tạo nhiều công đức, trí cao vời,
Tùy theo tri kiến Ngài phân giải,
Các pháp chưa nghe giữa mọi người,
Ngài sẽ thuyết về tất cả pháp,
Đưa đường đến cảnh giới vui tươi.

581. Khi vua đã nói chuyện tư riêng,
Cùng vị phi nhân kết bạn hiền,
Vua đến Licchavi bộ tộc,
Nói cùng đại hội họp theo phiên:

582. "Các người xin hãy lắng nghe lời,
Ta sẽ tìm đường lối tốt thôi.
Kẻ ác bị treo vào cọc ấy,
Bị trừng phạt nặng khổ tơi bời.

583. Hai mươi đêm ấy khoảng thời gian,
Nó đã bị ràng buộc tấm thân,
Nó chẳng biết đâu là sống chết,
Ta xin đại hội thả tù nhân!"

[Đại hội:]

584. "Mau thả luôn hai kẻ ấy ngay,
Nào ai từ chối việc như vầy?
Xin làm những việc ngài thông hiểu,
Đại hội tuân theo ý chỉ này."

585. Nơi kia vua vội vã ra đi,
Phóng thích người trên cọc tức thì,
Rồi bảo: "Bạn này, đừng sợ hãi",
Và giao cho các vị lương y.

586. Rồi vua yết kiến Kappita,
Đúng lúc cúng dường bậc xuất gia,
Đến trước mặt Ngài ngồi thỉnh ý,
Và tìm các lý lẽ nêu ra.

[Quân vương:]

587. Kẻ ác bị treo ở cọc kia,
Chịu nhiều trừng phạt khổ ê chề,
Hai mươi đêm tấm thân ràng buộc,
Nó chẳng sống còn hoặc chết đi.

588. Bây giờ tôi đã đến buông tha,
Cứu nó theo lời quỷ dạ-xoa,
Xin hỏi phải chăng còn có cách,
Làm cho nó thoát ngục Diêm-la?

589. Tôn giả, bảo tôi biết cách gì,
Chúng tôi tin tưởng lắng tai nghe,
Phải chăng không thể tiêu trừ nghiệp,
Cho dẫu ta không hiểu chuyện kia?

[Ẩn sĩ:]

590. Nếu ngày đêm nỗ lực tinh cần,
Nó thực hiện nhiều thiện nghiệp nhân,
Nó sẽ thoát ra từ ngục tối,
Thiện nghiệp phải đem lại phước phần.

[Quân vương:]

591. Nay tôi hiểu rõ chuyện này rồi,
Tôn giả, giờ đây thương xót tôi,
Bậc trí dạy cho tôi giáo pháp,
Để tôi khỏi đọa ngục Diêm đài.

[Ẩn sĩ:]

592. Ngay tự hôm nay với tín tâm,
Ngài quy y Phật, Pháp,Tăng nhân,
Đồng thời thân thực hành năm giới,
Trọn vẹn và không có lỗi lầm.

593. Từ nay ngài bỏ giết muôn loài,
Không lấy vật chi chẳng tặng ngài,
Không uống rượu nồng, không nói dối,
Hãy bằng lòng với vợ ngài thôi.
Trang nghiêm lãnh tám công thù thắng,
Đưa đến nhiều thành quả đẹp tươi.

594. Với tâm thanh thản hãy đem dâng,
Các bậc Chánh chơn những vật cần,
Y phục, đồ ăn, bình khất thực,
Nơi an trú với chỗ ngồi nằm,
Thức ăn đủ loại mềm và cứng,
Thức uống và nơi chốn nghỉ chân.

595. Thiết đãi Tỷ-kheo thức uống ăn,
Những người có giới hạnh siêu quần,
Đa văn và thoát ly tham dục,
Công đức vẫn luôn phát triển dần.

[Quân vương:]

596. Thực hành Chánh pháp thật tinh chuyên,
Với nhiệt tình luôn ngày lẫn đêm,
Ngài tự cứu mình từ địa ngục,
Thiện hành mang phước báu nhân thiên.

597. Ngay tự hôm nay với tín tâm,
Tôi quy y Phật, Pháp, Tăng nhân,
Đồng thời thân thực hành năm giới
Trọn vẹn và không có lỗi lầm.

598. Từ nay tôi bỏ giết muôn loài,
Không lấy vật gì chẳng tặng tôi,
Không uống rượu nồng, không nói dối,
Biết bằng lòng với vợ mình thôi.
Trang nghiêm lãnh tám công thù thắng,
Đưa đến nhiều thành quả đẹp tươi.

599-600. Với các vị cao đạo, Thánh Tăng,
Thoát ly tham dục lại đa văn,
Dâng y, thực phẩm trong bình bát,
Sàng tọa và nơi chốn nghỉ chân,
Đủ loại thức ăn mềm hoặc cứng,
Cùng nhiều thức uống, chỗ ngồi nằm.
Tìm trong Phật pháp niềm an lạc,
Tôi quyết không dao động bản thân.

601. Ambasa, vị Licchavi,
Kẻ tại gia thành Tỳ-xá-ly,
Đã trở nên người như vậy đó,
Đầy tâm thành tín, tính nhu mì,
Nhiệt tình thực hiện nhiều công hạnh,
Với chúng Tỷ-kheo quyết hộ trì.

602. Khi người trên cọc đã bình an,
Tự nguyện, người từ giã thế gian,
Đến với Kappita ẩn sĩ,
Rồi hai người đắc quả Sa-môn.

603. Đây chính cách hầu cận Thánh Tăng,
Quả nhiều cho các thiện hiền nhân,
Người trên cọc đạt phần ưu thắng,
Trong lúc am-ba quả nhỏ hơn.

Sau đó, Tôn giả Mahākappitaka đi đến Sāvatthi đảnh lễ bậc Đạo sư và trình lên Ngài vấn đề đã được vị quỷ thần kể cho nhà vua nghe. Bậc Đạo sư lấy đó làm đề tài thuyết pháp cho hội chúng đang hiện diện.

§37. CHUYỆN NGẠ QUỶ SERISSAKA

(*Serissakapetavatthu*)[14] (*Pv.* 57; *PvA.* 244)

604. Hãy lắng nghe câu chuyện dạ-xoa,
Và thương nhân gặp gỡ đường xa,
Chuyện hay khéo kể cho nhau rõ,
Vậy hãy lắng nghe cả chúng ta.

605. Pāyāsi, chính hiệu nhà vua,
Bạn của địa thần, danh tiếng xa,
Đang hưởng lạc trong lầu các ấy,
Vị thiên thần hỏi đám thương gia:

606. "Trong rừng hiểm trở vắng phàm nhân,
Sa mạc khô cằn, chẳng có ăn,
Thật khó đi vào vùng cát trắng,
Nhiều người mất trí sợ nguy nan.

607. Không có cây hay trái ở đây,
Cũng không nhiên liệu, thức ăn này,
Không gì ngoài bụi mù và cát,
Sức nóng đang thiêu đốt đọa đày.

608. Hoang mạc cằn như ấm sắt nung,
Không gì lợi lạc, tựa âm cung,
Xưa là trang trại quân ăn cướp,
Đáng rủa nguyền thay cả một vùng.

609. Vậy các ngươi do động lực nào,
Cớ gì ước muốn đến đây sao,
Các ngươi vội vã cùng nhau đến,
Vì sợ, tham lam, lạc lối vào?"

610. "Lữ khách Aṅga, Ma-kiệt-đà,
Đang đi Sindhu, Sovīra,
Các đoàn xe chất nhiều hàng hóa,
Mong muốn giàu sang, kiếm lợi mà.

611. Không sao chịu được khát ban ngày,
Cùng xót thương bò, ngựa cả bầy,

[14] Trong *Chánh tạng*, *Chú giải* Pāli và *Chú giải* tiếng Anh đều viết lược, BBT trình bày đầy đủ các câu kệ của câu chuyện này. Các câu kệ từ 604-57 tương tự kệ 1228-81 trong *Vv.* 126, *Serissakavimānavatthu* (*Chuyện lâu đài của Serissaka*). Xem *J.* V. 165, *Saṁkhapālajātaka* (*Chuyện long vương Saṁkhapāla*), số §524.

Đến bước này đây, đoàn lữ khách,
Gặp ban đêm giữa lúc canh chầy.

612. Khốn khổ chúng tôi phải lạc đường,
Rối như mù, lạc lối rừng hoang,
Giữa vùng cát khó du hành quá,
Tâm trí hoang mang chẳng biết phương.

613. Đang lúc này đây được thấy ngài,
Dạ-xoa thần lạc trú lâu đài,
Những điều chưa thấy bao giờ cả,
Hy vọng khởi lên với chúng tôi,
Vì chúng tôi vừa nhìn thấy thế,
Chúng tôi đều hạnh phúc, mừng vui."

614. "Sa mạc hoang vu, vượt đại dương,
Con đường khúc khuỷu phải đi ngang,
Cần dùng gậy gộc làm cây chống,
Lại có nhiều sông, núi khó băng,
Thật hiểm nguy vào vùng khác biệt,
Các ngươi lặn lội kiếm giàu sang.

615. Khi vào lãnh thổ các vua kia,
Nhìn mọi người trong xứ khác xa,
Những việc các ngươi nghe thấy đó,
Có gì kỳ thú kể cho ta."

616. "Việc chúng tôi nghe thấy trước đây,
Không gì kỳ thú sánh nơi này,
Siêu phàm thiên tử, không hề chán,
Khi ngắm mỹ quan tuyệt hảo vầy.

617. Các hồ sen trải giữa trời cao,
Phong phú hoa nở đẹp biết bao,
Sen trắng cùng cây luôn kết trái,
Tỏa làn hương tuyệt diệu dường nào.

618. Một trăm trụ ngọc lam cao xanh,
Các đế san hô kết thủy tinh,
Các ngọc mắt mèo, hồng ngọc thắm,
Trụ toàn ngọc sáng kết thành hình.

619. Lâu đài tráng lệ ở trên đầu,
Ngàn trụ oai nghi tuyệt mỹ sao!
Hành lang vàng với tường đầy ngọc,
Có mái dát vàng khéo lợp cao.

620. Lâu đài sáng rực tựa vàng ròng,
Ở tại Jambu, một lạch sông,
Sáng loáng cầu thang, sân thượng, bệ,
Oai hùng, cân xứng, đẹp vô ngần.

621. Trong điện ngọc đầy thức uống ăn,
Một đoàn tiên nữ đứng quây quần,
Ngân vang kèn trống và đàn địch,
Ngài được cung nghênh với tán xưng.

622. Ngài được đoàn tiên tạo lạc an,
Thượng lầu kỳ thú của thiên đàng,
Ngài oai nghi hưởng đầy ân phước,
Lộng lẫy cao sang chẳng nghĩ bàn,
Như Đại Thiên vương Tỳ-xá ngự,
Naḷinī thượng uyển vinh quang.

623. Ngài là thiên tử, dạ-xoa thần,
Thiên chủ mang hình dáng thế nhân,
Lữ khách cả đoàn nay kính hỏi,
Xin ngài cho biết rõ danh xưng?"

624. "Ta là thiên tử Serissaka,
Ta giữ vùng sa mạc thật xa,
Cai quản miền này và xứ nọ,
Tuân hành thiên lệnh Vessava."

625. "Ngài hưởng lạc này bởi ngẫu nhiên,
Hay ngài được tặng bởi chư thiên,
Do ngài xây dựng, do thành tựu,
Lữ khách thương nhân muốn hỏi xem,
Bằng cách nào đây ngài hưởng được,
Lâu đài lạc thú giữa quần tiên?"

626. "Chẳng phải do ta được ngẫu nhiên,
Hoặc ta được tặng bởi chư thiên,
Do ta xây dựng, do thành tựu,
Mà chính do công đức tạo nên."

627. "Phạm hạnh nào hay bởi nguyện cầu,
Quả này do pháp thiện hành sao,
Thương nhân lữ khách này xin hỏi,
Ngài được lâu đài bởi tại đâu?"

628. "Pāyāsi thuở trước là ta,
Cai trị thần dân Kiều-tát-la,

Keo kiệt, xan tham, tin đoạn diệt,
Không tin nhân quả, lạc đường tà.

629. Thế rồi có một vị Sa-môn,
Cưu-ma Ca-diếp, bậc Đa văn,
Biện tài tuyệt diệu, nhiều phương tiện,
Thuyết pháp xua tà kiến khỏi tâm.

630. Khi nghe lời thuyết pháp từ Ngài,
Ta nguyện làm cư sĩ suốt đời,
Không sát sanh và không trộm cắp,
Cũng không uống rượu, nói sai lời,
Cũng không tà dục và tri túc,
Với vợ mình, không muốn vợ ai.

631. Đó là lời nguyện sống trong lành,
Kết quả đây là của thiện hành,
Chính bởi các hành vi phước đức,
Lâu đài này được hưởng phần mình."

632. "Quả thật, trí nhân nói thật chơn,
Không hề nói khác các hiền nhân,
Nơi nào người thiện làm công đức,
Nơi ấy người an hưởng thỏa lòng.

633. Nơi nào có khổ não, kêu thương,
Chết chóc, nhiều ràng buộc, khổ buồn,
Nơi ấy, các người làm ác nghiệp,
Khó lòng thoát khỏi cảnh thê lương."

634. "Giờ đây thiên chúng vẻ bồn chồn,
Lúng túng như đang dính vũng bùn,
Thiên tử, vì đâu ngài bất mãn,
Vì đâu hội chúng chẳng vui lòng?"

635. "Bạn này, các khóm Sirīsa,
Thoang thoảng thiên hương lan tỏa ra,
Vào tận lâu đài, hương phảng phất,
Ngày đêm xua đuổi bóng âm u.

636. Khóm này, sau mỗi một trăm niên,
Một trái nở ra, chín rụng liền,
Một trăm năm đã qua từ lúc,
Ta hiện lên đây giữa chúng thiên.

637. Biết rằng ta sống giữa thiên cung,
Ngũ bách niên trường, sẽ mạng chung,

Khi thọ mạng tàn, công đức tận,
Cho nên ta hoảng sợ buồn lòng."

638. "Thiên tử làm sao phải muộn phiền,
Khi ngài ngự ngũ bách chu niên,
Lâu đài tuyệt mỹ vô song địch,
Chắc chắn những ai phước đức hèn,
Chỉ được sinh vào nơi thấp kém,
Là người phải chịu khổ triền miên."

639. "Những lời khích lệ đẹp lòng sao,
Bạn nói những lời khen ngợi nhau,
Song bạn hỡi, giờ ta bảo hộ,
Cất bước bình an thỏa ước ao!"

640. "Khi nào đi đến Sovīra,
Và đến Sindhu kiếm lợi to,
Cùng với biết bao quà tặng quý,
Chúng tôi dâng lễ Serissaka."

641. "Chớ nên dâng lễ Serissaka,
Còn mọi việc kia sẽ xảy ra,
Song phải kiên tâm hành Chánh pháp,
Và cần tránh các nghiệp gian tà.

642. Có vị tại gia của lữ đoàn,
Học nhiều, giữ giới, tín, chuyên cần,
Cúng dường hào phóng, đầy thân ái,
Tri túc, khôn ngoan, đúng trí nhân.

643. Chàng không cố ý nói sai lời,
Cũng chẳng chuyên tâm hại đến ai,
Không thốt lời phân ly, phỉ báng,
Nói lời tử tế, thật êm tai.

644. Biết vâng lời, kính trọng, tu thân,
Tẩy sạch mình theo giới hạnh luôn,
Người ấy sống đời cao thượng lắm,
Nương nhờ Chánh pháp, dưỡng song thân.

645. Ta chắc chàng đi kiếm bạc vàng,
Chỉ vì muốn phụng dưỡng song thân,
Chứ không phải chính vì mình vậy,
Bởi thế khi cha mẹ mãn phần,
Chàng sẽ hành trì đời Phạm hạnh,
Hướng về xuất thế, thoát ly trần.

646. Thẳng ngay, không hóc hiểm, mưu mô,
Thiện sự thành công, chẳng dối lừa,
Giải quyết việc gì, không kiếm cớ,
Vững trong pháp vậy, sao ưu tư?

647. Vì lý do này ta hiện thân,
Hãy quy ngưỡng Pháp, hỡi thương nhân,
Giá không chàng, bạn thành tro bụi,
Hoảng sợ như mù lạc lối hoang.
Chỉ trích chàng là điều thật dễ,
Phúc thay gặp gỡ bậc hiền lương!"

648. "Người ấy là ai tự bấy nay,
Tên chàng, bộ tộc, thợ hay thầy?
Chúng tôi mong muốn nhìn người ấy,
Ngài đã xót thương xuất hiện đây,
Quả thật phần chàng nhiều lợi lạc,
Nhờ ngài mến chuộng đến như vầy."

649. "Người này tên gọi Sambhava,
Hớt tóc, người tu tập tại gia,
Kiếm sống bằng dao, bàn chải tóc,
Cả đoàn biết thị giả này mà!
Vì chàng là một người lương thiện,
Các bạn đừng nhạo báng chàng ta."

650. "Chúng tôi đều biết rõ người này,
Nhưng chẳng biết chàng đức hạnh thay,
Nay chúng tôi cùng xin đảnh lễ,
Khi nghe ngài nói quý cao vầy!"

651. "Bất cứ ai trong đám lữ hành,
Trung niên, trưởng lão, hoặc xuân xanh,
Xin mời tất cả lên lầu thượng,
Để bọn xan tham ngắm phước lành."

652. Mọi người tại đó nói to lên,
Khi đặt chàng cư sĩ trước tiên:
"Tôi thứ nhất", rồi lên điện ngọc,
Như cung Đế-thích của chư thiên.

653. Cả đoàn lữ khách nói như vầy:
"Tôi trước tiên" nhận ngũ giới này,
Từ bỏ sát sanh loài thú vật,
Cũng không trộm cắp, rượu nồng say,

Cũng không nói dối và tri túc,
Với vợ mình, không muốn vợ ai.

654. Cả đoàn lữ khách nói đồng thanh:
"Tôi trước tiên", trì giới, khởi hành,
Hoan hỷ ngập tràn nhờ đại lực,
Dạ-xoa thần hỗ trợ đồng tình.

655. Đi vào Sindhu, Sovīra,
Vì muốn bạc vàng, kiếm lợi to,
Khi việc làm xong, tròn phận sự,
Trở về an ổn phố Pāṭa.

656. Tất cả bình yên trở lại nhà,
Trùng phùng thê tử cả toàn gia,
Mừng vui, hạnh phúc, đầy hoan lạc,
Làm lễ tôn vinh thiên tử kia,
Lễ hội tưng bừng và rộn rã,
Cùng xây trú xứ Serissaka.

657. Như vậy là bầu bạn thiện nhân,
Được nhiều lợi lạc lớn vô ngần,
Kết giao các thiện nhân trong pháp,
Nhờ một người, toàn thể hưởng ân.

§38. CHUYỆN NGẠ QUỶ NANDAKA

(*Nandakapetavatthu*)[15] (*Pv.* 57; *PvA.* 244)

Khoảng hai trăm năm sau khi bậc Đạo sư diệt độ, có Vua Piṅgala ngự trị Suraṭṭha (vương quốc An Lạc). Vị tướng cầm đầu quân đội nhà vua là Nandaka, đầy tà kiến.

Chư vị kết tập kinh điển kể lại chuyện những người này:

658. Tương truyền Lãnh chúa Piṅgala,
Ngự trị thần dân Suraṭṭha,
Khi đã đi chầu triều Khổng Tước,
Trên đường vua trở lại quê nhà.

659. Trong cơn nóng bức giữa ban ngày,
Vua đến một nơi có vũng lầy,
Nhìn thấy một con đường khả ái,
Là nơi trú ngụ quỷ ma đầy.

---

[15] Xem *Pv.* 9, *Khallāṭiyapetivatthu* (*Chuyện ngạ quỷ sói đầu*); *Pv.* 27, *Dhanapālaseṭṭhipetavatthu* (*Chuyện ngạ quỷ Dhanapāla*); *Vv.* 90, *Tatiyanāgavimānavatthu* (*Chuyện thứ ba về lâu đài con voi*); *A.* I. 138, *Devadūtasutta* (*Kinh Thiên sứ*); *J.* VI. 4, *Mūgapakkhajātaka* (*Chuyện Vương tử què cầm*), số §538; *J.* VI. 221, *Mahānāradakassapajātaka* (*Chuyện bậc Đại trí Nārada Kassapa*), số §545.

660. Vua ấy bảo ngay vị quản xa:
"Con đường này khả ái cho ta,
An toàn yên tĩnh, đầy may mắn,
Theo lối này đi, hỡi quản xa."

661. Vua xứ Suraṭṭha từ chốn đây,
Tiến lên cùng với đội quân ngài,
Bốn đoàn hộ tống đều đi trước,
Hướng dẫn thần dân xứ sở này.

662. Với dáng lo âu một lão gia,
Nói như vầy với chúa Suraṭṭha:
"Chúng ta đi lạc đường rồi đó,
Thật đáng hãi kinh rợn tóc da.

663. Mặt tiền ta thấy một con đường,
Song phía sau không thấy hướng phương,
Tất cả chúng ta đang lạc bước,
Đến gần quân của Diêm-ma vương.

664. Có một mùi ma quỷ bốc ra,
Tiếng ồn khủng khiếp được nghe qua."
Suraṭṭha lãnh chúa liền kinh hoảng,
Vội nói như vầy với quản xa:

665. "Nay chúng ta đang lạc bước đường,
Thật là lạnh gáy, đáng kinh hoàng,
Mặt tiền thấy một con đường nọ,
Song phía sau không thấy hướng phương.

666. Nay chúng ta đang lạc bước đường,
Đến gần quân của Diêm-ma vương,
Một mùi ma quỷ đang xông khắp,
Khủng khiếp tai nghe một tiếng ồn!"

667. Nhà vua đang ngự ở lưng voi,
Ngơ ngác nhìn quanh bốn hướng trời,
Chợt thấy một cây đa rợp bóng,
Sum suê cành lá thật xanh tươi.

668. Cây có màu xanh xám tựa mây,
Đỉnh cây có sắc của sương dày,
Nhà vua hỏi vị quan điều ngự:
"Ta thấy vật chi lớn thế này,
Như đám mây xanh màu xám ngắt,
Đỉnh cây có sắc tựa sương bay?"

[Quan điều ngự:]

669. Chúa công, đó chính một cây đa,
Cành lá sum suê tỏa bóng ra,
Cây có màu mây xanh xám ngắt,
Đỉnh cây có sắc tựa sương sa.

670. Suraṭṭha chúa tể lại lên đường,
Về hướng cây cao lớn dị thường,
Sắc tựa đám mây xanh xám ngắt,
Đỉnh cây lại có một màu sương.

671. Nhà vua bước xuống tự lưng voi,
Đi đến gần cây nọ một hồi,
Cùng với quần thần và cận vệ,
Ở ngay gốc rễ, chúa công ngồi.

672. Vua thấy bánh và hủ nước trong,
Một người có dáng điệu thiên thần,
Điểm tô đủ loại đồ trang sức,
Đi đến ngỏ lời với chúa công:

673. "Chúa công! Hân hạnh được chào mừng,
Chư vị đến đây thế cũng gần,
Chúa thượng, xin mời ngài uống nước,
Và dùng bánh hỡi vị anh hùng!"

674. Nhà vua cùng với các quần thần,
Cận vệ bên mình uống nước trong,
Ăn bánh rồi vua cất tiếng hỏi:
"Xin cho biết có phải thiên nhân,
Thát-bà hay chính là thiên chủ,
Purindada ấy phải chăng?
Không biết ngài nên ta muốn hỏi,
Làm sao ta biết được tôn ông?"

[Quỷ thần:]

675. Tôi đây không phải một thiên nhân,
Chẳng phải Sakka, chẳng nhạc thần,
Tôi chính quỷ nhân, tâu Chúa thượng,
Từ Suraṭṭha đến ở ma cung.

[Quân vương:]

676. Ngày trước ngài công đức thế nào,
Ở Suraṭṭha xử thế ra sao,

Ngài theo Phạm hạnh nào từ trước,
Nay hưởng cảnh vinh hiển biết bao?

[Quỷ thần:]

677. Xin hãy lắng nghe, hỡi Chúa công!
Là người khai quốc, vị anh hùng,
Quốc sư tế lễ nghe tôi nói,
Cùng các quân nhân, các đại thần!

678. Chúa công, tôi đến tự Suraṭṭha,
Thuở trước tính tình thật xấu xa,
Tà kiến mang đầy cùng ác ý,
Xan tham, hay mạ lỵ người ta.

679. "Tôi ngăn lắm kẻ thật nhân từ,
Hành thiện sự nhiều để lợi tha,
Tôi cản bước chân bao kẻ khác,
Sẵn lòng lấy của cải đem cho.

680. Bảo: 'Bố thí không tạo phước phần,
Đâu là kết quả tự điều thân?
Không hề có đạo sư nào cả,
Ai sẽ phạt người không hiến dâng?

681. Giữa các hữu tình đồng đẳng nhau,
Tại sao kính trọng vị niên cao?
Có đâu nỗ lực và tinh tấn,
Nói đến tinh cần bởi cớ sao?

682. Bố thí không mang quả phước phần,
Cũng không trừ diệt một cừu nhân,
Mỗi người được những gì cần có,
Và nhận những gì phải đến thân.

683. Chẳng có mẹ cha, huynh đệ đâu,
Không đời này cũng chẳng đời sau,
Cũng không bố thí, không dâng cúng,
Không có gì bền vững được lâu.

684. Hễ ai đánh đập một người nào,
Hoặc có đem người khác chặt đầu,
Cũng chẳng làm gì gây tổn hại,
Giữa muôn loài vật sống bên nhau.

685. Mỗi mạng sống đều bất khả phân,
Dầu hình bát giác hoặc cầu lăn,

Nó cao đến cả năm trăm dặm,
Ai có thể tiêu diệt nó chăng?

686. Cũng giống cuộn dây được ném ra,
Từ người thả nó chạy lăn xa,
Như vầy là mạng người đang sống,
Thoát được những ai thả nó mà.

687. Như người từ giã một ngôi làng,
Vào một làng kia phải thấy đường,
Cũng vậy một con người tận số,
Bước vào thân xác mới tha phương.

688. Như người từ giã một ngôi nhà,
Và bước vào nơi trú ngụ kia,
Cũng vậy là con người tận số,
Đi vào một cảnh giới phương xa.

689. Sau khi qua hết nẻo luân hồi,
Tám triệu bốn trăm ngàn kiếp trôi,
Tất cả kẻ ngu cùng bậc trí,
Thảy đều chấm dứt khổ đau rồi.

690. Lạc ưu đo được bằng thùng giỏ,
Người chiến thắng thông hiểu sự đời.'"
Kẻ khác đều là phường xuẩn ngốc,
Tôi mang tà kiến cả đời tôi.

691. Xưa kia tôi lầm lạc lắm mê si,
Tà kiến, tôi không đạo hạnh gì,
Tôi lại xan tham, hay phỉ báng,
Không đầy sáu tháng sẽ ra đi.

692-93. Đọa vào địa ngục hãi kinh sao,
Có bốn góc và bốn cửa vào,
Ngục được chia phần theo kích thước,
Xung quanh bao bọc với tường rào,
Làm bằng sắt nóng và trên mái,
Cũng có sắt che tận đỉnh cao.

694-97. Nền sắt ánh lên lửa nóng bừng,
Sáng ngời mọi phía trăm do-tuần,
Trăm ngàn năm đã trôi qua mất,
Lập tức một âm thanh chuyển rung,
Những kẻ tà tâm và ác tính,
Đã từng phỉ báng các chân nhân,

Bị hành địa ngục vô lượng kiếp,
Chốn ấy sẽ đau khổ chẳng ngừng.

698. Cho nên tôi thống thiết than van,
Kết quả ác hạnh kia phải mang,
Xin lắng nghe tôi, tâu Chúa thượng,
Anh hùng khai quốc, chúc an khang!
Nguyên tôi có một cô con gái,
Tên gọi Uttarā thật ngoan.

699. Nàng hành thiện sự thấy an vui,
Giữ bát quan trai giới đúng thời,
Nàng sống điều thân ham bố thí,
Nhân từ khôn khéo lúc trao lời.

700. Nhất mực tuân theo giáo pháp nhà,
Nàng làm dâu quý tộc danh gia,
Nàng là đệ tử Ngài Viên Giác,
Bậc Trí vinh quang tộc Thích-ca.

701. Một Tỷ-kheo cao đạo khác thường,
Ra đi khất thực bước vào làng,
Mắt người cúi xuống, thân điều phục,
Chánh niệm và phòng hộ các căn,
Trong lúc đi từng nhà khất thực,
Dần dần người đến tận nhà nàng.

702. Uttarā lúc ấy nhìn người,
Chúc Chúa công luôn hưởng phước trời!
Nàng đã dâng người bình nước uống,
Cùng nhiều bánh bột lại thưa lời:

703. "Tôn giả, cha con đã mất rồi,
Mong sao lễ mọn giúp cho người."
Không lâu sự việc nàng vừa thấy,
Kết quả tức thì đến với tôi.

704. Tôi hưởng thức ăn lạc thú tràn,
Khác nào Thiên đế Tỳ-sa-môn.
Hỡi anh hùng mở mang bờ cõi,
Xin lắng nghe đây, tấu Chúa công!

705. Phật-đà được gọi đấng Siêu Nhân,
Giữa các thiên, nhân ở cõi trần,
Hãy đến quy y vào đức Phật,
Cùng đàn thê tử hỡi anh hùng!

706. Nhiều người đạt bất tử vô sanh,
Do chính đạo kia có tám ngành,
Cùng vợ con đi tìm giáo pháp,
Để quy y hỡi bậc hùng anh!

707. Cùng bước đi trên bốn đạo này,
Trú trong bốn quả quý cao thay,
Chư Tăng trực hạnh và tu luyện,
Giới đức trang nghiêm, trí tuệ đầy.

708. Hỡi bậc anh hùng, xin hãy đi!
Cùng đoàn thê tử thọ tam quy,
Mau mau bỏ giết loài sanh vật,
Không lấy trộm cho dẫu vật gì,
Không uống rượu nồng, không nói dối,
Hãy bằng lòng với vị vương phi.

[Quân vương:]

709. Ngài muốn ta an, hỡi dạ-xoa!
Ngài mong lợi ích với hoàng gia,
Phần ta thực hiện lời ngài dạy,
Ngài chính là sư phụ của ta.

710-11. Ta đến quy y đấng Phật-đà,
Tối cao Giáo pháp, với Tăng-già,
Ta mau bỏ hết điều sanh sát,
Không lấy vật gì chẳng tặng ta,
Không uống rượu nồng, không nói dối,
Biết bằng lòng với vợ trong nhà.

712. Ta bỏ khoe khoang với xảo ngôn,
Nhanh như thể đổ xuống dòng sông.
Ta nôn ra hết bao tà kiến,
Thích thú tuân lời dạy Thế Tôn.

713. Nói vầy xong, chúa tể Suraṭṭha,
Từ bỏ ngay quan điểm ác tà,
Đảnh lễ Thế Tôn, rồi Chúa thượng,
Hướng về Đông, ngự giá vương xa.

Nhờ thần lực của vị quỷ nhân, nhà vua về kinh thành kịp ngày hôm ấy. Về sau đúng thời, vua tường thuật chuyện ấy với chư Tỷ-kheo và chư vị này, lại trình vấn đề với chư Trưởng lão biên soạn giáo pháp để đưa câu chuyện vào hội đồng kết tập kinh tạng thứ ba.[16]

[16] Xem *PvA*. 256.

§39. CHUYỆN NGẠ QUỶ REVATĪ (*Revatīpetavatthu*)[17] (*Pv.* 61; *PvA.* 257)

714. Này đứng lên, Revatī ác tánh,
Cửa đưa vào địa ngục đã mở toang,
Hỡi nữ nhân đủ các thói xan tham,
Ta sẽ dẫn ngươi vào miền ác thú,
Nơi kẻ đến phải khóc than sầu khổ,
Kẻ bị giam vào ngục chịu đau buồn.

715. Nói vậy xong, hai quỷ dữ mắt hồng,
Thân đồ sộ là Diêm vương sứ giả,
Revatī, mỗi gã cầm một tay,
Khởi hành lên hội chúng của chư thiên.

716. Lâu đài ai tấp nập cả quần tiên,
Đang lấp lánh như mặt trời sáng chói,
Cõi thiên cung được bao vây bằng lưới,
Dệt vàng đang chiếu tựa ánh triêu dương?

717. Đoàn tiên nương tẩm đệ nhất chiên-đàn,
Tô điểm đẹp cho tiên cung mọi mặt,
Vẻ tráng lệ, lâu đài như vầng nhật,
Ai sanh thiên đang hưởng cảnh lâu đài?

718. Xưa ở thành Ba-la-nại một người,
Có tên gọi Nandiya cư sĩ,
Không xan tham, chàng cúng dường hậu hỷ,
Đây lâu đài chàng, thị nữ cả đoàn,
Đang sáng bừng như ánh mặt trời quang.

719. Đoàn tiên nữ tẩm chiên-đàn đẹp nhất,
Đang làm đẹp cho lâu đài mọi mặt,
Vẻ diễm kiều không khác ánh mặt trời,
Chàng sanh thiên, đang hưởng cảnh lâu đài.

720. Ta là vợ Nandiya thuở trước,
Nữ chủ nhân nắm quyền khắp gia tộc,
Nay muốn cùng chàng hưởng cảnh lâu đài,
Ta chẳng mong nhìn địa ngục trần ai.

721. Đây địa ngục dành cho ngươi độc dữ,
Trong thế gian nơi loài người cư trú,
Phước đức không hề được chính ngươi làm,
Những kẻ nào đầy sân hận, xan tham,

---

[17] Trong *Chánh tạng*, *Chú giải* Pāli và *Chú giải* tiếng Anh đều viết lược, BBT trình bày đầy đủ các câu kệ của câu chuyện này. Các câu kệ từ 714-36 tương tự kệ 863-85 trong *Vv.* 77, *Revatīvimānavatthu* (*Chuyện lâu đài của Revatī*).

Tính ác độc không thể nào đạt tới,
Cảnh đồng cư với người lên thiên giới.

722. Cái gì đây để lộ đám phân dơ,
Và nước tiểu bất tịnh bày như thế,
Cái gì đây mùi xú uế bốc ra,
Phân gì đó đang bồng bềnh trôi chảy?

723. Saṃsavaka bách trượng sâu là đấy,
Revatī sẽ cháy mấy ngàn năm.

724. Những ác hạnh nào về khẩu, ý, thân,
Khiến ta đến Saṃsavaka bách trượng?

725. Các Sa-môn, Bà-la-môn, hành khất,
Ngươi đều đem lời dối trá phỉnh lừa,
Đây chính là ác nghiệp tạo ngày xưa.

726. Vậy ngục Saṃsavaka sâu bách trượng,
Chính là chốn Revatī thọ nhận,
Và bị thiêu đốt cả mấy ngàn năm.

727. Ngục tốt đem chặt đứt cả tay chân,
Chúng cắt cả đôi tai cùng chiếc mũi,
Và sau đó bầy quạ diều ùa tới,
Xâu xé người đang giãy giụa đằng kia.

728. Tốt lành thay! Nếu ta được đưa về,
Ta sẽ tạo phước nhiều nhờ bố thí,
Sống chế ngự, tự điều thân, hoan hỷ,
Những người làm như vậy hạnh phúc tràn,
Và ngày sau không hối hận ăn năn.

729. Ngày xưa ngươi sống buông lung, phóng dật,
Nên ngày nay phải khổ đau than khóc,
Phải chịu bao nghiệp quả chính ngươi làm.

730. Ai từ trên thiên giới xuống trần gian,
Phải nói vậy cùng ta, khi được hỏi:
"Nên cúng dường cho những người giữ giới,
Thức uống ăn, y phục với tọa sàng.
Còn kẻ nào đầy sân hận, xan tham,
Và ác tánh không thể nào cộng trú,
Với những người lên cõi trời, thiện thú."

731. Ví từ đây ta trở lại làm người,
Giữ giới và hào phóng sống trong đời,
Ta sẽ thực hiện biết bao thiện sự,
Do bố thí, công bằng, tâm chế ngự.

732. Lòng tín thành, ta sẽ lập vườn hoa,
Và đắp đường trong khoảng đất hoang sơ,
Xây hồ nước, giếng đào cho dân chúng.

733. Ngày mười bốn, ngày rằm, ngày đặc biệt,
Cùng với ngày thứ tám mỗi nửa trăng,
Ngày bát quan trai, giữ giới luật tám phần.

734. Bố-tát giới, ta sẽ luôn phòng hộ,
Không phóng dật và giữ gìn đức độ,
Chuyên cúng dường, việc ta thấy thật lòng.

735. Trong khi nàng giãy giụa, hét đau thương,
Chúng liền thả chân nàng, đầu lộn xuống,
Vào địa ngục kinh hoàng sâu trăm trượng.

736. Ngày xưa ta vốn biển lận, xan tham,
Phỉ báng nhiều ẩn sĩ, Bà-la-môn,
Và lừa phỉnh chồng ta bằng lời dối,
Nay cháy trong ngục kinh hoàng u tối.

§40. CHUYỆN NGẠ QUỶ CÂY MÍA (*Ucchupetavatthu*) (*Pv.* 61; *PvA.* 257)

Trong khi đức Thế Tôn đang trú tại Veḷuvana (Trúc Lâm), một người đang chở mía, cầm một khúc mía vừa đi vừa ăn. Các vần kệ này kể lại câu chuyện trên.

Một hôm, Tôn giả Mahāmoggallāna (Đại Mục-kiền-liên) đang đi khất thực vào Vương Xá, gặp một ngạ quỷ thưa trình như sau:

737. Một rừng mía lớn hiện bên mình,
Bát ngát mùa phong phú tốt lành,
Song nó không cho tôi chút ít,
Kính thưa Tôn giả đại uy danh,
Nghiệp gì gây quả này như vậy,
Tôn giả cho tôi biết sự tình?

738. Tôi đang thống khổ bị hành thân,
Tôi cố gắng tìm chút để ăn,
Tôi phấn đấu hoài bên khóm mía,
Sắp tàn hơi thở chết kề gần,
Tôi than khóc tấm thân đày đọa,
Do nghiệp gì đem quả ấy chăng?

739. Thất bại tôi nhào xuống đất ngay,
Lăn tròn trong lửa đốt thiêu này,
Như con cá nọ, tôi than khóc,
Nước mắt nhỏ ra cả mặt mày.

Tôn giả, xin Ngài cho biết rõ,
Nghiệp gì đem kết quả như vầy?

740. Tôi đói khát và kiệt sức tàn,
Kinh hoàng tôi chẳng biết bi hoan.
Chúc Ngài hưởng phước, tôi xin hỏi,
Làm thế nào tôi được mía ăn?

Tôn giả Moggallāna:

741. Khi làm người ở một thời xưa,
Ngươi đã tạo nên một nghiệp tà,
Ta nói cho ngươi nghe việc ấy,
Khi nghe, ngươi biết chuyện vừa qua.

742. Ngươi bước trên đường lấy mía ăn,
Một Tỷ-kheo đến tự sau lưng,
Bảo ngươi rằng muốn xin đôi chút,
Ngươi chẳng đáp lời, chẳng hé răng.

743. Cho dẫu ngươi không muốn nói năng,
Người kia vẫn nói giọng xin van:
"Cho tôi khúc mía thưa ông chủ",
Sau đó ngươi cho một ít phần,
Từ phía sau lưng và kết quả,
Nghiệp kia ngươi đã lãnh vào thân.

744. Nhìn đây! Cầm mía ở sau mình,
Hãy lấy mía ăn thật thỏa tình,
Do chính việc này ngươi sẽ được,
Hân hoan thích thú, hưởng ân lành!

745. Nó đi cầm mía tự sau mình,
Khi đã cầm ăn thật thỏa tình,
Do chính cách này nên nó được,
Hân hoan thích thú, hưởng ân lành.

Ngạ quỷ ấy bèn cầm một bó mía cúng dường Tôn giả Đại Mục-kiền-liên và vị này đem dâng đức Phật ở Trúc Lâm. Đức Thế Tôn cùng hội chúng Tỷ-kheo dùng mía ấy rồi nói lời tùy hỷ công đức. Từ đó về sau, ngạ quỷ ấy có thể ăn mía thỏa thích. Theo thời gian, ngạ quỷ được tái sanh giữa hội chúng cõi trời Ba Mươi Ba.

§41. CHUYỆN NGẠ QUỶ CÁC VƯƠNG TỬ

(*Kumārapetavatthu*) (*Pv.* 63; *PvA.* 261)

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong khi đang trú tại Jetavana (Kỳ Viên).

Tương truyền, Đại vương nước Kosala (Kiều-tát-la), trị vì tại Sāvatthi (Xá-vệ), có hai vương tử khả ái đang độ hoa niên. Trong nỗi đam mê dục vọng của tuổi trẻ không được kềm chế, hai vị đã phạm tội tà dâm nên sau khi từ trần, hai vị tái sanh làm ngạ quỷ, bị đè bẹp trong một ống cống. Suốt đêm, ngạ quỷ thường than khóc với những tiếng kêu la khủng khiếp. Dân chúng nghe vậy rất kinh hãi.

Do sự việc này, dân chúng cúng dường đại lễ lên Giáo hội do đức Phật đứng đầu và bảo nhau:

– Điềm xấu này phải chấm dứt.

Sau đó, họ trình lên đức Thế Tôn những việc đang xảy ra. Ngài bảo:

– Này chư đệ tử, chư vị không thể chấm dứt tiếng kêu la này được đâu.

Rồi Ngài nói rõ nguyên nhân sự việc này cho hội chúng qua các vần kệ sau:

746. Có một kinh thành tên Xá-vệ,
Ở trên sườn núi Tuyết Cao sơn,
Tôi nghe vầy: Có đôi vương tử,
Là các con trai bậc đế vương.

747. Phóng dật buông lung các dục tham,
Tìm nguồn lạc thú ở trần gian,
Chúng không suy xét tương lai chúng,
Tận hưởng thú vui hiện tại tràn.

748. Khi chúng bỏ thân xác thế nhân,
Đi sang thế giới khác người trần,
Dù không ai thấy, thường kêu khóc,
Về ác nghiệp xưa chúng đã làm.

749. "Quả thật nhiều người đáng cúng dâng,
Với nhiều lễ vật", chúng than van;
"Xưa ta chẳng tạo nên công đức,
Đem đến cho mình chỗ trú an.

750. Ác nghiệp nào đời trước tạo ra,
Do vầy từ giã chốn hoàng gia,
Tái sanh vào cõi loài ma đói,
Chịu đói khát giày xéo chúng ta?"

751. Những kẻ làm vua cõi thế nhân,
Sẽ không làm chúa tể âm cung,
Sang hèn hai loại đều quanh quẩn,
Bị đói khát hành hạ khổ thân.

752. Biết rằng đau khổ có nguồn căn,
Vua chúa buông lung phóng dật tâm,

Nam tử bỏ vương quyền ngã mạn,
Do vầy thành một vị thiên nhân,
Sau khi xả báo thân phàm tục,
Bậc trí tái sanh cõi sáng bừng.

Như vậy, bậc Đạo sư kể lại số phận của các ngạ quỷ xong, liền hồi hướng về chúng công đức do những người này cúng dường lễ vật và thuyết pháp theo ý Ngài.

§42. CHUYỆN NGẠ QUỶ VỊ VƯƠNG TỬ

(*Rājaputtapetavatthu*) (*Pv.* 63; *PvA.* 263)

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Jetavana (Kỳ Viên).

Thuở xưa, có một nam tử của vua mệnh danh là Kitava làm tổn thương một vị Độc Giác Phật. Chàng phải đọa vào địa ngục nhiều ngàn năm, và chính vì lỗi lầm kia, chàng bị tái sanh vào loài ngạ quỷ. (Chuyện của chàng đã được kể đầy đủ chi tiết trong sự tích các ngạ quỷ ở Sānuvāsī).[18]

Bấy giờ, trong khi kể cho một vị Trưởng lão nghe số phận những quyến thuộc quá vãng của ngạ quỷ kia, bậc Đạo sư bảo:

– Quả thật, không phải chỉ quyến thuộc của ông, mà cả ông nữa, lúc trở thành ngạ quỷ trong đời trước, sau khi từ giã thế giới này, cũng đã chịu nỗi thống khổ khốc liệt.

Rồi do lời thỉnh cầu của vị Trưởng lão, Ngài kể chuyện này:

753. Quả do các nghiệp tạo ngày xưa,
Có thể làm dao động trí ta,
Liên hệ sắc, thanh, hương, vị, xúc,
Những gì đem lạc thú say sưa.

754. Ông hoàng đã hưởng thú cao sang,
Đàn địch, ái ân thật ngập tràn,
Sau lúc nhàn du quanh thượng uyển,
Chàng đi vào cổ lũy Đa sơn.

755. Chốn kia chàng thấy Sunetta,
Thanh tịnh điều thân, một Phật gia,
Thiểu dục khiêm cung và biết đủ,
Với bình khất thực kiếm từng nhà.

756. Hoàng nam bước xuống tự lưng voi,
Và đến Hiền nhân ấy thốt lời:
"Tôn giả, xin chào!", rồi lập tức,
Chàng cầm bình bát ném lên trời.

[18] *Pv.* 35, *Sāṇavāsītherapetavatthu* (*Chuyện ngạ quỷ ở núi Sāṇavāsī*), số §27.

757. Ném vỡ chiếc bình xuống đất kia,
Vừa cười vừa nói lúc đi xa:
"Ta là Vương tử Kitava chúa,
Đạo sĩ có làm ích lợi ta?"

758. Quả báo cho hành động bất nhân,
Thật là khắc nghiệt, khổ muôn phần,
Tương truyền vương tử về sau đó,
Phải đọa vào trong ngục tối tăm.

759. Sáu lần tám vạn tư năm
Trong ngục tối đau khổ tận cùng,
Vì tội lỗi mà chàng đã tạo,
Bị nhiều hình phạt đến xoay vần.

760. Chàng cứ nằm đưa mặt xuống sàn,
Xoay quanh phải trái biết bao lần,
Đôi chân chổng ngược lên cao mãi,
Rồi đứng thẳng người ngốc khổ thân.

761-62. Qua mấy ngàn năm, mấy vạn năm,
Bị hành địa ngục khổ vô ngần,
Chính vì tội lỗi chàng gây tạo,
Quả khắc nghiệt kia phải lãnh phần,
Bởi những người đưa tay phá hại,
Bậc Hiền trí giải thoát mê lầm.

763. Sau khi đã trải biết bao năm,
Trong ngục khổ đau thật hãi hùng,
Chàng phải mạng chung vì đói khát,
Trở thành một ngạ quỷ mình trần.

764. Như vầy khi thấy cảnh đau thương,
Do vị vua buông thả kỷ cương,
Ta chẳng làm vua buông thả nữa,
Mà nên hướng đến tính khiêm nhường.

765. Ngay cả trong đời sống hiện thời,
Người tôn trọng Phật, đáng khen hoài,
Có đầy trí tuệ khi thân hoại,
Được tái sanh vào cõi sáng tươi.

§43. CHUYỆN NGẠ QUỶ ĂN PHÂN

(*Gūthakhādakapetavatthu*) (*Pv.* 64; *PvA.* 266)

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc đang trú tại Jetavana (Kỳ Viên).

Tương truyền, trong một thị trấn nọ không xa Sāvatthi, có một gia chủ ra lệnh xây một tinh xá cúng dường vị Tỷ-kheo vốn là bạn thân của mình. Về sau, nhiều Tỷ-kheo từ khắp nơi đến cư trú tại đó.

Khi thấy chư Tăng, dân chúng liền cung cấp đủ mọi thứ cần dùng. Bấy giờ, vị Tỷ-kheo thân tín của chủ nhà không chịu được cảnh này và lòng đầy ganh tị (như các vần kệ kể lại).

Về sau, Tôn giả Mahāmoggallāna thấy vị ấy và hỏi:

766. Ngươi chính là ai khốn khổ thân,
Đứng kia vừa đến tự hầm phân,
Nói cho ta biết hành vi ác,
Ngươi đã làm trong quá khứ chăng?

[Ngạ quỷ:]

767. Tôn giả, tôi là ngạ quỷ nhân,
Thần dân khốn khổ Dạ-ma quân,
Vì tôi đã phạm hành vi ác,
Từ cõi đời tôi đến cõi âm.

[Trưởng lão:]

768. Thời xưa đã phạm ác hạnh gì,
Do khẩu, ý, thân đã thực thi?
Vì nghiệp quả nào ngươi đã tạo,
Giờ ngươi phải chịu cảnh sầu bi?

[Ngạ quỷ:]

769. Nhà tôi thường trú một Tỷ-kheo,
Tật đố và ganh tị đủ điều,
Ở tại nhà tôi, ham dục lạc,
Vị này phỉ báng, xan tham nhiều.

770. Tôi đã nghe lời của ác nhân,
Và tôi khiển trách các Sa-môn.
Bởi vì tôi phạm hành vi ấy,
Từ cõi đời tôi đến cõi âm.

[Trưởng lão:]

771. Bạn thiết của ngươi chính kẻ thù,
Giả danh bạn đấy hỡi người ngu,
Đến khi thân hoại đi nơi khác,
Số phận nào cho kẻ giả tu?

[Ngạ quỷ:]

772. Nay tôi đang đứng ở trên đầu,
Của phạm nhân này tự bấy lâu,

Nó đã đọa vào miền ngạ quỷ,
Chỉ mình tôi, nó phải theo hầu.

773. Vật nào người khác trút cho vơi,
Liền trở thành đồ ăn của tôi,
Và nó, đến phiên mình kiếm sống,
Những gì tôi tống khứ ra ngoài!

Tôn giả Mahāmoggallāna tường thuật sự việc này lên đức Thế Tôn, Ngài liền giải thích ý nghĩa và nêu rõ mối nguy hiểm của sự chỉ trích người khác.

§44. CHUYỆN NGẠ QUỶ ĂN PHÂN

(*Gūthakhādakapetivatthu*)[19] (*Pv.* 65; *PvA.* 269)

Trong lúc đang trú tại Jetavana, bậc Đạo sư kể chuyện này giống như chuyện trên. (Ở đây, một nữ cư sĩ xây tinh xá và bị tái sanh làm nữ ngạ quỷ).

774. Ngươi chính là ai khốn khổ thân,
Đứng kia vừa đến tự hầm phân,
Nói cho ta biết hành vi ác,
Ngươi đã làm trong quá khứ chăng?

775. Tôn giả, tôi là ngạ quỷ nhân,
Thần dân khốn khổ Dạ-ma quân,
Vì tôi đã phạm hành vi ác,
Từ cõi đời tôi đến cõi âm.

776. Thời xưa đã phạm ác hạnh gì,
Do khẩu, ý, thân đã thực thi?
Vì nghiệp quả nào ngươi đã tạo,
Giờ ngươi phải chịu cảnh sầu bi?

777. Nhà tôi thường trú một Tỷ-kheo,
Tật đố và ganh tị đủ điều,
Ở tại nhà tôi, ham dục lạc,
Vị này phỉ báng, xan tham nhiều.

778. Tôi đã nghe lời của ác nhân,
Và tôi khiển trách các Sa-môn.
Bởi vì tôi phạm hành vi ấy,
Từ cõi đời tôi đến cõi âm.

779. Bạn thiết của ngươi chính kẻ thù,
Giả danh bạn đấy hỡi người ngu,
Đến khi thân hoại đi nơi khác,
Số phận nào cho kẻ giả tu?

---

[19] Trong *Chánh tạng*, *Chú giải* Pāli và *Chú giải* tiếng Anh đều viết lược, BBT trình bày đầy đủ các câu kệ của câu chuyện này. Các câu kệ từ 774-81 tương tự kệ 766-73 ở trên.

780. Nay tôi đang đứng ở trên đầu,
Của phạm nhân này tự bấy lâu,
Nó đã đọa vào miền ngạ quỷ,
Chỉ mình tôi, nó phải theo hầu.

781. Vật nào người khác trút cho vơi,
Liền trở thành đồ ăn của tôi,
Và nó, đến phiên mình kiếm sống,
Những gì tôi tống khứ ra ngoài!

§45. CHUYỆN BẦY NGẠ QUỶ (*Ganapetavatthu*) (*Pv.* 65; *PvA.* 269)

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc đang trú tại Jetavana.

Tương truyền tại Sāvatthi, có một số người không mộ đạo, không có lòng tin và có tật xan tham, keo kiệt. Họ thường thờ ơ đối với những ý tưởng họ đã chấp nhận cùng nhiều vấn đề khác trong cuộc đời.

Sau khi đã sống một thời gian dài, họ từ trần và tái sanh làm ngạ quỷ gần kinh thành. Rồi một hôm, Tôn giả Mahāmoggallāna đi đến Sāvatthi để khất thực, Tôn giả thấy bầy ngạ quỷ trên đường bèn hỏi chúng:

782. Trần truồng và xấu xí hình dung,
Hốc hác, khắp thân thể nổi gân,
Gầy guộc, các xương sườn lộ rõ,
Vậy là ai đó, các tôn ông?

[Bầy ngạ quỷ:]

783. Tôn giả, chúng con chính quỷ nhân,
Thần dân khốn khổ Dạ-ma quân,
Chúng con đã phạm hành vi ác,
Từ cõi đời đi đến cõi âm.

[Trưởng lão:]

784. Ngày xưa đã phạm ác hạnh gì,
Do khẩu, ý, thân đã thực thi?
Vì nghiệp quả nào nên đã đọa,
Từ đây tới cảnh giới âm ty?

[Bầy ngạ quỷ:]

785. Cả bọn đi quanh bến tắm công,
Lang thang suốt cả nửa tuần trăng,
Chúng con chẳng tạo nơi an trú,
Bằng cách đem tài vật cúng dâng.

786. Chúng con kinh hãi đến dòng sông,
Sông nước trở thành bãi trống không,

Ngày nắng, chúng con vào bóng mát,
Tàng cây lại hóa nóng bừng bừng.

787. Cơn gió như thiêu đốt lửa hồng,
Thổi ào lên khắp cả toàn thân,
Chúng con xứng đáng nhiều đau khổ,
Hơn thế này, Tôn giả biết chăng?

788. Đói khát mong cầu thức uống ăn,
Chúng con đi cả mấy do-tuần,
Trở về không được gì đâu cả,
Cơ khổ! Chúng con ít phước phần.

789. Đói lả và bất tỉnh ngã lăn,
Chúng con gục xuống đất khô cằn,
Tấm thân sóng sượt nằm co quắp,
Đầu ngã lộn nhào xuống dưới chân.

790. Do vậy chúng con phải ngã liền,
Xuống nền đất lạnh khổ triền miên.
Chúng con đấm ngực và đầu tóc,
Cơ khổ! Chúng con ít phước duyên.

791. Tôn giả, chúng con xứng lãnh phần,
Khổ đau này nữa thật nhiều lần,
Chúng con chẳng tạo nơi an trú,
Cho chính mình bằng cách cúng dâng.

792. Quả thật khi từ biệt cõi này,
Tái sanh nhân thế kiếp sau đây,
Chúng con nguyện hết lòng hào phóng,
Tu tập giới, hành thiện sự ngay.

Vị Trưởng lão trình đức Thế Tôn toàn thể sự việc này.

§46. CHUYỆN NGẠ QUỶ THÀNH PĀṬALIPUTTA

(Pāṭaliputtapetavatthu) (*Pv.* 66; *PvA.* 271)

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong khi đang trú tại Jetavana.

Tương truyền, một số đông thương nhân từ Sāvatthi và Pāṭaliputta đi thuyền đến Suvaṇṇabhūmi (Xứ Vàng). Ở đó, có một người trong bọn họ là một đệ tử tại gia luyến ái một nữ nhân, mắc bệnh và từ trần.

Mặc dù vị ấy đã làm nhiều thiện sự, vị ấy vẫn không được sanh lên thiên giới; nhưng vì luyến ái người yêu, vị ấy tái sanh làm một quỷ thần trong lâu đài giữa đại dương. Ở đấy, quỷ thần vẫn giữ tình yêu đối với nữ nhân kia.

Riêng phần nàng đã lên thuyền du hành đến Xứ Vàng ấy. Bấy giờ, vị quỷ thần muốn chiếm nàng, liền chặn đường đi của chiếc thuyền. Lúc ấy, các thương nhân suy nghĩ trong trí: "Này, thế nào đây? Thuyền không đi được nữa!"

Vì thế, họ rút thăm để quyết định số phận mỗi người. Do thần lực, chiếc thăm rớt xuống ba lần, không ai khác hơn nữ nhân mà quỷ thần đang mong ước.

Chẳng bao lâu sau, khi nàng bị thả xuống biển thì chiếc thuyền nhanh chóng tiến lên về hướng Xứ Vàng kia. Thế rồi, vị phi nhân đem nàng vào lâu đài của mình và hưởng hạnh phúc bên nàng.

Một năm sau, nàng sanh ra bất mãn và cầu xin vị quỷ thần:

– Bao lâu em còn sống ở đây, em sẽ không thể tìm được các cảnh giới khác. Xin tôn ông đưa em về thành Pāṭaliputta.

Đáp lời khẩn cầu này, quỷ thần bảo:

793. Nàng đã thấy bao địa ngục rồi,
Các miền súc vật, quỷ và người,
A-tu-la với thiên thần nữa,
Nàng đã nhận ra nghiệp chín muồi,
Ta sẽ đưa nàng về phố cũ,
Bình an hành thiện sự trên đời.

Nàng hoan hỷ đáp lại:

794-95. Chàng muốn em an, hỡi dạ-xoa!
Chàng mong em lợi ích sâu xa,
Em xin thực hiện lời chàng dạy,
Chàng đối với em chính đạo sư,
Em đã thấy bao miền địa ngục,
Các miền súc vật, quỷ, người ta,
A-tu-la với thiên thần nữa,
Em đã nhìn xem nghiệp báo mà.
Em nguyện thi hành nhiều thiện sự,
Ngay khi vừa đến chốn quê nhà.

Sau đó, vị quỷ thần đem nàng ấy cùng du hành qua không gian, rồi đặt nàng xuống ngay giữa thành Pāṭaliputta và đi về đường cũ. Lập tức, thân bằng quyến thuộc của nàng cùng nhiều người khác trông thấy nàng, họ vô cùng hân hoan và nhận xét:

– Chúng ta nghe trước kia nàng đã bị thả xuống biển cả và chết rồi. Thật phước đức quá! Không ngờ nàng được trở về bình an!

Vì thế, họ hỏi nàng về mọi chuyện phiêu lưu mạo hiểm kia. Nàng liền kể cho họ nghe tất cả. Khi trở về, các thương nhân ấy đến Sāvatthi trình sự việc lên bậc Đạo sư.

§47. CHUYỆN NGẠ QUỶ Ở VƯỜN XOÀI

(*Ambavanapetavatthu*) (*Pv*. 66; *PvA*. 273)

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong khi đang trú tại Sāvatthi.

Ở Sāvatthi, có một gia chủ đã khánh kiệt tài sản. Khi vợ từ trần, vị ấy để con gái duy nhất lại cho một người bạn, rồi vay một số tiền, mua hàng hóa lên đến một trăm đồng *kahāpaṇa* và đi buôn bán theo một đoàn lữ hành.

Chẳng bao lâu, vị ấy trở lại kinh thành và kiếm thêm năm trăm đồng nữa. Sau đó, vị ấy đi về nhà nhưng liền bị bọn cướp tấn công. Các thương nhân chạy trốn đây đó, còn gia chủ này ném các đồng tiền vào bụi cây rồi ẩn mình. Tuy nhiên, bọn đạo tặc kia tìm ra vị ấy và giết đi. Do lòng tham luyến của cải, vị ấy tái sanh làm một ngạ quỷ ngay tại chỗ kia.

Cô con gái nhớ đến người cha quá cố liền cúng cháo gạo trong một cái bình bằng đồng và một số trái xoài dâng đức Thế Tôn, thỉnh cầu Ngài nhận lễ vật như thể do cha nàng cúng vậy. Từ đó, ngạ quỷ kia thọ hưởng một lâu đài mỹ lệ.

Về sau, những thương nhân ấy lại du hành và dừng chân ban đêm ngay đúng chỗ kia, trông thấy vị quỷ thần liền hỏi:

796. Hồ sen ngài có diệu kỳ thay!
Bến nước làm ta phải đắm say,
Bờ thật phẳng lì nhiều nước mát,
Trang hoàng hoa đủ loại như vầy,
Một bầy ong điểm tô đây đó,
Sao ngài được cảnh mỹ hồ này?

797. Đây ngài lại có một vườn xoài,
Tuyệt mỹ và sinh quả mọi thời,
Vườn được trang hoàng hoa nở rộ,
Bầy ong điểm xuyết khắp nơi nơi,
Làm sao ngài được lâu đài ấy,
Xin nói cho ta biết hỡi ngài?

Quỷ thần:

798. Con gái ta làm lễ cúng dâng,
Cháo hoa, xoài chín, nước trong ngần,
Chính vì việc ấy nên ta được,
Hưởng bóng cây êm mát tuyệt trần.

Sau đó, vị quỷ thần đưa cho họ năm trăm đồng tiền *kahāpaṇa* ấy và bảo:

– Hãy lấy một nửa số tiền đây và sau khi giải thích phần tiền kiếm được này của tôi, hãy giao nó cho con gái tôi rồi dặn: "Hãy sống cho đầy đủ sung sướng!"

Đúng thời, những thương nhân trở lại Sāvatthi, kể chuyện này với cô gái ấy, rồi đặt vào tay nàng đầy đủ số tiền mà cha nàng đã cho nàng. Nàng bèn đưa số tiền ấy giao cha nuôi. Nhưng ông trả lại hết cho nàng và bảo:

– Số tiền này không thuộc về ai cả trừ con.

Rồi ông cưới nàng về làm vợ người con trai trưởng của ông. Theo thời gian, nàng sinh được một trai và nàng thường hát ru con với bài ca này:

799. Nhìn phước báu ngay ở cõi trần,
Do dâng lễ vật, tự điều thân.
Xưa ta tỳ nữ nhà danh giá,
Nay được làm dâu nữ chủ nhân.

Rồi một hôm, bậc Đạo sư nhận xét nàng đã thuần thục trong tri thức, liền phóng một hình ảnh đầy đủ hào quang ngay trước mặt nàng và xuất hiện toàn thân.

Vào dịp này, Ngài ngâm vần kệ:

Các bậc Chánh chân thường nhiếp phục,
Những điều bất lạc bằng hân hoan,
Những điều thù oán bằng từ ái,
Nhiếp phục khổ đau với lạc an.

§48. CHUYỆN NGẠ QUỶ TRỤC XE VÀ CÂY GỖ

(*Akkharukkhapetavatthu*) (*Pv*. 67; *PvA*. 277)

Trong khi bậc Đạo sư đang trú tại Sāvatthi, một đệ tử tại gia chất đầy hàng hóa lên xe và đi Videha (Vi-đề-ha) để buôn bán. Khi đã đặt hàng xuống đó, vị ấy chất đầy đoàn xe số hàng hóa mới đem về và lên đường trở lại Sāvatthi.

Trong khi đang đi giữa rừng, cái trục của một chiếc xe bị gãy. Bấy giờ, có một người đang muốn tìm cây gỗ, liền đem rìu lớn, rìu nhỏ đi ra khỏi làng. Khi đang đi quanh trong rừng, kẻ ấy đến nơi kia và thấy vị đệ tử tại gia đang buồn khổ vì trục xe bị gãy. Y thấy thương xót người này, liền đi đẵn cây xuống, và sau khi làm xong một trục xe vững chắc, y ráp cái trục vào xe ấy mà không lấy từ kẻ kia tiền phí tổn gì cả.

Về sau, y từ trần và tái sanh ngay chỗ này trong khu rừng làm một địa thần. Khi suy xét hạnh nghiệp của mình, vị địa thần đến nhà người đệ tử tại gia ấy vào ban đêm, đứng ngay cửa lớn và ngâm kệ này:

800. Vật gì mà kẻ ấy đem cho,
Không chỉ trở thành như vật xưa,
Vậy hãy cứ phân chia tặng vật,
Nhờ đem cho, kẻ ấy đi qua,
Cả hai thế giới và do đó,
Kẻ ấy đi lên, hãy tiến tu!

Khi trở lại Sāvatthi, vị thương nhân trình chuyện này lên bậc Đạo sư.

§49. CHUYỆN NGẠ QUỶ THU GÓP TÀI SẢN (*Bhogasaṃharapetavatthu*) (*Pv.* 67; *PvA.* 278)

Trong lúc đức Thế Tôn đang trú tại Trúc Lâm, bốn nữ nhân tại Vương Xá dùng nhiều phương tiện gian dối buôn bán sữa lạc, mật ong, dầu mè, ngũ cốc và nhiều thực phẩm khác.

Suốt đời họ chỉ lo thu góp của cải một cách ngu si, và vì vậy, sau khi chết, họ tái sanh làm bầy nữ ngạ quỷ trong ống cống ngoại thành.

Ban đêm, bầy ngạ quỷ chịu mọi thống khổ ngập tràn, thường đi quanh quẩn vừa thét lên những tiếng khủng khiếp vang dậy, vừa than khóc:

801. Ta đã góp thu lắm bạc vàng,
Công bằng cùng với chẳng công bằng,
Khi người khác hưởng bao tài vật,
Phần chúng ta nay thật thảm thương.

Khi dân chúng nghe chuyện này, họ vô cùng kinh hoảng và sáng hôm sau liền đem nhiều lễ vật cúng dường đến hầu cận đức Thế Tôn, rồi trình lên Ngài những tiếng hét kia. Ngài lại ngâm vần kệ của bầy ngạ quỷ và kể chuyện chúng đã sống đời trước ra sao.

§50. CHUYỆN NGẠ QUỶ CÁC NAM TỬ CỦA NHÀ TRIỆU PHÚ (*Setthiputtapetavatthu*)[20] (*Pv.* 67; *PvA.* 279)

Bấy giờ, đức Thế Tôn đang trú tại Jetavana (Kỳ Viên), ở Sāvatthi (Xá-vệ).

Thời ấy, một hôm Đại vương Pasenadi (Ba-tư-nặc) của nước Kosala (Kiều-tát-la), phục sức lộng lẫy, ngự trên mình voi với vẻ oai nghi đầy quyền lực đi dạo quanh thành. Nhà vua thấy trên thượng lầu của một nhà kia có một nữ nhân đang nhìn xuống, trông diễm lệ như một thiên nữ.

Lòng nhà vua đâm ra mê mẩn vì trí nhà vua vốn buông lung khó kiềm chế được. Vì thế, nhà vua ra hiệu cho một người ngồi kế sau mình. Và mọi việc được thực hiện giống như trong *Chuyện ngạ quỷ Vua Ambasakkara*,[21] nhưng có điểm khác biệt này.

Ở đây, người đàn ông ấy thực ra đã đến nơi trước khi hoàng hôn, nhưng cổng thành đã đóng. Vì thế, y buộc vào cột trụ của cổng thành gói đất đỏ và bó sen xanh mà y đã mang về và đi vào Kỳ Viên.

Bấy giờ trong lúc đang an giấc, giữa canh khuya, nhà vua nghe bốn vần này: "Sa, na, du, so" được thét vang một cách đau đớn.

Tương truyền, đây là bốn vần đầu của bốn câu kệ do bốn con trai một vị triệu phú thành Xá-vệ thốt ra. Vào thời hoa niên, họ đã tham đắm dục lạc và đi

---

[20] Xem *J.* III. 47, *Lohakumbhijātaka* (*Chuyện địa ngục Nồi Sắt*), số §314.

[21] *Pv.* 45, *Ambasakkarapetavatthu* (*Chuyện ngạ quỷ Vua Ambasakkara*), số §36.

lại với vợ nhiều người khác, tạo nên điều thất đức. Khi từ trần, họ tái sanh vào địa ngục Lohakumbhī (Chảo Sắt) gần kinh thành ấy.

Nhà vua vô cùng kinh hãi, và rạng sáng ngày hôm sau liền kể cho vị tế sư nghe sự việc đã xảy ra. Vị ấy đang mong kiếm một số lợi nhuận, bèn thưa:

– Tâu Đại vương, than ôi! Một đại họa xảy ra. Xin Đại vương cử hành tế lễ đầy đủ bốn phần.

Nhà vua truyền lệnh thi hành việc này. Khi Hoàng hậu Mallikā (Mạt-lợi) nghe chuyện, liền thưa với nhà vua:

– Tâu Đại vương, tại sao vì nghe lời của một Bà-la-môn, Đại vương lại muốn làm một việc gây tổn thương và sát hại nhiều sanh vật như vậy? Nay Đại vương nên tham kiến đức Thế Tôn, là bậc Minh Hạnh vô song và khi Ngài giải thích ra sao thì Đại vương phải làm theo như vậy.

Sau đó, vị Đại vương đến tham kiến bậc Đạo sư và trình Ngài sự việc trên. Đức Thế Tôn bảo:

– Thưa Đại vương, Đại vương sẽ không gặp nguy hiểm nào vì việc ấy cả.

Rồi Ngài kể chuyện ngay từ đầu về tiếng thét của những người tái sanh vào địa ngục Chảo Sắt. Sau đó, Ngài đọc cho nhà vua nghe đầy đủ các vần kệ mà chúng đã bắt đầu thốt ra:

802-03. Với người trong ngục bị hành thân,
Suốt cả thời gian sáu vạn năm,
Việc ấy khi nào thì chấm dứt?
– Sẽ không chấm dứt, chẳng sau cùng.
Bao giờ chấm dứt? – Không nhìn thấy,
Quả bạn và ta phạm lỗi lầm.

804. Chúng ta đang phải sống đau thương,
Vì chúng ta không biết cúng dường,
Những vật cần cho khi có sẵn,
Ta không tạo chỗ trú an toàn.

805. Quả thật khi từ biệt chốn đây,
Được làm người ở cõi đời này,
Ta nguyền hào phóng, chuyên trì giới,
Ta quyết làm nhiều thiện sự ngay.

Khi bậc Đạo sư ngâm các vần kệ xong, Ngài thuyết pháp đầy đủ chi tiết. Lúc kết thúc bài giảng, người đàn ông đã đi tìm đất đỏ và hoa sen ấy được an trú vào Sơ quả Dự lưu. Còn nhà vua, lòng đầy xúc động, liền bỏ tham đắm vợ người khác và hài lòng với vợ của mình.

§51. CHUYỆN NGẠ QUỶ VỚI SÁU VẠN CÁI BÚA

(*Saṭṭhikūṭapetavatthu*) (*Pv.* 68; *PvA.* 282)

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc đang trú tại Trúc Lâm.

Ngày xưa, trong thành Ba-la-nại, có một người què giỏi nghề ném đá. (Đây là *Chuyện Nghề ném đá*,[22] phần chính được kể qua các vần kệ).

Thế rồi một hôm, Tôn giả Mahāmoggallāna đang đi xuống từ núi Linh Thứu, Tôn giả nhìn thấy ngạ quỷ này và hỏi:

806. Tại sao ngươi cứ chạy xoay vần,
Như chú nai đi lạc phát cuồng,
Chắc chắn ngày xưa gây ác nghiệp,
Ngươi nghĩ thế nào việc ấy chăng?

Ngạ quỷ đáp:

807. Tôn giả, con là ngạ quỷ nhân,
Thần dân khốn khổ Dạ-ma quân,
Vì con đã phạm hành vi ác,
Con đến cõi ma đói ẩn thân.

808. Sáu mươi ngàn chiếc búa vừa tròn,
Bổ xuống đầu con, chẻ sọ con.

Trưởng lão hỏi tiếp:

809. Ngày xưa đã phạm ác hạnh gì,
Do khẩu, ý, thân đã thực thi?
Vì nghiệp quả nào ngươi đã tạo,
Từ đời này đến cõi âm ty,

810. Sáu mươi ngàn chiếc búa liên hồi,
Bổ xuống đầu ngươi, chẻ sọ ngươi?

Ngạ quỷ:

811. Ngày xưa con thấy Sunetta,
Hoàn thiện các căn một Phật gia,
Vừa đến gốc cây ngồi tĩnh tọa,
An nhiên thiền định chẳng âu lo.

812. Con ném Ngài bằng cục đá vôi,
Làm tan vỡ cả chiếc đầu Ngài,
Vì hành vi ấy ngày xưa phạm,
Con phải chịu đau khổ thật dài.

813. Sáu mươi ngàn chiếc búa vừa tròn,
Bổ xuống đầu con, chẻ sọ con.

---

[22] Xem *J.* I. 418, *Sālittakajātaka* (*Chuyện nghề ném đá*), số §107.

Khi nghe vậy, vị Trưởng lão giải thích:

814. Vì Chánh pháp này hỡi ác nhân,
Sáu mươi ngàn chiếc búa xoay vần,
Giờ đây đánh xuống đầu ngươi mãi,
Chẻ nát đầu ngươi sáu vạn lần.